

Tác Giả và Tác Phẩm

Khái Hưng (II)

Tiểu sử

Mất tại Nam Định 11.7.1947.

Tác phẩm

Thừa tự (1938), Đẹp (1940), Đợi chờ (1940), Thanh Đức (1942), Cái Ve (1944).
Viết chung với Nhất Linh : Anh phải sống, Gánh hàng hoa, Đời mưa Gió.



Mục Lục

Đồng xu - 2

Viết thêm về Nhất Linh và Tự lực văn đoàn – Đặng Trần Huân - 6

Điều thuốc lá – 8

Khái Hưng Trần Khánh Giu (1896-1947?) – Nguyễn Vũ - 11

Hai con mắt – 23

Tài năng đa dạng của Khái Hưng – Duy Lam - 26

Cái ve - 31

Khái Hưng (1896-1947) – Thụy Khuê – 46

Phụ đính :

Nhớ về nhà văn Khái Hưng
Khái Hưng trong tù Mai Chi
Trách nhiệm của tôi về cái chết của Khái Hưng
Những tác phẩm cuối cùng của Khái Hưng

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Đồng xu

Rời bãi đá bóng, Phiên lang thang trên đê, hai tay thọc túi chiếc áo dạ tím bạc màu và rách sờn cổ, mặc trùm ra ngoài một bộ quần áo vải xanh, dính đầy dầu máy.

Từ sông thổi vào mũi chàng, vào miệng chàng, vào cái dạ dày trống rỗng của chàng từng cơn gió lạnh phảng phất lẫn với mùi phở thơm tho, ấp ập. Phiên mắt nhắm lim dim đứng rướn thẳng lên hít một hơi mạnh và dài.

Một người to lớn vội vàng hấp tấp chạy vọt lên đê, xô vào Phiên, làm chàng ngã, văng đôi guốc ra xa. Người ấy làu nhàu mấy tiếng trong mồm, rồi nhún vai đi thẳng. Phiên cũng nhún vai đáp lại để tỏ khinh bỉ.

Tiếng hò reo, tiếng vỗ tay hoan hô rầm rộ ở phía sau lưng. Phiên nghĩ thầm: "Trời rét, đá bóng thế có đói chết không?" Nhưng chàng mỉm cười nghĩ tiếp luôn "Hừ! mình cứ tưởng ai cũng như mình, cũng nhịn đói như mình!" Phiên xuống đường, rẽ qua phố Hàng Đậu.

Một người đi xe đạp, để tránh Phiên phải lái vội xe đâm vào rìa hè.

- Mù à!

Phiên đáp lại câu mắng bằng cái nhún vai lặng lẽ thứ hai, rồi cắm đầu đi thẳng.

Lạnh lạnh có tiếng rao: "Hàng xôi phán xa!" Bất giác Phiên thọc sâu tay xuống đáy túi, vôn về đồng xu, đồng xu cuối cùng của chàng:

- Phán xa! Phán xa!

Người bán lạc chừng không nghe rõ tiếng chàng gọi, tiếng gọi nhỏ nhẹ, yếu đuối. Lần thứ ba chàng nhún vai, tự nhủ thầm: "Chậc! thôi, chẳng ăn nữa. Thà đói hẵn. Chứ ăn một xu lạc rang mặn chẳng bổ chua mồm!"

Vẫn nắm đồng xu lạnh trong tay, chàng mỉm một nụ cười sung sướng:

"ừ, phải đấy! Ta tìm ăn cái gì chắc dạ. Ăn lạc rang chỉ tổ đói thêm!"

Mùi chả nướng tạt mạnh vào mũi. Phiên dừng lại quay nhìn vào trong hàng cơm: Những gói giò xanh, những chiếc chả tròn và vàng, những đoạn lòng lợn treo lủng lẳng ở cái lao màn ngắn. Trên ghế dài, hai người phu xe ngồi ăn cơm chan, và xì xụp, coi bộ ngon lành quá.

Phiên toan hỏi họ xem với một xu có thể ăn được mấy bát cơm, thì một người quay ra nhón nhác nhìn chàng:

- Thừa thầy đi xe? Tôi ăn xong đây ạ!

Rồi đứng dậy, và lùa và lùa. Phiên vội đáp;

- Không.

Và hổ thẹn rảo bước. Đi một quãng xa chàng mới kịp nghĩ: "Hừ, thầy với bà! Chỉ tối nay không

có gì ăn là thầy lả, bỏ xác thầy!. Bữa sáng hôm nay là bữa nhịn đói thứ ba của thầy rồi. Ấy là chưa kể hai bữa điếm tâm buổi sáng và một bữa năm giờ của dân Hồng Mao". Phiền bật lên tiếng cười to.

Vì chàng nhớ lại những bữa trà đầy đủ của một cặp vợ chồng giáo sĩ Hoa Kỳ. Ngày ấy, Phiền còn theo học trường Bảo hộ. Chàng ở trọ nhà một ông ký ga, phố Nguyễn Trãi. Chiều thứ năm, chủ nhật đứng cửa sổ trên gác, chàng tò mò nhìn xuống cái vườn bên giáo đường. Nắng vàng thêu bóng lá cây trên tấm thảm cỏ xanh mới xén, trên cái khăn trắng muốt phủ kín chân chiếc bàn vuông con, trên bộ y phục màu hồng và cái mũ rơm vành rộng của người thiếu phụ. Thấy hơi nước ở chén bốc lên, chàng tưởng nghĩ thấy hương trà thơm ngát, và ngày nay nhớ tới những đĩa bánh ngọt, chàng còn chảy nước miếng.

"Người ta giàu có, sung sướng thật!".

Tới vườn hoa Hàng Đậu, thấy cái ghé dài bỏ không, Phiền ngồi xuống, nghiêng thân thể mời mệt trên lưng tựa, dang hai cánh tay ra thở một hơi thực dài, rồi lim dim mắt như thiu thiu ngủ. Cái đời ký vãng lần lượt hiện ra, một quãng đời buồn lẫn vui.

Phiền lại trông thấy cảnh sa sút thiếu thốn của cha mẹ, cảnh bơ vơ của mình. Không trả được tiền học, Phiền phải bỏ trường, lang thang đi xin việc ở khắp các nơi. Một nhà ăn thuê chàng sửa chữa bài in, lương mười đồng một tháng. Phiền ăn cơm trọ hết bốn đồng, để ra hai đồng tiêu vật vãnh, và góp tiền may quần áo, còn bốn đồng chàng gửi về giúp cha mẹ.

Phiền làm mới được hơn một năm thì cha chết. Phiền xin phép chủ về tống táng cha, nhưng bị ốm nặng, chàng nghỉ quá phép mất một tuần lễ. Hôm chàng ra Hà Nội thì ông chủ nhà in đã tìm người khác kế chân, và dặn chàng hãy đợi khi nào có việc sẽ lại mượn.

Trong túi còn hơn đồng bạc, Phiền ở lại chờ, nhưng nhà trọ bắt mỗi tuần phải trả trước một đồng, thành thử sau bảy ngày, hết tiền ăn, chàng bị bà chủ trọ mời ra ngoài đường một cách quả quyết và tàn nhẫn, vì bà ta biết rằng chàng đã mất việc.

Thế là từ sáng hôm qua, với một xu còn dính túi, Phiền đi lang thang trên dĩa hè các phố.

"Một đồng xu! Hừ ta có một cái tài sản nhỏ nhất thế giới! Kỷ lục ấy khó lòng ai phá nổi. Đến những người ăn mày cũng còn giàu hơn ta!"

Vừa nghĩ Phiền vừa cầm đồng xu tung trên bàn tay. Bỗng đồng xu rơi lặn vào gầm ghé. Phiền cúi tìm mãi mới thấy:

"Trời ơi! tý nữa mất!" Chàng vừa lóp ngóp ngồi xuống thì một người què chống nạng nhảy đến chìa tay xin. Phiền mỉm cười chua chát, nói:

- Tôi không có đâu, bác ạ.

Rồi ngượng với người tàn tật, - vì biết người ấy đã nhìn thấy mình nhặt đồng xu, - Phiền đứng dậy đi thẳng, vừa rảo bước vừa quài cổ lại nhìn người hành khất đứng nói lầu nhầu. Phiền phì cười nghĩ thầm:

"Chắc bác ta đương nguyên rửa mình, vì bác ta cho mình là một thằng keo bản!"

Ý nghĩ ấy tự nhiên làm Phiền vui sướng, cất tiếng hát bài ca mà chàng thường nghe trẻ con và

cả các anh kéo xe nhà huýt còi theo điệu:

La Chine est bien monotone, dit-on frequemment...

- Anh Phiên thích chí điều gì mà hát nghêu ngao thế?

Phiên quay lại. Một người đi xe đạp vụt qua, Phiên chỉ kịp nhận ra đó là người chạy giầy ở nhà in mình làm việc trước. Chàng toan gọi lại để dứt dăm xu ăn bữa chiều, nhưng chiếc xe đạp đã bon bon chạy một quãng xa. Chàng đành nhún vai tiến bước. Nhún vai hình như là cử chỉ cố định của Phiên để đáp lại hết mọi điều không thể trả lời được bằng tiếng nói, bằng ý nghĩ.

Nhưng người chạy giầy làm Phiên chợt nhớ đến ông chủ nhà in. Chàng đi thẳng tới xưởng, tuy biết chắc rằng thế nào ông chủ cũng trả lời như mọi lần trước, nghĩa là "Chưa có việc, hãy chờ, mà nếu không chờ được thì đi tìm việc ở nơi khác."

Câu trả lời ấy quả thực Phiên được nghe lần chẳng biết thứ mấy, khiến chàng không giữ được cái cười nửa miệng, vì vừa nhách môi ra, Phiên sợ hãi cố nghiêm ngay nét mặt lại.

Thấy Phiên vợ vẫn đứng ngó vào trong xưởng, người chủ chau mày gắt:

- Đi chứ còn đứng đấy làm gì?

Phiên toan liều xin vài hào, nhưng ngược quá không nói ra câu. Người chủ quát luôn:

- Đi ngay! Hay anh định rủ thợ đình công thì anh bảo?

Phiên nuốt một tiếng thờ dài, cúi chào quay ra.

Đến một tòa nhà nguy nga, Phiên dừng gót ngoài hàng rào sắt đứng tò mò nhìn vào trong vườn. Những chậu sứ, đôn sứ, thống sứ men xanh, men ngũ sắc bày la liệt kín cả một khoảng sân, dưới cái giàn gỗ có hoa hồng leo. Phiên tự nhủ thầm: "Một cái thống kia cũng đủ nuôi sống mình được một năm", tuy chàng chẳng rõ giá tiền một cái thống giang tây là bao nhiêu tiền.

Một cái lều vây lưới thép, chứa rất nhiều các giống chim bay lượn. Trên lối đi lát gạch khứa, hai con công xòe đuôi múa.

Trong bếp, lửa cháy hồng tươi. Bên chái bếp, một cái chuồng chim bồ câu. Hai con chim non thò đầu ra cửa chiêm chiếp kêu đòi ăn. Con mẹ từ mái nhà bay vụt xuống. Hai con kia chui ra ngoài, đôi cánh yếu rung rung đập, tức thì con mẹ lần lượt mớm cho.

Ngắm hai con chim non béo mồm mĩm, nhìn ních những thịt, Phiên tưởng ngay đến những nồi cháo thơm thường được ăn khi nhà còn sung túc.

Giữa lúc ấy, tiếng bà chủ thét đầy tớ từ trên gác ném xuống. Phiên nhận thấy giọng cay nghiệt, tàn ác: "Hừ! giàu thế này mà vị tất đã... đáng sống!" Vừa nghĩ đoạn Phiên cho câu tư tưởng của mình hoàn toàn vô nghĩa, và chàng bật lên tiếng cười to: "Chả biết mình có đáng sống không, nhưng sự thực thì hiện giờ mình chẳng sống một tí nào!"

Phiên cười mãi rồi bỗng cảm thấy mình sung sướng, chàng để luồng tư tưởng vẫn vợ của chàng cứ theo đà tuôn ra: "ừ! sao mình lại không sống? Mình sống lắm chứ! Không những mình sống, mà mình còn sống sung sướng bằng mấy cái bà có giọng the thé ở trên gác kia..."

Đây này, bằng có đây này!"

Phiên móc túi lấy đồng xu cầm ở tay nghĩ tiếp: "Đây này, cái bằng có rằng mình sung sướng hơn, giàu có hơn bà ta nữa, là mình có thể cho bà ta đồng xu cuối cùng của mình. Này cho!"

Qua đôi cánh cổng hé mở, Phiên thia lia đồng xu vào trong sân và lên tiếng:

- Cho đấy! Chốc nữa xuống thăm vườn cảnh tìm thấy lại không sướng mê toi! Hừ! có biết đâu rằng đồng xu ấy là cả một tài sản của một... một thư sinh giàu tư tưởng, giàu lòng từ thiện.

Khoái trá về cái cử chỉ anh hùng và phi thường của mình, Phiên thọc tay vào túi đi nghênh ngang, miệng se sẽ huýt còi. Nhưng vừa đi được mười bước, chàng nghĩ ngay đến cái cử chỉ điên rồ: "Ô hay! sao mình lại ngông cuồng thế nhỉ? Một đồng xu! sao mình lại phí của thế?" Rồi Phiên quay lại để nhặt.

Vịn cổng, Phiên rụt rè đứng nhìn. Không một ai qua lại, Phiên chặc lưỡi, liền bước vào, lom khom cúi tìm...

Phiên đương bê cái chậu sứ lên để xem đồng xu có văng vào gầm không, thì một người ở trong bếp đi ra rón rén đến gần, túm chặt lấy cổ áo:

- Mà vào ăn cắp phải không?

Phiên đứng thẳng người lên áp ứng:

- Không mà, tôi tìm đồng xu.

- Đồng xu nào lại rơi ở đây?

- Đồng xu của tôi.

- Đồng xu của mà?

- Phải, đồng xu tôi ném vào.

Người kia phì cười:

- Đồng xu mà ném vào?

Lúc ấy, cả bọn người nhà kéo ủa ra xúm xít quanh mình Phiên. Bà chủ đứng trên bao lơn thét hỏi:

- Cái gì thế, chúng mà?

- Bẩm bà, một thằng ăn trộm, con vừa bắt được một thằng toan bê cái chậu sứ.

- Thế à? Điệu cổ nó lên bóp cho tao! Đánh chết đi!...

Phiên có phân trần, nhưng mỗi lời chàng nói, người ta chỉ đáp lại bằng một cái tát, hay một quả đấm. Về sau chàng đành đứng im để mặc cho người ta trói và điệu lên sở cảnh sát.

Tối hôm ấy, Phiên được ăn bữa cơm đầu tiên, sau hai ngày nhịn đói, bữa cơm tù. Chàng vui vẻ nghĩ thầm:

"Thế mới biết công dụng của đồng xu to thực!"

*Rút từ tập truyện ngắn Đợi chờ.
Nxb Đà Nẵng, Hà Nội, 1940.*

Viết thêm về Nhất Linh và Tự lực văn đoàn Đặng Trần Huân

Nguyệt san Thế Kỷ 21 số 159 phát hành tháng 7. 2002 tại Nam California, số đặc biệt tưởng niệm Nhất Linh, là một số báo giá trị, công phu và hữu ích. Vài mươi năm sau khi viết tới những vấn đề văn học liên quan tới Tự Lực Văn Đoàn và các đoàn viên, không thể không tham khảo số báo đặc biệt này.

Vì thế nội dung những bài trong Thế Kỷ 21 số 159, trừ những bài về kỷ niệm và thiên tài Nhất Linh viết theo ký ức hay cảm tính có thể tùy hứng của các tác giả, nhưng những bài có tính chất biên khảo có tham chiếu tài liệu thì cần thật chính xác, chính xác chừng nào hay chừng ấy để người viết sau có thể tin cậy.

Riêng trên phương diện đó, sau khi đọc không sót một bài nào trong Thế Kỷ 21 số 159 (tưởng niệm Nhất Linh) tôi xin góp ý mấy điểm như sau:

1 - Ông, bà Nhất Linh có bao nhiêu con?

Trong bài Những Kỷ Niệm Riêng... , Trương Bảo Sơn viết về bà Nguyễn Tường Tam: "Tuy sinh 13 lần nhưng chỉ nuôi được có bảy con, 5 trai và 2 gái" (tr. 26).

Trong bài Nhất Linh, Tự Lực Văn Học... Lê Đình Thông chú thích "nhà văn Nguyễn Tường Tam có năm người con" và cẩn thận ghi tên cả năm người và nơi họ đang sinh sống (tr. 69).

Trong bài Nữ Sĩ Anh Thơ Viết Về Nhất Linh, bà Tam đã trả lời về việc cho anh Triệu làm con nuôi nhà văn Khái Hưng "... anh Khái Hưng là bạn thân nhất của nhà tôi mà lại không có con trong khi chúng tôi có những bảy cháu" (tr. 93)

Tiếc thay cả ba bài của ba tác giả dẫn trên không cho biết thời gian viết là năm nào, trừ bài Nữ Sĩ Anh Thơ... ghi theo hồi ký Từ Bến Sông Thương xuất bản năm 1986. Thiết tưởng khi viết về địa danh, nhân danh, hay số liệu nên ghi thật đúng, nếu những điều không chắc chắn xin ghi có lẽ, khoảng chừng mà không khẳng định.

2 - Báo Ngày Nay đình bản năm nào?

Trong bài Cười Cột Đẻ Sửa Đổi Phong Hóa..., Động Đình Hồ nói tham chiếu bài Thư gửi cô Mai, cô Loan của Nguyễn Thị Vinh thì tuần báo Ngày Nay đình bản năm 1939. Nhưng ngay dòng dưới (tr. 52), Động Đình Hồ cho in hình bìa tờ Ngày Nay số 222 phát hành ngày 24. 8. 1940 để chứng minh là năm 1939 báo Ngày Nay chưa đình bản và gián tiếp cho Nguyễn Thị Vinh là sai. Có thể bà Vinh sai thật vì ngay khi trả lời cuộc phỏng vấn của Anh Vân đăng trên nguyệt san Hương Quê số 47 tháng 8. 1998 xuất bản tại Houston, TX, bà cũng nói rằng " hiện

nay tôi cũng có một số tài liệu về việc ấy (TLVĐ) nhưng không bảo đảm sự chính xác. Do đó không dám phổ biến". Tôi đề nghị tòa soạn Thế Kỷ 21 nên mượn chính tờ bìa Ngày Nay số 222 của Động Đình Hồ để coi tận mắt và đính chính lại ngày khai tử của Ngày Nay.

3 - Tên thật của Thế Lữ.

Cho tới nay hầu như đa số nhà văn, nhà báo hải ngoại vẫn tưởng tên thật nhà văn Thế Lữ là Nguyễn Thứ Lễ và bút hiệu Thế Lữ là sự đảo lộn các chữ cái Thứ Lễ như trường hợp đảo lộn Khánh Giư thành Khái Hưng. Kể cả Thế Kỷ 21 nơi trang 65. Tôi cũng đã làm như vậy cho tới năm 2000. Sau khi dò hỏi và nhờ tiếp xúc với con trai nhà văn Thế Lữ là ông Nguyễn Đình Nghi được xác nhận tên thật Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ tôi đã viết bài kèm phóng ảnh đăng trên Thế Kỷ 21 số 144, phát hành tháng 4. 2000

4 - Sai lầm từ Phạm Thế Ngũ.

Hồi còn ở Việt Nam, cho tới năm 1975 có lẽ bộ sách Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên của Phạm Thế Ngũ do Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn in năm 1962 – 1965 là công phu nhất về văn học Việt Nam và được nhiều người tham khảo. Trong cuốn III, Phạm Thế Ngũ viết về TLVĐ khá đầy đủ nhưng không nói tên các đoàn viên mà chỉ nói TLVĐ gồm 7 người và được Khái Hưng kể trong tiểu thuyết Những Ngày Vui.

Làm lẫn nhỏ này khiến Trần Bích San đã làm theo khi viết bài đăng trên tuần báo Sài Gòn Nhỏ số Xuân Đinh Sửu, 1997. Trong Thế Kỷ 21 số đặc biệt về Nhất Linh, tác giả Lê Đình Thông cũng ghi Khái Hưng đã viết về 7 đoàn viên TLVĐ trong Những Ngày Vui. Tôi may mắn không làm theo Phạm Thế Ngũ vì đã tìm Những Ngày Vui đọc lại, dò từng giòng không hề thấy giòng nào nói về thi đoàn Pleiade ở Anh, Pháp hay các vì sao Pleiades trong thần thoại. Điều đó cho thấy chi tiết trong biên khảo khá quan trọng.

5 - Ai là cha đẻ Xã Xệ?

Trong bài viết về Lý Toét, Xã Xệ, Động Đình Hồ thắc mắc không biết Lý Toét, Xã Xệ do ai sáng tác (tr. 52).

Lê Đình Thông viết Nhất Linh " là cha đẻ của Lý Toét, Xã Xệ" (tr. 66). Thực ra Nhất Linh không nhận điều này vì trong di cảo viết tay của Nhất Linh nói rõ. Ông ghi: "Bút Sơn, ở Sài Gòn (người đã vẽ ra Xã Xệ - tên thật chưa biết). Xin ông Bút Sơn (nếu ông còn sống) hay các bạn ông cho biết tên thật". Như vậy đã rõ cha đẻ của Xã Xệ nhưng ông thân sinh của Lý Toét là ai thì chưa có lý lịch.

6 - TLVĐ có bao nhiêu đoàn viên?

Vấn đề gai góc nhất là thành viên TLVĐ. Trong TK 21 số 159 trang 10 và trang 65 đều viết thành viên TLVĐ khi thành lập năm 1933 có 7 người trong đó có Nguyễn Gia Trí.

Từ năm 1997 tới năm 2000 tôi đã kê cứu nhiều tài liệu để tìm hiểu về thành viên TLVĐ và kết luận văn đoàn chỉ có 7 người căn cứ trên bản phác họa hồi ký do chính Nhất Linh viết tay và đã được in trên nguyệt san Văn Học Nghệ Thuật số 3 phát hành tháng 7. 1985 tại Cali do Võ

Phiên làm chủ nhiệm. Trong tờ phác họa này Nhất Linh ghi rõ Xuân Diệu là đoàn viên, Nguyễn Gia Trí chỉ là cộng tác viên. Và ông cũng ghi tên thật của Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ.

Sau khi viết bài về các thành viên TLVĐ đăng trên Thế Kỷ 21 số 102 - tháng 10. 1997, tôi lại đọc được một số bài về TLVĐ ghi thêm nhiều tên vào văn đoàn này.

Chẳng hạn như Hội Nhà Văn Việt Nam Hà Nội viết rằng TLVĐ có Trần Tiêu, thi sĩ Tân Việt, họa sĩ Đông Sơn vì họ không biết Tân Việt và Đông Sơn chỉ là hai bút hiệu khác của Nhất Linh (Lời Nói Đầu trong bộ Tuyển Tập TLVĐ do Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội xuất bản năm 1999).

Trên báo Con Ong TX số 65 phát hành ngày 11. 6. 99, tr. 91, Đông Ngân viết "Phạm Văn Hạnh là một nhà văn trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn ". Điều này hoàn toàn sai.

Trong cuốn Thơ Và Đời do Lữ Huy Nguyên biên soạn , Nxb Văn Học, Hà Nội thực hiện năm 1995 ở trang 229 viết đoàn viên TLVĐ nòng cốt là 6 nhà văn trong tòa soạn Phong Hóa và Nhất Linh đề nghị kết nạp thêm Trần Tiêu làm đoàn viên thứ bảy cho đủ thất tinh.

Trong bài của tác giả Lê Văn Thông thì Tú Mỡ viết rằng có nhận thêm Xuân Diệu vào TLVĐ để thành bát tú (tr. 69). Trong cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ do Hội Nhà Văn, Hà Nội xuất bản năm 1993, Tú Mỡ viết ở trang 37 "năm 1939 cái thất tinh hội ấy bắt đầu lu mờ", trang 44 ông viết "thất tinh hội TLVĐ tan tác", trang 45 ông bồi thêm "thất tinh hội rơi rụng mất ba".

Tôi được nhạc sĩ Duy Trác ở Houston, TX gửi cho phóng ảnh về những đoạn tôi cần trong cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ. Cuốn sách đó tôi chắc chắn tế tử của nhà thơ Tú Mỡ là nhà văn Doãn Quốc Sỹ cũng ở Houston đang có.

Đầu năm 2002 tôi nhận được từ nhà văn Duy Lam bản phóng ảnh trang báo Văn Hóa Ngày Nay số 1 đăng truyện Cúng Cơm của Đỗ Đức Thu. Trong lời giới thiệu bằng chữ nhỏ in trên tên truyện có câu "Sau hơn mười lăm năm nhà văn lão thành Đỗ Đức Thu trong TLVĐ mới lại có truyện đăng...". Theo tôi lời giới thiệu này có thể do một người trong tòa soạn viết và Nhất Linh không coi lại kỹ trước khi cho in.

Trước những bài viết theo ký ức rồi mù như vậy tôi nghĩ ta nên tin di cảo của Nhất Linh đã phổ biến trên nguyệt san Văn Hóa Nghệ Thuật số 3.

Không tài liệu nào có thể chính xác và khả tín hơn tài liệu do chính người đứng đầu TLVĐ viết tay để lại cho chúng ta. Vậy ta hãy cứ tin TLVĐ có 7 đoàn viên là Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ , Tú Mỡ, Xuân Diệu và chúng ta không đủ thẩm quyền tùy tiện thêm hay bớt tên ai cả.

Điều thuốc lá

Điều thuốc lá là một trong những truyện ngắn hay nhất của Khái Hưng, cho thấy nét đa dạng trong ngòi bút của ông và tính chất mập mờ của con người. Thằng nhỏ mười tuổi muốn thử xem ông thầy bói mù có thật sự đoán biết tất cả những gì xảy ra chung quanh mình hay không, nó bèn thử giấu điều thuốc lá dang hút dở của ông thầy bói. Đầu đuôi chỉ có vậy. Nhưng Khái Hưng đã tạo ra một kiệt tác. Sự bí mật mà thằng bé muốn khám phá, là đôi mắt mù, chúng ta biết rõ từ đầu, y hệt như chuyện chú tiểu Lan là con gái: bí mật Columbo. Nhưng truyện vẫn lôi cuốn không thể cưỡng lại được, bởi các sự kiện kinh hoàng nối tiếp nhau, từ lớn đến nhỏ: việc ông thầy bói trúng khiến quan Tổng đốc thoát khỏi nạn "làm ma không đầu" đến khi ông nhót trúng quân cờ, càng làm tăng ma lực hấp dẫn của ông. Chân dung người thầy bói, được trình bày qua cái nhìn ghé gớm của *đôi mắt mù*, với các động tác chớp nhoáng và trúng đích của một người không nhìn thấy. Cuộc đấu trí giữa đứa trẻ lên mười và người thầy bói kỳ tài đầy

kinh nghiệm. Sự bí mật trong ý nghĩ và thành tích của ông Cửu Thầy. Tất cả đều từ bình thường biến sang kỳ lạ, khiến cho người đọc có cảm tưởng chính mình là kẻ bị bịt mắt dẫn vào một không gian rừng rợn của núi Văn Dú hay một hang động bí mật nào mà sáng tối đối chát và cộng tác để tạo nên một sức ép, một sự căng thẳng chưa từng có.

Thụy Khuê



Chúng ta sẽ không có một câu chuyện "điều thuốc lá". Các anh ở Pháp về sẽ thuật cho bạn nghe những chuyện đau đớn, khi túi đã cạn tiền, những phút cảm động, khi nhặt được mấy mẩu đầu thuốc lá trong khe tủ, dưới gầm bàn, trên ổ khóa. Những thi sĩ sẽ ca tụng cái thừa thần tiên ngồi ngắm khói thuốc lá giữa lúc câu thơ sắp hiện hình trong khối óc. Nhiều nhà văn sẽ kể lại cái giật mình kinh hoàng trong đêm khuya, khi chuông đồng hồ rè rè điểm hai tiếng, vội liếc nhìn đĩa gạt tàn thuốc lá đã cao có ngọn...

Nhưng chuyện của tôi đây sẽ không có những thú vị, những ủy khúc nên thơ như thế. Nó sẽ là xin nói ngay, một câu chuyện trẻ con, rất trẻ con.

Thời ấy, tôi mới độ chín mười tuổi.

Một hôm tôi đứng xem anh tôi và ông Cửu Thầy đánh cờ. Anh tôi hai tay ôm đầu, mắt dăm dăm nhìn xuống bàn cờ chùng để tìm gỡ một nước bí. Còn ông Cửu Thầy thì điềm tĩnh, không nghĩ ngợi, ngừng mặt như chú mục vào một người tưởng tượng, đương từ cửa đi vào. Sự thực, thì ông ta chẳng nhìn gì hết, vì một lẽ rất giản dị: ông ta mù.

Thình thoảng cặp môi mỏng và thâm của ông ta lại bỏ rơi nụ cười hầu bất tuyệt để kéo một hơi thuốc lá, rồi khi điều thuốc đã đặt y nguyên chỗ cũ trên thành bàn cờ sơn son, nụ cười lại trở về đậu lên cái miệng hé mở, tựa con chuồn chuồn trên mặt ao không bao giờ chịu rời hẳn bông hoa muống sau mỗi cái giật mình cất cánh bay đi.

Tôi đứng ngắm ông Cửu Thầy, và như bị cái dáng điệu, cái cử chỉ lạ lùng thôi miên, mắt tôi đưa từ đôi kính đen bóng, từ hàng răng đen lác, đến điều thuốc lá với sợi khói xanh, từ từ xoáy tròn ốc cất lên.

Và tôi lấy làm thán phục ông ta, vì thấy ông ta không sờ soạn tìm như mọi người mù, nhưng rất tự nhiên cầm điều thuốc đưa lên môi, như một người hoàn toàn có đủ ngũ quan. Nào phải ông ta lờ mờ trông thấy ngoại vật cho cam! Ông ta mù tịt, mù một trăm phần trăm. Mà điều ấy chính tôi đã nhận thấy rõ ràng, một hôm tôi đứng nhìn ông ta tháo kính uốn nắn lại đôi gọng đồng: hai con mắt ông ta cùng không có con ngươi và lõm hẳn vào, hai mép mi như khâu liền lại nhau. Người nhà tôi còn nói một lần đến cúng kỵ, vì thằng con ông ta bỏ chạy chơi không dẫn lối cho ông ta, ông ta đã lẽ bõn lẽ sang phía bên cạnh bàn thờ. Nhưng điều này tôi quyết không thể có, chẳng qua người ta chỉ bịa đặt ra để giảm giá ông Cửu Thầy, vì tôi tin chắc rằng ông ấy không làm sai làm một việc gì, không đi sai lạc một con đường nào: con mắt tinh thần của ông còn sáng suốt hơn con mắt thịt của chúng ta nhiều.

Cái tài đoán trông mọi việc của ông, bọn người sống chung quanh tôi thường thêm thốt truyền tụng, đến nỗi đã in sâu vào khối óc thơ ấu của tôi cái ảo thuật lạ lùng của ông thầy bói lạ lùng ấy. Vì ông Cửu Thầy chính là một ông thầy bói, một ông thầy bói cao quý của quan trường.

Thiên tiểu sử của ông mà người ta thuật đi thuật lại bằng một giọng bí mật càng làm tôn giá trị ông lên và đã khiến tôi đặt ông ngang hàng với những nhân vật kỳ dị trong những truyện Chinh đông, Chinh tây, hay Đông Chu liệt quốc mà ông thường kể cho anh em chúng tôi nghe bên khay đèn thuốc phiện sáng bóng.

Ông mù năm mười tám tuổi, sau một khoa thi mà ông không may bị loại ở kỳ phúc hạch. Từ đó ông đi chu du thiên hạ để đoán việc dở, hay cho người đời. Một hôm, ông đến chơi một ông tổng đốc lĩnh chức khâm sai đi dẹp loạn Đốc Tít, giữa lúc ông tổng đốc sắp sửa cất quân lên đường. Ông gieo một quẻ, đoán sẽ xảy ra sự bất trắc và quan quân sẽ mất đầu chết ở một quãng đồi Tây. Ông tổng đốc lo lắng, rụt rè không dám vội tiến binh, liền cho một đoàn thám tử mười người, cưỡi ngựa phi qua đồi Tây để xét tình hình hư thực. Quả nhiên bọn thám tử đều bị câu liêm bên địch đứt mất thủ cấp. Được tin, ông tổng đốc thở ra khoan khoái: ngài vừa thoát cái nạn làm con ma không đầu. Tức thì ông thầy được ngài ban cho hàm cửu phẩm và từ đó ông đã ngấm nhiên có cái tên, ông "Cửu Thầy".

Một lần nữa - mà lần này chính tôi được mục kích - giữa một trận bão dữ dội, một trận bão đổ cửa đổ nhà, nhổ bật cây, uốn cong cột giây thép, ông đã dám một mình nằm ngủ một giấc ngon lành trong gian nhà học mảnh yếu của chúng tôi. Thấy cụ cử và anh em chúng tôi rời đi nơi khác, ông chỉ mỉm cười nói một câu bí mật: "Không hề gì đâu!" Quả không hề gì thật. Gian nhà học chênh vênh trên nền cao vẫn đứng vững sau trận bão.

Tôi tò mò đứng ngắm cái mặt bình tĩnh như mặt hồ phẳng lặng, ngắm hai ngón tay diễm ảo rón rén cầm diều thuốc lá nhẹ nhàng như hai ngón tay thiếu nữ cầm sợi chỉ xoắn trúng ngay cái lỗ tròn kim, và trí tôi âm thầm ôn lại những chuyện trên kia.

Bỗng nảy ra trong óc tôi một ý kiến ngộ nghĩnh: tôi muốn giấu diều thuốc lá đi xem ông Cửu Thầy có đoán biết không, hay vẫn cứ rón rén hai ngón tay để cầm một vật đã mất. Tôi mon men lại đứng sát bên giường, mắt dán vào diều thuốc. Và tôi thò tay ra rồi lại rụt tay về, lòng phân vân, sợ hãi. Như có tiếng thì thào xui giục tôi: "Cứ thử xem nào!..." Nhưng tôi vẫn không dám liều.

Một lần tôi đã quả quyết, mạnh bạo đưa bàn tay ra. Nhưng, như đoán rõ ý tôi hai ngón tay ông Cửu Thầy đã tới đích trước, khiến tôi càng kinh ngạc...

Về sau, tôi cũng làm nổi cái việc dự định của tôi, cái việc nó ám ảnh tôi một cách mãnh liệt. Mà làm nổi là nhờ về một cuộc cãi lộn của hai kỳ thủ: Lúc ấy anh tôi khẽ nói với bên địch nước cờ vừa đi của mình. Tức thì, không ngần ngại, hai ngón tay ông Cửu Thầy rón rén hạ xuống bàn cờ, như cái mỏ con gà mái thông thả hé ra, nghiêng nghiêng hạ xuống đất để đỡ một cái mồi chắc chắn và béo bở. Nhưng cái kim tay cặp không khí. Tôi cho là ông thầy làm chõ và mỉm cười nhìn ông: cái mỉm cười bí mật của ông đáp lại liền. Còn đáp lại anh tôi thì ông thầy chỉ dùng lời nói:

- Thôi, xin hòa, vì con ngựa của tôi đã bị người ta... bắt trộm mất rồi, tôi còn đánh chác làm sao!

Anh tôi cãi lại:

- Ông nói lạ! Có phải ông ngờ tôi giấu quân mã của ông không?

- Không, cậu không giấu, cậu chỉ nhặt để ra giường thôi. Kia kia, quân mã của tôi kia kia!

Vừa nói, ông Cửu Thầy vừa giơ tay trở vào chỗ những quân cờ mà anh tôi đã chặt được, y như một người sáng mắt vậy. Lòng kính phục của tôi đối với ông thầy bói đã lên đến cực điểm. Và tôi càng quả quyết thi hành việc dự định của tôi. Nhân ông không lưu ý tới, vì đương tức tối với anh tôi, tôi cầm ngay điều thuốc lá giấu đằng sau lưng. Liền lúc ấy hai ngón tay của ông lò cò rón rén hạ xuống bàn cờ. Tôi sợ hãi luống cuống, vội vàng lại đặt điều thuốc vào chỗ cũ. Tôi vội vàng quá nên đặt ngược, đầu có lửa cháy quay vào phía trong.

Chừng mãi cãi lý với anh tôi, ông Cửu Thầy không kịp đoán biết điều bất trắc, biến cố thành linh ấy. Nghiễm nhiên, không ngờ vực, ông cầm thuốc hút. Bỗng ông giật mình đánh rơi điều thuốc xuống đất: ông vừa đưa đầu có lửa vào môi.

Nhưng cái mỉm cười của ông không vì thế, cũng như không vì việc mất trộm ngựa, mà héo rụng. Nó vẫn nở tươi như đóa hoa hàm tiếu ở trên cặp môi ông, tuy cặp môi ấy chắc chắn đã bị bỏng, vì tôi thấy thỉnh thoảng ông lại thè lưỡi ra yên lặng lia quanh một vòng.

Rồi trong khi anh tôi chịu thua bày lại quân cờ để đánh ván khác, ông thần nhiên móc túi lấy gói thuốc lá, đánh diêm châm một điều khác mà vẫn như trước, mỗi lần kéo xong một hơi, ông đặt xuống thành bàn cờ, y nguyên chỗ cũ. Có điều ông cẩn thận hơn, trước khi hút, ông đưa ngón tay ra sờ qua xem đầu nào nóng.

Từ hôm ấy, luôn luôn ông Cửu Thầy nhìn tôi mỉm cười, cái mỉm cười lặng lẽ, bí mật, ghê sợ nữa. Tôi cố nhớ đến cái mù của ông mà cho rằng ông không nhìn tôi, không mỉm cười với tôi. Nhưng không sao được, tôi vẫn nhận thấy rõ rệt hai cái mắt kính dăm dăm thu lấy hình tôi. Hơn thế, cái nhìn đen còn theo đuổi tôi cả những lúc tôi đứng một mình, cả trong những giấc chiêm bao của tôi. Tôi yên trí chắc chắn rằng thế nào rồi ông Cửu Thầy cũng trả thù tôi một cách đích đáng. Mà một ông thầy bói cao tay lại lăm mưu nhiều kế như ông ta đã định trả thù ai thì thực chẳng biết đâu mà coi chừng, mà tránh thoát được.

Vì thế, tôi lo lắng, ăn mất ngon, ngủ mất yên, mong cho chóng tới ngày ông từ biệt nhà tôi để cùng thằng con cắp tráp theo hầu đi chu du thiên hạ. Nhưng, hình như không bao giờ ông ta đi, hay ngỏ ý muốn đi. Hay ông định ở lại cho kỳ báo được thù?

Tôi càng sợ hãi khi thấy ông ta phô diễn sự trả thù thằng con một cách quỷ quyệt lạ lùng. Ông ta mỉm cười gọi:

- Con ơi!

Rồi rất ngọt ngào:

- Con lại đây thầy bảo thăm điều này.

Thằng con vì biết mình có lỗi, rụt rè chưa dám vâng lời ngay. Nhưng về sau như bị đôi kính đen của cha thôi miên, nó mon men lại gần... lại gần... Ông Cửu Thầy vẫn mỉm cười, đợi. Bỗng nhanh như con bói cá chộp mồi, bàn tay trái ông bỏ xuống nắm lấy cái chòm tóc rối trong khi bàn tay phải tát luôn một chập đến gần chục cái rất mạnh rất kêu trên hai má thằng con khốn nạn...

Đoạn đầu lại hoàn đấy. Nụ cười tươi, bí mật, đôi kính đen vẫn lãnh đạm nhìn thẳng vào mắt tôi.

Tôi không ngờ vực gì nữa. Những cái tát kia là cốt để bảo cho tôi biết trước rằng sự trả thù của

ông thầy bói sẽ ghé gớm đến bực nào...

Nhưng sáng hôm sau ông Cửu Thầy từ biệt ra đi.

Ngày nay thỉnh thoảng đăng trí cảm ngược điều thuốc đưa gần môi, tôi lại nhớ tới câu chuyện thời còn nhỏ, và tôi mơ màng như nhìn thấy đôi kính đen và cái miệng cười say, sợi khói xanh từ từ xoáy tròn ốc cát lên.

*Rút từ tập truyện ngắn Đợi chờ
Nxb Đà Nẵng, Hà Nội, 1940.*

Khái Hưng Trần Khánh Giu (1896-1947?): Nỗi buồn người trí thức trong cuộc đời đầy bạo lực, xương máu Nguyễn Vũ

Khái Hưng gốc làng Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Dương—nơi chính quyền Bảo hộ Pháp từng dùng bom đạn san bằng sau cuộc khởi nghĩa mùa Xuân năm 1930 của *Việt Nam Quốc Dân Đảng* [VNQDDĐ]. Thân phụ là Trần Mỹ, Tuần phủ Phú Thọ [Thái Bình?]. Trong số 4 anh em, Trần Tiêu cũng đi vào đường văn bút, tác giả *Con Trâu*. Nhạc phụ ông, Lê Văn Đình, từng nắm Tổng đốc Bắc Ninh. Theo học chương trình Pháp tại *lycée* Albert Sarraut Hà Nội, ông bỏ ngang việc học sau năm Đệ Nhất (ban Cổ điển). Dạy học tại trường tư thục Thăng Long.

Khái Hưng khởi nghiệp bằng đường báo chí, từ khoảng năm 1930. Tác phẩm đầu tay là *Hồn Bướm Mơ Tiên* (1933), nhưng tiểu thuyết nhiều người đọc nhất là *Nửa Chùng Xuân* (1934), từng được dùng làm tài liệu giáo khoa Việt văn tại miền Nam. Đây là chuyện tình đầy lãng mạn giữa Lộc, con một quan huyện, và Mai, một thiếu nữ xinh đẹp, tài đức, nhưng cha chỉ đậu Tú tài, không bước được vào hàng "*danh gia, thế phiệt*." Trước sự chống đối của mẹ, Lộc thuê người làm đám cưới giả với Mai, và hai người sinh hạ được một trai. Khi biết sự thực, mẹ Lộc hết sức chống đối, bày kế ly gián, rồi thuyết phục Lộc cưới một người vợ chính thức con quan. Ít lâu sau, biết được mưu kế của mẹ, Lộc đề nghị Mai mang con theo mình đến một nơi thật xa, sống bên nhau đến trọn đời. Mai từ chối, khuyên Lộc nên trở lại với gia đình, dù vẫn còn thương yêu Lộc, vì như thế mới giúp mối tình giữa hai người cao thượng hơn. Lộc chẳng còn biện pháp nào khác, nhưng tự hứa sẽ dành phần đời còn lại để phục vụ xã hội.

Trong những tác phẩm kế tiếp như *Trống Mái* (1936), *Cái Ve* (1936) cùng những tuyển truyện ngắn *Giọc đường gió bụi* (1936), *Tiếng Suối Reo* (1937), *Đồng Xu* (1939), *Đợi chờ* (1939), tiểu thuyết *Thoát Ly* (1936), *Thừa Tự* (1940), *Hạnh* (1940), hay ba tác phẩm viết chung với Nhất Linh trong năm 1934-1935—*Anh Phải Sống*, *Gánh Hàng Hoa*, *Đời Mưa Gió*—Khái Hưng tiếp tục khai thác sự tương phản giữa "*cựu và tân*," "*gia đình với cá nhân*," "*thị dân và nông dân*," "*thượng lưu với cùng đinh*," "*học thức với vô học*," v.. v... Đây là những vấn nạn đối đải của xã hội Việt trong thập niên 1930, giữa tiến trình toàn cầu hóa, trong khuôn khổ "khai hóa thuộc địa" của Pháp và sự đe dọa của những lượn sóng thần ý thức hệ—từ quân phiệt Đức-Nhật, tới vô sản quốc tế—đang xâm nhập, phá vỡ và cải biến Việt Nam "cổ truyền."

Trên bối cảnh này, giới thanh niên nam nữ của tiểu thuyết và truyện ngắn Khái Hưng hướng về mục tiêu tự trau luyện tinh thần và thể chất, tham gia cải cách xã hội, và nếu cần, gia nhập một tổ chức bí mật nào đó. Từ *Tiểu Sơn Tráng Sĩ* (dã sử tiểu thuyết) tới *Giọc đường gió bụi*, v.. v... Khái Hưng phản ánh những tư tưởng "cách mạng lãng mạn" tương tự như Nhất Linh Nguyễn Tường Tam (1908 [1906]-1963) trong *Đôi Bạn* (1937). (1)

So với giấc mộng "*phi Cao đẳng bất thành phu phụ*" giai đoạn này, nhân vật tiểu thuyết Khái Hưng quả thực lãng mạn, không tưởng. Nhưng so với phong trào "thoát ly" của Đảng CSĐĐ—tiêu biểu bằng Nguyễn Thị Vịnh (Minh Khai) trốn qua Trung Hoa "*kết hôn với khách mệnh*," Nguyễn Thị Thập bỏ chồng con lên Sài Gòn hoạt động—hay Cô Giang, cô Bắc của VNQDD, nhân vật nữ của Khái Hưng chưa bước đủ những bước dần thân cần thiết. Và, đã hẳn, với những người chủ trương nam nữ bình quyền, giải phóng phụ nữ [*feminists*] khó thể chấp nhận cảnh *Nửa Chùng Xuân*, thất bụng nuôi con. Ngay trong giới người Việt tị nạn, những nhân vật Khái Hưng đã quá lỗi thời. Không thiếu cảnh vợ bảo trợ chồng, nhưng ngay buổi tái ngộ ở phi trường, nhẹ nhàng thông báo đã có người trăm năm mới. Người Việt ở California, chưa quên việc một bà vợ hiền thực một thời, ngay sau khi được chồng bảo trợ qua Mỹ, đột ngột bỏ rơi người tình đầu đời đã thoái hóa thành anh chồng vô tư cách. Dù đã ba bốn mặt con, người thiếu phụ không hẳn đã nuốt nước mắt lấy một người Mỹ để dạy chồng cũ bài học "trả thù dân tộc."

Sự ngưỡng mộ của độc giả dành cho Khái Hưng ở thập niên 1930 chứng tỏ ông đã phần nào nắm giữ được tâm lý thị dân thượng lưu miền Bắc. Dù khó thể tránh khỏi những phiền toái với chính thể giới thượng lưu xuất thân của ông. Điều đáng ghi nhận khác là thái độ ôn hòa của Khái Hưng khi tiếp cận các vấn nạn xã hội-kinh tế của thời ông. Nhân vật của Khái Hưng tinh táo đối mặt hầu giải quyết vấn đề. Khác với tính chất bi kịch của *Tổ Tâm*, hay cay sốt, châm biếm của Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Hồng, v.. v...

Viết về Khái Hưng không thể không nhắc đến Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Dù cách biệt nhau một thập niên về tuổi tác, hai người có những liên hệ vượt ngoài làng văn, làng báo. Trước hết do họ cùng dạy tại trường Thăng Long, và trong ban biên tập *Phong Hóa* (bộ mới, số 14 ngày 22/9/1932), rồi *Ngày Nay* (30/1/1936). Đầu năm 1933, Nhất Linh lập ra *Tự Lực Văn Đoàn*, nòng cốt có Khái Hưng, Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo, Tứ Ly), Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam), rồi thêm Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Cát Tường, Thế Lữ, Tú Mỡ, Xuân Diệu, Thanh Tịnh, Vũ Đình Liên, v.. v... Sau đó, tổ chức nhóm *Ánh Sáng* (thêm Dương Đức Hiền, Nguyễn Cao Luyện, v.. v...). Một số trí thức trẻ, kể cả Vũ Đình Hoè, giữ liên hệ thân hữu, dù không gia nhập, vì mến "tính trung thực và lòng thành yêu nước" của Nhất Linh. (2)

Từ khoảng năm 1939-1940, nhóm Tự Lực Văn Đoàn ngã về khuynh hướng thân Nhật. Môi giới có thể là Lý Đông A, Vũ Đình Dy. Và, cuối cùng, tổ chức thành đảng *Đại Việt Dân Chính* do Nguyễn Tường Tam làm Tổng thư ký. Người ta không biết nhiều về chủ thuyết của Đảng này. Cán bộ vốn vụn ít chục người, phần lớn cư trú ở các thành thị, nhất là Hà Nội. Nó mới chỉ có tính cách một nhóm chính trị, với những quan điểm tương đồng, hơn một đảng cách mạng. Đây là đặc tính chung của hầu hết đảng phái Việt Nam trong thập niên 1930-1940—tức sự thiếu vắng một tổ chức chặt chẽ, một lực lượng vũ trang, và thể tựa quần chúng. Tháng 10/1940, dưới áp lực Mật Thám Pháp, Nhất Linh phải nhờ Đại tá Koike trong Đoàn Kiểm Soát Quân Sự Nhật đưa qua Quảng Châu (Canton, hay Guangzhou). Sau một thời gian tá túc với nhóm *Kiến Quốc Quân* của Hoàng Lương và Lương Văn Ý, Nhất Linh liên hệ đến vụ ám sát Trần Phước An (Shibata, hay Trần Hy Thánh) ngày 22/7/1943, nên trốn qua Quảng Tây còn do chính phủ Tưởng Giới Thạch kiểm soát.(3)

Bị bắt giam cùng vài thuộc hạ vì tình nghi làm gián điệp cho Nhật, nhưng sau đó được Nguyễn Hải Thần đưa vào *Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội* (gọi tắt là *Việt Cách* hay *Đồng Minh Hội*), cánh tay phụ lực của Đệ tứ quân khu Trung Hoa Dân Quốc trong kế hoạch "Hoa quân nhập Việt." Cuối năm 1944, sau khi Nhật chiếm Liễu Châu (11/11/1944), Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công, Nghiêm Kế Tổ, Vũ Hồng Khanh, Nông Kính Du và Trần Báo lưu lạc qua Côn Minh hay Quý Châu. Nhất Linh tới Vân Nam, tham gia chi nhánh VNQDD của Hồng Khanh-Kế Tổ, dưới sự chỉ huy và trợ giúp của Trung Hoa Quốc Dân Đảng. (4)

Theo Vũ Đình Hoè, cuối năm 1940, đầu 1941, Nguyễn Tường Tam cùng Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí, v.. v... mời Hoè gia nhập *Đại Việt Duy Dân*, có khuynh hướng thân Nhật. (5)

Chi tiết này cần tìm hiểu thêm. Theo giới hoạt động chính trị Việt, *Đại Việt Duy Dân Đảng* do Lý Đông A, bí danh của Nguyễn Hữu Thanh, thành lập. Lý Đông A, một thành viên Tự Lực Văn Đoàn(?), gia nhập *Phục Quốc* của Cường Để, rất thân cận với Hoàng Lương, cố Vấn của *Kiến Quốc Quân* tại vùng Lạng Sơn. Sau khi Trần Trung Lập nổi dậy vào mùa Thu 1940, nhưng thất bại, bị Pháp xử tử ngày 28/12/1940, Đông A lập *Duy Dân* ở Trung Hoa, nhưng không mấy ai rõ chi tiết về hoạt động của Đảng này. Về lý thuyết, chỉ có vài luận lý rất đại cương với khẩu hiệu "lấy dân làm gốc." Cuối năm 1944, Đông A về nước, bắt đầu tuyên truyền trong giới sinh viên, học sinh. Hai cộng sự viên đắc lực là Lê Quang Luật và Nghiêm Xuân Hồng. Theo Luật, Luật cũng như Hồng gia nhập tổ chức thuần vì tình bạn. Ngày 1/9/1945, Việt Minh vây đánh một căn cứ ĐVDD ở Nga My, Xích Thổ, thuộc Gia Viễn, Ninh Bình, giết 8, bắt 26. Năm 1946, VM tàn sát Đông A và ĐVDD ở Hoà Bình vì "mưu đảo chính." Chỉ còn 3 cán bộ là Luật, Hồng và Phạm Xuân Ninh, tức Nguyễn Đức Chinh, Giám đốc Thẻ Thao và Thanh Niên Bắc Việt năm 1947. Hồng thiên về Phật giáo, và Luật, giáo dân Ki-tô, Bí thư cho Giám mục Lê Hữu Từ. (6)

Cách nào đi nữa, tổ chức của Nguyễn Tường Tam chính thức mang tên *Đại Việt Dân Chính*. Khái Hưng gia nhập, nhưng theo một lãnh tụ *Đại Việt Quốc Xã*, Khái Hưng thân với Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long) hơn Nhất Linh. Ngày 15/9/1941, khi đại quân Nhật tiến vào Đông Dương, mật thám vây bắt nhóm Tường Long, Khái Hưng, Gia Trí đưa lên an trí ở Vụ Bản, Sơn La. Nhiều lãnh tụ không Cộng Sản như Trương Tử Anh cũng bị an trí tại đây. (7) Năm 1943, vì lý do sức khoẻ, Khái Hưng được đưa về quản thúc ở Hà Nội.

Cuối năm 1944, đầu 1945, để chuẩn bị chiến dịch *Mago* (sau đổi thành *Meigo*, 9-10/3/1945), Nhật khuyến khích các tổ chức tôn giáo, thanh niên Việt đoàn ngũ hóa, chuẩn bị giành độc lập từ tay Pháp. Một số trí thức và cựu quan lại được tập hợp ở Sài Gòn, lập ra *Ủy Ban Kiến Quốc* do Ngô Đình Diệm và Nguyễn Xuân Chữ cầm đầu. Ủy ban này có nhiệm vụ của một nội các tương lai dưới quyền Cường Để. Một số nhân vật nổi danh khác—như Trần Trọng Kim, Trần Văn Ân, v.. v... hay Tráng Liệt, Tráng Cử con Cường Để—được đưa qua Chiêu Nam Đảo (Singapore) hoặc Thái Lan. Nhưng đầu năm 1945, quan Tướng Nhật đổi ý, muốn giữ Bảo Đại tại vị. Diệm và Chữ bị loại bỏ. Trọng Kim, đang tị nạn ở Bangkok được đưa về làm Tổng lý Nội các đầu tiên trong khối Thịnh Vượng Chung Đại Đông Á từ tháng 4 đến tháng 8/1945. (8)

Tại Hà Nội, từ tháng 2/1945, Nhật cũng tổ chức các đoàn thể Việt vào kế hoạch lật đổ chính quyền Jean Decoux (1940-1945). Lực lượng thanh niên được chọn làm xung kích. Về chính trị, Nhật qui tụ hầu hết những khuôn mặt nổi danh nhất miền Bắc vào *Đại Việt Quốc Gia Liên Minh*. Gồm có nhóm *Đại Việt Quốc Xã* (Nguyễn Xuân Tiếu), *Đại Việt Dân Chính* (Nguyễn Tường Long), *Đại Việt Quốc Dân Đảng* (Trương Tử Anh), VNQDD (Ngô Thúc Dịch, Bùi Như Uyên, Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn, Nhượng Tống), Nguyễn Đăng Đệ, Nguyễn Xuân Dương tức Lạc Long. Ngày Chủ Nhật, 11/3/1945, báo *Tin Mới* đăng "Tuyên Cáo" của ĐVQGLM. Lúc 17G00 cùng ngày—sau khi Bảo Đại tuyên bố độc lập, hủy bỏ Hoà ước 1884 và hứa hợp tác toàn diện với Khối Thịnh Vượng Chung Đại Đông Á—ĐVQGLM ra mắt tại Bờ Hồ Hoàn Kiếm dưới tên *Đại Việt Quốc Gia Cách Mệnh Ủy Viên Hội*. Tuyên bố thành lập Ủy Hội Hành Chính Lâm Thời (vào lúc 9 giờ sáng cùng ngày), sau đổi thành Ủy Ban Chính Trị Bắc Kỳ. Nhưng sáu ngày sau, 19/3, Ủy Hội Hành Chính Lâm Thời ra "Tuyên Cáo Quốc Dân" tự giải tán vì "nhân lúc giao thời đã ra đảm nhận mấy công việc cần cấp như trật tự, cứu tế, v.. v... Nay tình thế đã tạm yên, chúng tôi tự thấy nhiệm vụ đã hết, xin tuyên bố giải tán, để nhường các ngài có thực tài, thực đức ra công đáng những công việc quan hệ hơn."

Lý do chính là sự thay đổi chính sách Đông Dương của Nhật. Toàn quyền Nhật quyết định trực trị ở Hà Nội và Sài Gòn. Tới tháng 4/1945, chính phủ Trần Trọng Kim mới được phép cử Phan Kế Toại, cựu Tuần phủ Thái Bình, làm Khâm sai Bắc Kỳ.

Ngày 5/5/1945, Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách, Khải Hưng xuất bản tuần báo *Ngày Nay: Kỷ Nguyên Mới*. Khải Hưng phụ trách mục Tiếng Vang.

Trung tuần tháng 5/1945, Khải Hưng có tên trong *Tân Việt Nam Đảng*, chính thức thành lập ngày 16/5, "để đoàn kết chặt chẽ dân tộc VN và củng cố nền độc lập của Tổ quốc." Gồm nhiều nhân vật thành danh như Đào Duy Anh, Phan Anh, Đỗ Đức Dục, Ngô Thúc Địch, Trần Khánh Giu (Khải Hưng), Vũ Văn Hiến, Vũ Đình Hoè, Ngô Tử Hạ, Ngụy Như Kontum, Vũ Đình Liên, Phan Huy Quát, Ngô Bích San, Hoàng Phạm Trấn (Nhượng Tống), Bùi Như Uyên, Nguyễn Xiển, Nghiêm Xuân Yêm. Theo báo *Thanh Nghị*, Tổng thư ký ban vận động thành lập là Vũ Đình Hoè. Ngày 2/6/1945, chi bộ số 1, ở Thuận Hóa ra mắt, với Tôn Quang Phiệt làm Bí thư. Sau đó, Phiệt làm Tổng thư ký của *Tân Việt Nam*. Ngày 22/7/1945, tự động giải tán. (9)

Vai trò Khải Hưng không rõ ràng. Ông chuyên về báo chí, tuyên truyền hơn tham gia tranh đấu bằng võ lực với phe Việt Minh—tức mặt trận thống nhất ngoại vi của Đảng CSĐD, với một "đảng" mới được Cộng Sản khai sinh từ giữa năm 1944 là *Dân Chủ*, cùng các hội truyền bá quốc ngữ, nông dân cứu quốc, công nhân cứu quốc, v.. v... (10)

Thời gian này, trước viễn ảnh bại trận của Nhật, có những nỗ lực móc nối giữa nội địa và Hoa Nam. Ngày 12/4/1945, Y sĩ Nguyễn Tiến Hỷ (Phan Châm, 1916-1992), bạn học Trương Tử Anh, dẫn một phái đoàn qua Trung Hoa. Y sĩ Hỷ cùng Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam đạt thỏa ước lập ra *Quốc Dân Đảng* hay *Việt Quốc*—sử dụng chiêu bài VNQDD ở hải ngoại để xin THDQ giúp đỡ, trong khi tại nội địa tiếp tục dùng tên Đại Việt. Phái đoàn Y sĩ Hỷ, Tường Tam và Hồng Khanh được Trung Hoa Quốc Dân Đảng khoản đãi nồng nhiệt ở Trùng Khánh. Việt Minh thể lực cũng ngày một gia tăng. Lợi dụng nạn đói lan tràn ở miền Bắc, cán bộ Việt Minh tổ chức những cuộc đánh phá kho thóc, nêu cao uy tín trong dân chúng. Các toán vũ trang tuyên truyền và ám sát đoàn—dưới sự chỉ huy của cán bộ từng được tình báo Bri-tên huấn luyện như Lê Giản (Giám đốc Công An Trung Ương), Hoàng Đình Rong, Dương Công Hoạt (Bí thư Cao Bằng), Pallat Nguyễn Văn Minh (cựu Bí thư Bắc Kỳ), Nguyễn Văn Ngọc (Giám đốc Công An Trung Bộ), Vũ Văn Địch (Cục trưởng tình báo quân đội), Phan Bôi (Hoàng Hữu Nam), v.. v...—hoạt động hầu như công khai ở Hà Nội và các vùng ven thị trấn. Chu Văn Tấn và Võ Nguyên Giáp thành lập an toàn khu ở vùng Tuyên Quang-Bắc Kạn, trải tới Cao Bằng. Tháng 5/1945, sau khi nhận lời hợp tác với tình báo Mỹ, Hồ di chuyển từ Pác Bó xuống Kim Lộng, Tuyên Quang. *Toán Con Nai [Deer Team]* của Thiếu tá Allison K. Thomas từng nhảy dù xuống Kim Lộng, giúp huấn luyện khoảng 100 "*bộ đội Việt-Mỹ*" và cứu Hồ thoát khỏi cơn bệnh mủi chết một sống. Thomas còn hành xử như Ban Ngoại Giao của Hồ, chuyển ra ngoài lập trường kháng Nhật và tranh đấu cho độc lập của Việt Minh. Việc cơ quan tình báo Mỹ và Trung Hoa chấp thuận sử dụng Việt Minh để thu thập tin tình báo về Nhật còn tạo cho Việt Minh sức mạnh tinh thần và một vũ khí tuyên truyền sắc bén.(11)

Tháng 8/1945, sau khi Nhật đầu hàng, nhóm Trương Tử Anh mưu cướp chính quyền Hà Nội, nhưng không thành công. Ngày 18-19/8, Việt Minh cướp chính quyền ở Hà Nội. Chỉ trong vòng 10 ngày kế tiếp, hầu hết các tỉnh đã ngã theo Việt Minh. Ngày 25/8, Bảo Đại chấp thuận thoái vị. Ngày 2/9/1945, Hồ tuyên bố độc lập ở Hà Nội. Trong giai đoạn mà Y sĩ Nguyễn Xuân Chữ mệnh danh là "*cắt tiết, mổ bụng*" này, khó thể kể xiết những thủ đoạn Việt Minh nhằm trung lập hóa và tiêu diệt đối thủ, thực hay giả. Cán bộ CS bắt chước rất thành thạo các thủ thuật của thực dân Pháp, đó là vu cáo nạn nhân của họ bằng những tội hình sự như trộm cắp, hiếp dâm, hay gây rối loạn trật tự công cộng. Khi được chất vấn, Trần Huy Liệu thản nhiên trả lời báo chí:

tất cả những người bị bắt giữ đều nguy hại cho chính quyền. Năm ngày sau, HCM ký sắc lệnh cho phép bắt giữ và cô lập bất cứ ai nguy hiểm cho chế độ. (12)

Thực tế, HCM và thuộc hạ quan tâm đặc biệt đến VNQDD và Đại Việt. Giáp cho lệnh tấn công một số căn cứ Đại Việt ở Phúc Yên và Sơn Tây. Ba ngày sau lời hiệu triệu đoàn kết, Giáp ký sắc lệnh giải tán *Đại Việt Quốc Gia Xã Hội Đảng* và *Đại Việt QDD*, hiệu lực từ ngày 5/9/1945. Ngày 12/9, Giáp đặt ra ngoài vòng pháp luật *Việt Nam Thanh Niên Ái Quốc Hội* của Võ Văn Cầm tại Hà Đông, và *Thanh Niên Hưng Quốc* của Lê Ngọc Vũ. Thanh trừng diễn ra khắp ba kỳ. Hầu hết chính khách tên tuổi bị tẩm máu, với tội danh chung chung là "*Việt Gian, phản động*." Trường Chinh, Tổng thư ký Đảng CSĐD không dấu ác tính của mình qua những bài báo trên *Cờ Giải Phóng*, cơ quan ngôn luận của Đảng CSĐD. "Nhân tài quý thật," Trường Chinh viết, nhưng nếu cần cũng phải thẳng tay triệt hạ đi, đó mới là đại đoàn kết thực sự. (13)

Ngoài ra, Ban Thường vụ Đảng CS qui nạp thêm vào *Việt Nam Dân Chủ Đảng*, một số trí thức trung lập, đặc biệt là nhóm *Thanh Nghị*. Khả năng và uy tín của nhóm luật gia này được khai thác tối đa trong lãnh vực dân vận, đặc biệt là hai cơ quan ngôn luận *Độc Lập* và *La République*. Vũ Đình Hoè và Dương Đức Hiền cũng được chia hai ghế trong chính phủ lâm thời đầu tiên.

Nghị quyết Hội nghị toàn quốc Đảng CSĐD (14-15/8/1945) ngày 15/8, ngoài việc vận động các giới và đảng phái thành lập "*bạn Việt Minh*," "*Quan trường yêu nước*," "*Việt Nam viên chức cứu quốc hội*," còn có ý tái lập VNQDD với những cán bộ đã theo Cộng Sản và giúp đỡ *Việt Nam Dân Chủ Đảng*. Ngày 18/8, Dương Đức Hiền thành lập Ủy ban Dân tộc Giải phóng ở Hà Nội với Trần Đình Long làm Cố vấn. Cán bộ CS còn móc nối Phan Kế Toại, qua con Toàn, Phan Tư Nghĩa, và Phan Anh, qua Phan Mỹ. Kế hoạch tái lập VNQDD chưa kịp thực hiện thì quốc quân Trung Hoa đã nhập Việt, mang theo hai cánh tiền tiêu VNQDD từ Vân Nam, và Việt Cách từ Liễu Châu (Quảng Tây).(14)

Cuộc tranh chấp quyền lực chưa ngã ngũ. Về số lượng, phe chống Cộng rất đông đảo. Lực lượng Việt Cách của Vũ Kim Thành từng tấn công Móng Cái trong mùa Hè 1945. Những đơn vị tiền tiêu Việt Cách tiến sát biên giới, dưới quyền chỉ huy của Bồ Xuân Luật, Trương Trung Phụng. Khoảng 2,000 VNQDD cũng ở sát biên giới Lào Cai và Hà Giang.

Mặc dù sau này tài liệu tuyên truyền Pháp và CSVN trình diện quốc quân Trung Hoa dưới góc cạnh xấu xí nhất—như tai hại hơn bom nguyên tử—ở thời điểm này, hơn 150,000 quốc quân Trung Hoa phần nào giúp một số cán bộ Đại Việt và VNQDD thoát cảnh cắt tiết, mổ bụng, hay "mò tôm" trong tay những kẻ kiêu hãnh lấy sự giết người làm thành tích cách mạng. Phe chống Cộng—nhờ thế tựa quốc quân TH—tăng gia hoạt động. Họ không chỉ chống Cộng mà còn chống cả Pháp. Tháng 9/1945, Hoàng Đạo tái tổ chức *Đại Việt Dân Chính*, xuất bản *Việt Nam Thời Báo*. Tháng 2/1946, Đại Việt hợp nhất với VNQDD, được giao tổ chức chiến khu Vĩnh Yên (Khu 3).

Những cuộc bạo động và công kích trên báo chí giữa Việt Minh và liên minh VNQDD-Đông Minh Hội diễn ra hàng ngày. Tại Hà Nội, phe VNQDD-Đông Minh Hội thành lập được khu tự trị tại vùng Quan-Thánh/Ngũ Xã, mở trận chiến tuyên truyền chống Việt Minh, tố cáo gốc Cộng Sản của Hồ cùng các tay chân thân tín. Khái Hưng và các chiến hữu sử dụng vũ khí sở hữu—tức ngòi bút và lương tâm mình—không ngừng đả kích, mỉa mai các lãnh tụ Cộng Sản. Nhân Tết Trung Thu, báo *Trẻ Em [Bình Minh]*, từng viết về *tuổi ấu thơ ưa ném sấu, chèo me, đánh đinh, đánh đáo* của HCM. Hai tờ *Việt Nam* và *Đông Minh* nhấn mạnh đặc tính *Vem* tức giáo hoạt, đối trá viết tắt từ tên Việt Minh [VM]. Dưới bút hiệu "Chàng Lăn Thân," Khái Hưng viết những bài phiếm luận trên *Việt Nam*(9/1945) khiến cán bộ CS và thành phần "hoe hoe" thân Việt Minh không khỏi nhức đầu. Các toán cảm tử VNQDD cũng chống lại chiến dịch khủng bố của Việt Minh bằng cách ám sát "Ba" [Đại úy Nguyễn Văn] Viên, một "đảng viên" phản bội, mưu sát Bồ

Xuân Luật, bắt cóc Trương Trung Phụng, một lãnh tụ Đồng Minh Hội. Có lần, VNQDD còn bắt cóc được Võ Nguyên Giáp. Trần Đình Long bị bắt cóc rồi thủ tiêu đầu năm 1946. (15)

Phe Việt Minh, qua các tờ *Cứu Quốc* và *Độc Lập* ra sức phản công. Nhưng như trong bất cứ cuộc mưu bá đồ vương nào, luật kẻ mạnh thống trị. Quân đội Việt Minh thiện chiến hơn Việt Quốc hay Việt Cách. Cán bộ Việt Minh kiểm soát hầu hết nông thôn và khu vực ven tỉnh thị. Đáng sợ hơn nữa, Hồ là một lãnh tụ kinh nghiệm về chính trị và ngoại giao. Lên cầm quyền khi ngân quỹ hầu như trống rỗng, cán bộ CS các cấp hô hào và ép buộc dân chúng "đóng góp" vàng bạc qua Quỹ Độc Lập, hay các Tuần lễ Vàng, Tuần lễ Văn Hóa, v.. v... để tiêu dùng và hối lộ quan tướng Trung Hoa, nhất là Lư Hán, Tiêu Văn, Chu Phúc Thành, v.. v.... Cuối năm 1949, Lê Văn Hiến còn giữ được số vàng lấy từ cung điện Nguyễn và các cuộc thu góp trong năm 1945-1946, nấu thành vàng ròng, chuẩn bị cho một đợt "ngoại giao hối lộ" khác. Đối diện viễn tượng có thể bị tiêu diệt trong tay Quốc quân Trung Hoa, từ tháng 11/1945, Hồ bắt đầu mềm dẻo hơn. Hành động độc đáo nhất của Hồ là giải tán Đảng CSDD—một quyết định đến nay vẫn chưa được đánh giá đúng mức. Theo *Cờ Giải Phóng*, cơ quan ngôn luận của Đảng CSDD, Ban Chấp hành trung ương Đảng họp ngày 5/11/1945, "nghị quyết tự động giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương từ ngày 11/11/1945. *Những tín đồ của Chủ nghĩa CS muốn tiến hành việc nghiên cứu chủ nghĩa sẽ gia nhập Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mã Khắc Tư [Marxist] ở Đông Dương.*" Trường Chinh—người chống đối việc giải tán Đảng—được cử làm Tổng Thư ký. (16)

Động cơ của việc giải tán Đảng CSDD thường được biết như tránh bị quốc quân Trung Hoa tiêu diệt, giải tỏa sự nghi ngờ của dư luận quốc tế, đặc biệt là Liên bang Mỹ, và "đoàn kết tinh thành" với các phe nhóm để bảo vệ độc lập, tự do. Hoàng Tùng (Trần Thọ)—cựu Bí thư Hải Phòng, rồi chánh văn phòng của Trường Chinh, Tổng biên tập báo *Nhân Dân*—cho rằng Đảng CSDD chỉ muốn "đánh lừa" phe tư sản; nhưng địch không bị lừa, mà chính "phe ta" (Nga và CS Pháp) nghi ngờ, nên không ủng hộ VNDCCCH trong giai đoạn 1946-1949. Nếu tin được Linh mục/Cao ủy d'Argenlieu, chiều ngày 22/2/1946, Maurice Thorez từng khuyến khích Cao Ủy Đông Dương: "*Quốc kỳ của chúng ta trên hết! Vậy nếu cần đánh, cứ đánh, nện cho nặng vào.*" (17)

Theo một cựu nhân viên ngoại giao Hungary, mùa Thu 1950, Thorez tuyên bố cuộc cách mạng 1945 của HCM đi ngược với chính sách của Stalin: Stalin muốn Đảng CS Pháp cướp chính quyền trước, và tuyên bố cho VN độc lập sau. Stalin không tin tưởng Hồ: Hợp tác quá lộ liễu với tình báo Bri-tên và OSS Mỹ, giải tán Đảng CSDD, không tham khảo ý kiến Stalin. (18)

Tình báo Pháp cũng ghi nhận quyết định giải tán Đảng CSDD của Hồ tạo nên sự bất mãn và nghi ngờ của Văn phòng Ban Phương Đông [Dalburo] Thượng Hải, đưa đến những cáo buộc như "*bán mình cho đế quốc,*" "*phản bội*" dân tộc Việt Nam và giai cấp công nhân vào mùa Hè 1946. Vẫn theo tình báo Pháp, tháng 9/1946, Dalburo Thượng Hải còn gửi phái đoàn bí mật qua Hà Nội để điều tra về quyết định rất "*phản động*" trên. (19)

Nhưng để hiểu rõ hơn quyết định lịch sử này, không thể không xét lại kinh nghiệm cá nhân của HCM trước ngày lên cầm quyền. Sự tiếp cận với chủ thuyết Cộng Sản của HCM, cần nhấn mạnh, không do sự quyến rũ hay thâm sâu của Marxist-Leninism—một hình thái Nga hóa sơ khởi thuyết Karl Marx—mà ngày đó HCM chưa nghiên cứu kỹ lưỡng. Hồ đã đến với *Đảng Cộng Sản Pháp* và rồi Đệ Tam QTCS từ năm 1921-1924 phần lớn vì thời điểm này chỉ có Mat-cơ-va bày tỏ thiện cảm với các nước bị Tây phương xâm chiếm, gọi chung là các nước thuộc địa hay bán thuộc địa. Hồ nhiều hơn một lần, khẳng định điểm này.

Dĩ nhiên, chủ nghĩa Cộng Sản tự nó có sức quyến rũ của một thứ *giả tôn giáo (pseudo-religion)*, chẳng xa lạ với Đông phương: đó là lấy tài sản phi nghĩa của tham quan, ô lại, hay cường hào, ác bá (kẻ giàu có, gian ác), chia cho đám đông đói khổ. Những anh hùng/tướng

cướp phổ thông trong dân gian tại Trung Hoa hay Việt Nam là 108 anh hùng Lương Sơn Bạc (Thủy Hử), Nguyễn Nhạc hay Đôn Hùng Tín. Và viễn tượng của một xã hội cộng sản, đại đồng—ở đó mỗi người hưởng theo nhu cầu, làm theo khả năng; nhà nước tức guồng máy thu lại tự tan biến đi [*withering away*] mà Marx hay Engels hoang tưởng đã từng hiện hữu trong các xã hội nguyên thủy, dù *chẳng hề hoặc chưa được chứng nghiệm*—mang sức quyến rũ chẳng kém gì cõi thiên đường sau khi chết của các tôn giáo Đông Tây. (20)

Nhưng vào đường hoạt động, HCM dần dần khám phá ra sự thực phũ phàng ở hậu trường sân khấu. Quốc gia nào cũng có quyền lợi tư riêng ẩn dấu sau những chiêu bài truyền đơn, khẩu hiệu đẹp đẽ. Việc khai tử bí danh Nguyễn Ái Quốc tại Mat-sco-va vào mùa Hè 1932 (và dưới chính ngòi bút của Thống đốc Hong Kong ngày 19/1/1933, vì "*ho lao và nghiện thuốc phiện*")—tám năm ăn không ngồi rồi, chẳng được giao nhiệm vụ nào vì đã làm lỗi khai sinh *Đảng Cộng Sản Việt Nam* ngày 6/1/1930—viết nên những tài liệu bị chính đồng chí mình tại Đại học Phương Đông chỉ trích *lãng tinh thần cải lương quốc gia, đầu cơ*—không được ra công khai với những vợ con cách mạng, v.. v...—lời tuyên bố tâm đắc của Hồ, "*Tôi thuộc Đảng Việt Nam,*" lý lịch tự khai "*Đảng Quốc Gia*" khi công bố danh sách chính phủ lâm thời vào ngày 2/9/1945, hay tranh cử Quốc Hội năm 1946, cần được hiểu dưới ánh sáng lịch sử khách quan hơn lý luận giáo điều hay những lời nguyên rủa, chỉ trích đầy xúc động.

Quyết định giải tán QTCS của Josef V. Stalin năm 1943 cũng ảnh hưởng trên quyết định của Hồ. Từ ngày này, vì lý do sinh tồn, Hồ nghiên cứu *Tam dân chủ nghĩa* của Tôn Dật Tiên và hệ thống chính trị dân chủ Mỹ. Không chỉ dịch tác phẩm của Tôn Dật Tiên và Tưởng Giới Thạch qua Việt ngữ cho cán bộ học tập, Hồ dùng ngay câu mở đầu của Bản Tuyên ngôn độc lập Mỹ để bắt đầu Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945 của mình. Ngày 13/9/1946, Hồ còn khẳng định với nhân viên ngoại giao Mỹ tại Paris mình không phải là Cộng Sản. Và tại Hội trường Nhà Hát lớn Hà Nội ngày 3/11/1946, Hồ thêm một lần nhấn mạnh câu "*Tôi thuộc Đảng Việt Nam.*" Nhưng tình báo Mỹ vẫn tin Hồ là tay Cộng Sản lão luyện, và Đông Dương không có vị thế chiến lược cao nên chính phủ Harry Truman (1945-1953) quyết định "*hands-off*" (không can thiệp). (21)

D'Argenlieu và cơ quan tuyên truyền Pháp không ngừng khoét sâu sự nghi ngờ của Mỹ hay Trung Hoa về gốc gác QTCS của Hồ. Thảm kịch Việt Nam trong hạ bán thế kỷ XX phần nào khởi phát từ những thành kiến [*perceptions*] trên.

Cho tới khi có tài liệu chứng minh ngược lại, kết luận khả tín là Hồ chỉ "tả khuynh" và tìm đến nước Nga xin cầu viện đánh thực dân Pháp giành độc lập hơn thành tâm tin tưởng ở thuyết Marxist-Lennism hay Stalinism. Điều đó không có nghĩa Hồ không bị ảnh hưởng bởi lý luận duy vật biện chứng và phương cách tổ chức một đảng chính trị, cùng kiểu mẫu chính quyền Liên Xô Nga.

Dưới áp lực Trung Hoa và Pháp, Hồ còn phải dàn xếp với các tổ chức thân Trung Hoa, chống Cộng, để thành lập một chính phủ liên hiệp. Sau khi Hồ tuyên bố giải tán Đảng CSĐĐ, từ ngày 24/11/1945, Tiêu Văn áp lực ba phe Việt Minh, Việt Cách và VNQĐĐ ngồi lại thành lập chính phủ Liên hiệp, và bầu cử Quốc Hội để ký Hiệp Ước Sơ Bộ 6/3/1946, giúp quốc quân Trung Hoa an tâm nhượng miền Bắc vĩ tuyến 16 cho Pháp. Dù các đơn vị *Phục Quốc* trên thực tế chiếm đóng một số địa điểm ở duyên hải vào cuối tháng 2/1946, HCM vẫn triệu tập Quốc Hội, công bố chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến ngày 2/3/1946. (22)

Để chứng tỏ tinh thần đoàn kết của mình, HCM còn yêu cầu Quốc Hội nghiên cứu và biểu quyết việc lựa chọn một quốc kỳ khác. (23)

Vì lý do nào đó, Khải Hưng không được cử làm đại biểu Quốc Hội năm 1946, trong khi cả ba anh em Nguyễn Tường Tam, Tường Long, Tường Bách đều được tặng ghế.

Phần vì tình trạng lụt lội, Nguyễn Tường Tam về tới Hà Nội ngày 12/1/1946, vừa là lãnh tụ *Đại Việt Dân Chính*, vừa là VNQDD. Định xuất bản báo *Dân Chính*, nhưng rồi trở thành Chủ bút báo *Đồng Minh* của Việt Cách. Ngày 21/2, Tường Tam làm Ủy viên Ngoại giao của VNQDD. Vì áp lực Trung Hoa, Tường Tam miễn cưỡng nhận chức Bộ trưởng Ngoại Giao, tháp tùng HCM ra Vịnh Hạ Long gặp d'Argenlieu và tham dự Hội nghị trù bị Đà Lạt. Nhưng sau khi HCM lên đường qua Pháp, Tường Tam lại "mất tích." (24)

Phần Nguyễn Tường Long phụ trách tổ chức các chiến khu Vĩnh Yên, Yên Bái, Lào Cai dưới quyền Vũ Hồng Khanh. Nhưng sau ngày quân Trung Hoa triệt thoái, tình thế phe chống Cộng ngày một tuyệt vọng. Từ tháng 6/1946, Việt Minh thanh toán dần các căn cứ VNQDD. Trong hồi ký gần cuối đời, Y sĩ Nguyễn Tường Bách ghi nhận:

Tôi gặp anh Lê, người cầm đầu Bộ chỉ huy [chiến khu 3 tại Vĩnh Yên] lúc đó. Sau bữa cơm rau dưa thanh đạm với anh em, chúng tôi đi dạo trong thành phố và ra cả ngoài thị trấn nhưng không thể đi xa được nhiều vì chung quanh làng mạc đều do Việt Minh kiểm soát. Có cách nào để phát triển ra vùng nông thôn? Anh Lê cũng chịu bó tay vì không có người biết cách tuyên truyền nông dân. Mà dùng võ lực thì chỉ có vài chục tay súng. Muốn giữ vững thị trấn cũng đủ hụt hơn rồi. Tất cả anh em, kể cả đảng viên và các anh em khác, không quá vài trăm người. Về tài chánh lại quá eo hẹp. Quân đội chủ yếu do đám lính khổ xanh cũ hợp thành. . . (25)

Tháng 7/1946, Nguyễn Tường Long phải rút lên Yên Bái. Ít lâu sau, chạy qua Côn Minh, sau vụ thăm sát cán bộ huấn luyện Nhật của trường Lục quân Trần Quốc Tuấn ở gần Hồ Kiều, cây cầu biên giới qua Hà Khẩu (Vân Nam). (26)

Trong khi đó, với sự tiếp tay của Huỳnh Thúc Kháng và Vũ Trọng Khánh, Việt Minh phát động hàng loạt những cuộc thanh trừng phe chống Cộng. Giáp còn mở những phiên tòa hình sự, xét xử các đối thủ chính trị qua những tội danh tưởng tượng như trộm cắp, hiếp dâm. Ngay tại Hà Nội, số phận cán bộ VNQDD không kịp thoát thân cực kỳ bi thảm, thường được biết như "vụ án Ôn Như Hầu." Những người cầm đầu công an Việt Minh—kể cả Bùi Đức Minh—vụ cáo VNQDD mưu toan bắt tay Pháp làm đảo chính đúng ngày Quốc Khánh Pháp (14/7/1946). Sau đó, trong hai ngày 12-13/7, tấn công vào các trụ sở VNQDD khắp nơi, đặc biệt là trụ sở số 7 Ôn Như Hầu [nay là Nguyễn Gia Thiều], bắt giữ Dân biểu Phan Kích Nam, rồi nguy tạo ra vũ khí, dụng cụ tra tấn và "7 tử thi" để bôi nhọ Việt Quốc đã bắt cóc, giết người, cướp của. Ngày 16/7, Thúc Kháng hợp báo, bênh vực việc làm của Giáp và Việt Minh, đả kích VNQDD nặng nề. (27)

Cuối tháng 10/1946, tại phiên họp Quốc Hội thứ hai, Tiến sĩ Kháng phái biểu "Lỗi tại tôi," nhưng không nói thêm được điều gì. Cù Huy Cận đại diện Bộ Nội Vụ tuyên bố: Các đại biểu VNQDD như Lê Ninh, Hoàng Ngọc Bách, Phan Kích Nam, Vũ Đình Tri trực hay gián tiếp nhúng tay vào những vụ tống tiền như vụ án Ôn Như Hầu. Bùi Vĩnh Liên ghi tên định hỏi về việc 6 đảng viên QDD bị bắt, nhưng cuối cùng cũng đổi đề tài. (28)

Phần Khái Hưng, chẳng hiểu tại sao không xuất ngoại. Sau ngày 19/12/1946, Việt Minh lại phát động đợt thanh trừng mới, vì anh em Nguyễn Tường Tam ở Hoa Nam đang vận động thành lập một chính phủ chống Cộng. Tại miền Trung, Việt Minh bắt giữ một số lớn cán bộ VNQDD như Phan Trung Thuyết (Liên Hiệp Quốc Dân), Trần Thanh Mại, Ngô Han (?), Bửu Viêm, Nguyễn Khoa Phong v.. v... Võ Như Nguyễn và Nguyễn Đôn Duyệt chạy thoát. Bửu Hiệp [Hạp?] cùng Nguyễn Khoa Toàn, Ưng Du, Tôn Thất Tu (?), Nguyễn Đôn Duyệt và Võ Như Nguyễn hoạt động dưới chiêu bài VNQDD. Nguyễn ra Hà Nội nhưng không liên lạc được với Tường Tam. Tại Lào Cai, các khóa sinh trường Lục Quân Trần Quốc Tuấn bị vây hãm, tấn công liên tục, phải vượt qua biên giới. (29)

Rất ít thông tin khả tín về những ngày cuối đời Khải Hưng được bạch hóa. Có tin từ Hà Nội về Nam Định, Khải Hưng bị VM bắt giam tại Liên Khu III (Lạc Quần, Trục Ninh). Rồi thủ tiêu ở bến đò Cựa Gà, phủ Xuân Trường cuối năm 1946 hay 1947. (30)

Cái chết bi thảm, uẩn ức của người trí thức và văn nghệ sĩ Khải Hưng mới chỉ là nửa sự thực lịch sử trong cuộc Tam Thập Niên Chiến (1945-1975). Ở phía đối diện—tức phe Quốc Gia hay Cộng Hòa—cũng chẳng vui vẻ gì hơn. Biết bao người chết tối tăm từ Thừa Phủ tới Côn Đảo, từ các trung tâm thẩm vấn Mật Thám Pháp tới Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia. Ngọn lửa sinh đấng cúng dường Phật pháp của Thượng tọa Quảng Đức (11/6/1963) chỉ là một bằng chứng của bạo lực "cách mạng Nhân Vị." Cái chết tự nguyện của Nhất Linh ngày 8/7/1963—*không chấp nhận cho thứ công lý Ki-tô Trung cổ của chế độ Ngô Đình Diệm (1954-1963) xét xử mình*—là một chứng từ khác. Trong di chúc, Nhất Linh viết:

"Đời tôi có lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập Quốc Gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay Cộng Sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do." (31)

Bản di chúc của người đã dâng trọn đời mình cho đất nước—cũng một nhà văn tài hoa, cựu thủ lĩnh Tự Lực Văn Đoàn—hiệu nghiệm như lời tiên tri. Cái chết trong lòng Thiết Vận Xa của Diệm-Nhu sáng ngày 2/11/1963, cuộc hành hình Cần trong khảm Chí Hòa ngày 9/5/1964, hay cái chết điên loạn của Thục năm 1984 tại Missouri, chỉ là hậu quả những tội ác chiến tranh và diệt chủng (theo công pháp quốc tế) của họ Ngô. Nhưng còn đó, nổi cay đắng, chua xót của giới trí thức một quốc gia nhược tiểu đang bị chao đảo, rúng động từ rễ gốc bởi hai trào lưu ý thức hệ Tây phương—đen và đỏ—cùng cơn điên cuồng tập thể của bầy âm binh chịu phù phép trong tay áo những phù thủy, trên sạn đạo đi tìm tự do, dân chủ và một tương lai đáng sống hơn cho dân tộc mình.

Houston, mùa Đông 2008-2009

Phụ Chú:

1. Tài liệu Việt ghi Nguyễn Tường Tam sinh năm 1905, về nước năm 1930 hay 1931, và dạy học tại trường Thăng Long. Theo ông Nguyễn Tường Thiết, trên căn cước thiết lập năm 1951, sau khi thân phụ ông từ TH trở về, ghi ngày sinh 1/2/1906. (Phỏng vấn ngày 5/1/2009). Bản tiểu sử do an ninh Pháp lập năm 1946, ghi Tường Tam sinh ngày 1/2/1908 tại Cẩm Giàng, Hải Dương, du học tại Pháp từ 1930 tới 1936, đậu Cử nhân Vật lý. Về nước, làm Lục sự Tòa án Hà Nội. Chủ trương *Tự Lực Văn đoàn*. Năm 1940, bỏ việc, làm báo và xuất bản. Thành lập *Đại Việt Dân Chính*; CAOM (Aix), GGI, 14 PA [Hồ sơ Decoux], c. 2. Đáng lưu ý là tài liệu Pháp trong năm 1946 về các lãnh đạo Việt, vì lý do nào đó, có nhiều hoang tưởng. Võ Nguyên Giáp, chẳng hạn, được phong làm Khoa trưởng trường Luật Hà Nội năm 1937, từng qua Nga huấn luyện trong thời gian 1939-1940, rồi gặp Hồ ở Trung Hoa, gia nhập Việt Minh, về nước năm 1944; Amiral Thierry d'Argenlieu, *Chronique d'Indochine, 1945-1947* (Paris: Albin Michel, 1985), tr. 254 (dẫn tin tình báo ngày 11/4/1946). Võ Giáp tốt nghiệp năm thứ hai luật [chương trình 3 năm].
2. Vũ Đình Hoè, *Hồi ký Vũ Đình Hoè* (Hà Nội: 2004), 63-64, 692. Xem thêm nhận xét về sự đổi mới văn chương, thời trang phụ nữ và tranh hoạt kê (Lý Toét-Xã Xệ) của nhóm Tự Lực Văn Đoàn trong Nguyễn Xuân Chữ, *Hồi Ký* (Houston: Văn Hóa, 1996), tr. 210-212.
3. Trần Phước An (1898-1943) sinh vào khoảng từ 1895 tới 1898 tại Tường Lộc, Vĩnh Long. 1906, du học Nhật trong phong trào Đông Độ. 29/11/1933, tham dự Đại Hội thanh niên (*Seinen Kyodan*) do Nhật bảo trợ với tư cách đại diện An-Nam; CAOM (Aix), Amiraux [GGI], 42469. 1937-1943, sĩ quan trong quân đội Hoàng Gia Nhật. 1939, trung úy *Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội* [*Phục Quốc*]. 12/8/1940, được Cường Để ủy lập *Kiến Quốc Quân*, với sự phụ tá của

- Trần Trung Lập và Hoàng Lương; Cuộc đời cách mạng Cường Để, 1957:134. Tháng 9/1940, *Kiến Quốc Quân* tiến vào Lạng Sơn. 10/1940, cùng Koike giúp Tường Tam thoát qua Quảng Châu. 6/10/1941, Bộ trưởng Thuộc Địa Charles Platon yêu cầu Bộ Ngoại giao phản đối Nhật về những hành động của An. 22/7/1943, bị ám sát ở Quảng Châu. Tường Tam tự nhận sai người giết An; CAOM (Aix), GGI, 7F29 (2), tr.1.
4. Theo Lê Tùng Sơn, Hồ đưa ra ý kết nạp Nhất Linh với hy vọng lôi kéo nhóm Tự Lực Văn Đoàn; *Nhật ký một chặng đường* (Hà Nội: 1978), tr. 140.
5. Vũ Đình Hoè, 2004:63-64, 692. Theo Giáo sư Hoè, đầu năm 1941, ông nhắn tin cho Nhất Linh là chỉ chú tâm vào báo *Thanh Nghị*, không chính trị.
6. *Cứu Quốc [CQ]*, 12/9/1945; SHAT (Vincennes), 10H. Các cán bộ *Duy Dân* thường hoạt động bí mật. Vì thế không thiếu người mạo xưng là đảng viên *Duy Dân*, kể cả một cựu Trưởng ty Công An Nam Định, từng bị cách chức vì bắt các tăng ni Phật giáo làm tình trong khi tra tấn lấy khẩu cung năm 1952. (*Theo tài liệu gia đình Nhất Linh, "Duy Dân" là một học thuyết chống Cộng của một nhóm năm người, do Lý Đông A mang vào nội địa, để thành lập một Mặt trận chống Cộng*)
7. Trương Tử Anh (1917-1946) sinh tại Tuy Hòa, Phú Yên. Còn có tên khác là Trương Khán. Con Trương Bội Hoàng và Nguyễn Thị Miên. Năm 1940, học sinh tự thực ở Hà Nội. Thành lập *Đại Việt Quốc Dân Đảng*. Ngày 4/10/1941, bị Pháp bắt, đưa đi tập trung. Tháng 7/1942, được phóng thích, quản thúc ở miền Trung. Tháng 1/1943, trốn ra Bắc. Ngày 21/7/1944, Thống sứ Bắc Kỳ cho lệnh bắt, Tử Anh tuyệt thực phản đối. Nhật lại can thiệp, phải trả tự do. Ngày 2/9/1944, trốn khỏi nhà thương René Robin (Hà Nội). Tháng 3/1945, tái xuất hiện ở Hà Nội; CAOM (Aix), GGI, 7F 29.
8. *Thông Tin*, "Loại tranh đấu" số 11, ngày Chủ Nhật, 10/6/1945, đăng hình Vũ Văn An, Vũ Đình Dy, Ngô Đình Diệm, Nguyễn Xuân Chữ và Lê Toàn, với lời chú thích họ thuộc "Ủy Ban Kiến Quốc," "lập nên để gánh vác việc kiến thiết nước Việt Nam mới;" Vũ Ngự Chiêu, *Phía bên kia cuộc cách mạng 1945: Đế quốc Việt Nam (3-8/1945)*(Houston: Văn Hóa, 1996).
9. *Tin Mới*, 9/6/1945; *Sài Gòn*, 12/6/1945; *Tin Tức*, 30/7/1945; *Hải Phòng*, 31/7/1945; *L'Opinion-Impartial*, 1/8/1945.
10. *Dân Chủ Đảng* do Dương Đức Hiền, chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên, làm Tổng thư ký. Giống như Nguyễn Hữu Thọ và Huỳnh Tấn Phát với *Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam* sau này, Hiền chỉ giữ vai "phỗng đá," nhận lệnh ra công khai ngày 30/6/1944. Chủ chốt là Pehzref Trần Đình Long (1904-1946), từ Nga về năm 1931, được Văn phòng Đông Dương của Ban Phương Đông Quốc Tế Cộng Sản dự trù sẽ thay Lê Hồng Phong nếu có chuyện bất trắc. "Báo cáo của LHP tại Đại Hội VII QTCS (15/1/1935);" *Lê Hồng Phong*, 2002: 685 [685-697], & "Thư ngày 7/2/1932, Vera I. Vasilyeva gửi Litvinov [LHP];" *LHP*, 2002:742-743. Cuối thập niên 1930, tham gia mặt trận báo chí ở miền Bắc. Thực sự nắm *Đảng Dân Chủ* từ tháng 8/1945. Nhân vật tích cực khác là Hoàng Minh Chính, Thư ký Đảng Đoàn Thanh Niên, Lê Trọng Nghĩa (Đoàn Xuân Tín), cán bộ tình báo. Do đề cử của những người này, Hoè và Hiền được đại diện Đảng Dân Chủ trong chính phủ lâm thời ngày 28/8/1945; *Độc Lập*, 4/9/1945; Vũ Đình Hoè, 2004:718, 795, 797-798. Đầu năm 1946, Long bị Việt Cách giết; Lê Tùng Sơn, 1978:186; Anatoli A. Sokolov, *Quốc Tế Cộng Sản và Việt Nam*, bản dịch Đào Tuấn (Hà Nội: CTQG, 1999), tr. 269-270.
11. Lê Tùng Sơn, 1978:110-112 [Mỹ thả 2 đợt, gần 80,000 truyền đơn của Việt Minh xuống Hà Nội, Huế và Việt Bắc]; René Defourneaux, "Secret Encounter with Ho Chi Minh;" *Look* (NY), 8/9/1966, tr. 32-33; Robert Sharplen, *The Lost Revolution*(NY: Harper & Row, 1965), tr. 30; Báo cáo ngày 22/8/1945, William J. Donovan gửi Byrnes; Bộ Quốc Phòng, *US-Vietnam Relations, 1947-1967* (Washington, DC: GPO, 1971), Bk I, C 58-59, 67; *The Pentagon Papers* (Gravel), vol. I, pp. 17, 20, 50, 51; Lê Giản, "The Story of An Exile;" *Vietnam Courier*, 1980:17-20; US Congress. Senate. *Causes, Origins, and Lessons of the Vietnam War. Hearings before the Committee on Foreign Relations, 92nd Congress, 2nd Session, May 1972* (Washington: GPO, 1973), tr. 249; Charles Fenn, *Ho Chi Minh: A Biographical Introduction* (New York: 1973), 71-75,

- 76-7, 78, 81; Archimedes L. Patti, *Why Viet-Nam? Prelude to America's Albatros* (Berkeley, Cal.: Univ of California Press, 1980), tr. 29-30, 46, 50, 51; 31; Tonnesson, *Vietnamese Revolution*, 238, 337 (quoted USNA ngày 19/3/1945); Chính Đạo, *Hồ Chí Minh: Con người & huyền thoại* (Houston: Văn Hóa, 1993,1997), II, 1993:356; David G. Marr, *Vietnam 1945: The Quest for Power* (Berkeley, Cal.: Univ. of California Press, 1995), tr. 227-229, 241, 282-285, 288-291, 304n33, 476-479, 482-490, 498-501, 538-539; Raymond P. Girard, "City Man Helped to Train Guerillas of Ho Chi Minh;" *Evening Gazette* (Worcester, MA), 14 & 15/5/1968; dẫn trong Marr, 1995:209n189; Phùng Thế Tài, *Bác Hồ những kỷ niệm không quên* (Hà Nội: QĐND, 2002), tr. 57-63, 82-87;.
12. *Cứu Quốc [CQ]*, 12/9/1945; *Cờ Giải Phóng*, số 18, 20/9/1945; *Dân Chủ* (Hai Phòng), 20/9/1945; Nguyễn Xuân Chũ, 1996:278, 280, 284-289; Hoàng Văn Đào, *Việt Nam Quốc Dân Đảng* (Sài Gòn: 1971), tr. 254-255; Trần Huy Liệu, *Tài liệu nghiên cứu Cách Mạng Tháng Tám*, 3 tập (Hà Nội: 1956), I:34-38; Marr, 1995:chương 8 [539ff].
13. SL số 8, CQ, 9/9/1945; SL số 30 ngày 5/9/1945; *Dân Chủ* (Hai Phòng), 19/9/1945; *Cờ Giải Phóng* (Hà Nội), số 21, 30/9/1945; Nguyễn Xuân Chũ, 1996:294-304;
14. *Văn Kiện Đảng Toàn Tập [VKĐTT]*, 7:1940-1945, (Hà Nội: CTQG, 2000), tr. 431-433.
15. Nguyễn Tường Bách, *Việt Nam những ngày lịch sử* (Québec, Canada: NNCSĐ, 1981), tr. 80-83; Vũ Đình Hoè, 2004:750-812.
16. CGP (Hà Nội), số 33, 18/11/1945. Năm 2000, Đảng CSVN sửa lại là BCH Đảng họp ngày 11/11/1945, quyết nghị tự giải tán, thành lập "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương;" *VKĐTT*, 8:1945-1947, 2000:19-20.
17. D'Argenlieu, *Chronique*, 1985:168.
18. János Radványi, *Delusion and Reality: Gambit, Hoaxes, & Diplomatic One-Upmanship in Vietnam* (South Bend, Indiana: Gateway, 1978), tr. 4-5, 20, 269n1; Theo Nikita S. Khrushchev, Stalin rất lạnh nhạt với Hồ trước 1950; *Khrushchev Remembers*, trans. and ed. by Strobe Talbott (Boston: 1970), tr. 482.
19. République française, S.D.E.C.E., "Notice technique de contre-espionnage: Extrême-Orient, Les services spéciaux soviétiques en Extrême-Orient" (20 mai 1947); Annexe II," tr. 12; CAOM [Aix], INF, c. 138-139, d. 1245.
20. V. I. Lenin, *State and Revolution* (New York: International Publishers, 1974), tr. 15-20.
21. TTLTQG 3 (Hà Nội), QH, HS 1; "Đường Kách Mệnh" (1929), *VKĐTT*, 1:1924-1930,2000:13-82; Marr, 1981:131n, 374-376; Idem., 1995:289n191; Chính Đạo, *Việt Nam Niên Biểu, I-A: 1939-1946*, (1996); Idem., "Báo Tiếng Dân: Vài tư liệu mới;" *Hợp Lưu*(Fountain Valley, CA), số 86 (Xuân Bính Tuất, 2006), tr. 25-26, 28; William J. Duiker, *Ho Chi Minh* (New York: 2000), tr. 618ns13,15. Tuy nhiên, theo cựu Thiếu tá OSS Thomas, trong bữa tiệc chia tay ở Hà Nội, Hồ nhìn nhận mình là Cộng Sản; Wesley Fishel (ed), *Vietnam: Anatomy of a Conflict* (Itasca, IL, 1968), tr. 7; Về việc khai tử Nguyễn Ái Quốc, xem "Biographie de Ho Chi Minh (1949);" CAOM (Aix), GGI, 19 PA, c. 4, d. 62.
22. *La République* (Hà Nội), 10/3/1946; DPSG, Rapport mensuel, Déc 1945 (7/1/1946); CAOM (Aix), Conseiller Politique [CP], c. 125; "Tình hình và chủ trương, ngày 3/3/1946;" *VKĐTT*, 8:1945-1947, 2000:42-43. Ngày 2/3/1946, 70 đại biểu VNQĐĐ và Việt Cách mới được chính thức giới thiệu ; TTLTQG 3 (Hà Nội), Kho QH, HS 1; Quốc Hội Việt Nam, *Lịch sử QHVN*, 2 vols, (Hà Nội: 2000), I:369-372. Theo Võ Nguyên Giáp, Hồ đã bàn về việc thành lập chính phủ Liên Hiệp với Tiêu Văn; vì các đảng phái chống đối; *Những Năm Tháng Không Thế Nào Quên*, Hữu Mai viết, tái bản lần thứ 5 (Hà Nội: QĐND, 1974, 2001), 1974:142-144, 149-50; 2001: 129-131, 136-137; Nguyễn Tường Bách, 1981:80-87.
23. Báo cáo của Nguyễn Văn Tố và HCM trả lời chất vấn; TTLTQG 3 (Hà Nội), Kho QH, HS 5. Năm năm sau, trong báo cáo chính trị tại Đại hội kỳ II Đảng CSVN (11-19/2/1951), Hồ giải thích việc giải tán Đảng CSĐĐ là một trong những biện pháp đau đớn—để cứu vãn tình thế. Đảng tự giải tán (rút vào bí mật) là đúng. Dẫn lời Lênin: "*Nếu có lợi cho cách mạng*, thì dù thỏa hiệp với bọn kẻ cướp, chúng ta cũng thỏa hiệp;" *VKĐTT*, Tập 12:1951, 2001:22 [12-39].

24. Chính Đạo, "Hiệp Ước Sơ Bộ 6/3/1946," *Hợp Lưu*, số 88, 4-5/2006, tr. 95-148.
25. Nguyễn Tường Bách, 1981:91-92.
26. Phạm Văn Liễu, *Trở Về Sông Núi*, 3 tập (Houston: Văn Hóa, 2002), I:121-151. Ngày 15/6/1946, quân TH rút khỏi Hà Nội. Tháng 10/1948, từ Quảng Châu, Tường Long cùng Hồng Khanh qua Nam Ninh nối kết THQĐĐ. 1948, chết trên chuyến xe lửa Hong Kong-Quảng Châu; CAOM (Aix), Gougal [GGI], 7F 29; Hứa Bảo Liên, *Nguyễn Tường Bách và Tôi* (Westminster: 2005), tr. 109-112.
27. *VKĐTT*, tập 8:1945-1947, 2001:104; Võ Nguyên Giáp, *KTNQ*, 2001:256-257, 258-259.
28. TTLTQG 3 (Hà Nội), QH, HS 4: Khoá họp thứ hai của QH nước VNDCCH tại thủ đô Hà Nội (từ 28/10 đến 9/11 năm 1946). [56 trang. Sao lục lại ngày 1/4/1954] Tả có 83 người (14 Mac-xít, 24 xã hội, 45 dân chủ); Đứng giữa có 170 người (80 Việt Minh, 90 vô đảng phái); Cánh hữu có 37 người (17 Việt Cách, 20 QĐĐ) [tr. 5] Đại diện QĐĐ: Phạm Gia Độ; Việt Cách: Nguyễn Cao Hách; Dân Chủ: Lê Trọng Nghĩa.
29. CAOM (Aix), INF, c. 138-139/d. 1245; *L'Humanité* (Paris), 29 & 30/12/1946; Phạm Văn Liễu, I, 2002:153-156, 192-201.
30. Trịnh Văn Thanh, *Thành ngữ điển tích, Danh nhân từ điển* (Sài Gòn: 1966), I:577-578. Ông Nguyễn Tường Triệu, con nuôi Khái Hưng, tiết lộ "papa" mất tích sau Tết Đinh Hợi (22/1/1947).
31. TTLTQG II (TP/HCM), Kho Phủ Tổng thống Đệ I Cộng Hòa [PTT/Đ1CH], HS 8500. Nhất Linh nhập viện lúc 17G45 ngày 7/7/1963, khi Diệm đưa ông ra tòa Mặt Trận xét xử vụ đảo chính hụt ngày 11/11/1960. Chết tại bệnh viện *Grall* lúc 10G10 hôm sau, 8/7; Điện văn số 1252 ngày 8/7/1963, BNV gửi Đồng lý VP/BT tại PTT. Theo Ban Giáo nghiệm của Tổng Nha CSQG, trong máu của Nhất Linh có chất độc "Véronal." Ngày 13/7/1963, đám tang cử hành trọng thể. Linh cữu đưa từ nhà thương *Grall* tới chùa *Xá Lợi*, làm lễ cầu hồn, rồi tiến về nghĩa trang *Giác Minh* (Gò Vấp) của Thượng Tọa Trí Dũng. Hàng ngàn học sinh, sinh viên tham dự. (HS 8500) Kể từ ngày này, học sinh, sinh viên bắt đầu tham gia những cuộc tranh đấu chống Diệm.

Hai con mắt

Ông Cửu Niệm ốm li bì đã gần hai tháng. Ông ta mắc một bệnh mà các thầy lang đều cho là bệnh mê sảng của những người già lẫn - tuy ông Cửu năm nay chưa đầy sáu mươi. Bệnh như không tăng mà cũng không lui. Đêm nào cũng vậy, cứ vào khoảng một, hai giờ khuya, ông Cửu lại ú ớ kêu la cầu cứu, khiến con cháu ông đều thức dậy, chạy cả đến bên giường. Vừa thở hổn hển, ông vừa thuật lại giấc mơ dữ dội: hai con mắt hiện lên ám ảnh ông, chăm chú nhìn ông, hai con mắt to như mắt hổ pháp lông trắng dã và tròn, lòng đen đen nháy và vuông. Ông rên hừ hừ "ối giờ ơi! Hai con mắt! Hai con mắt vuông!" Rồi cho đến sáng ông Cửu không sao ngủ được.

Một hôm ông gọi đông đủ con cháu đến bảo:

- Tao chắc đây là một việc báo thù hay một việc đòi của.

Ông Cửu như ngần ngại, sợ hãi, xấu hổ, nằm im lìm suy nghĩ, gương mặt nhìn thẳng lên đỉnh màn. Trong khi ấy, các con cháu ông yên lặng, lo lắng, kính cẩn đứng đợi. Về sau không giữ nổi, ông thở dài kể tiếp:

- Chúng mày hẳn không biết vì sao ngày nay tao có cái cơ nghiệp này, cha mẹ tao có để cho tao một đồng một chữ nào đâu. Cả người trong làng cũng vậy, thấy tao đương nghèo đói, - đói thực ấy - bỗng trở nên giàu có, làm nhà làm cửa, tậu vườn tậu ruộng thì họ cũng đoán và đồn rằng tao được của, thế thôi, chứ sự thực thì tao chưa hé ra với ai một lời nào. Nhưng sự thực

thì chính tao được của. Ngày xưa, tao nghèo lắm, thường đi gánh thuốc lào thuê cho người hoặc làm bất cứ công việc gì để kiếm một ngày hai bữa cơm và vài tiền quý, có khi giờ làm đói kém, chỉ được một ngày hai bữa cơm thôi cũng đã là may lắm rồi.

"Một hôm tao đào móng nhà cho ông chánh Thà. Lúc ấy về chiều tối, ai nấy đã nghỉ tay, sắp sửa ăn cơm. Nhưng tao còn đào chơi vài nhát thuốc nữa. Có lẽ giờ xui khiến ra thế, vì có ai bắt mình làm đâu! Mà nào mình có làm việc cho mình cho cam!

"Bỗng giữa những tiếng giục giã: "Ra ăn rồi, anh Niệm!" tao thấy chối tay và nghe thấy một tiếng cạch: lưỡi thuốc của tao vừa xiên xuống một vật rắn chắc như thành một cái tiểu sành vậy. Tao cúi xuống bới nhìn thì đó là một cái vật nhỏ đầy nắp mà nắp lại trát gán bùn rất cẩn thận. Tao sờ trong đó có vật quý nên lấp lại điềm nhiên đi ăn cơm với mọi người.

Đêm hôm ấy tao xin ngủ lại chỗ xưởng làm như thế là một sự rất thường mình vẫn ở làm thuê cho ông chánh, có khi trong tuần ba bữa nửa tháng không về qua nhà. Tao chờ đêm khuya vắng đến chỗ móng đào bới đất moi lên được một cái vại chỉ bằng cái vại nén cà nhỏ ấy thôi. Nhưng mà tao bê thấy nặng quá. Nên nhà mới dựng vào một khu vườn rong: ông chánh Thà giàu lắm, đất ở thênh thang có tới vài mẫu. Tao đem cái vại của tao tới bụi chuối rậm, rồi mở nắp lấy hết những vật ở trong, gói vào rẻ rách giấu đi. Tao cũng không biết đó là những vật gì. Mãi hôm sau đem về mới biết là vàng, toàn những vàng thoi..."

Ông Cửu ngừng kể. Các con cháu vẫn im lặng đứng chờ, vì chưa thấy có liên lạc giữa hai con mắt vuông, với cái vại vàng chôn. Sau một lúc lâu, ông Cửu lại nói:

"Vậy tao chắc này... nó đòi của. Nó theo tao, nó đòi của. Hai con mắt nó hiện ra, kia nó hiện ra kia - hai con mắt nó về để báo cho tao biết ... để báo cho tao biết rằng tao đã đến ngày tận số"

Ông Cửu nghẹn ngào như bị hai bàn tay vô hình bóp cổ. Người con cả ông an ủi.

- Thừa thầy, thầy được của là giờ cho thầy. Của ấy là của giờ. Nếu là của ông cha ông chánh Thà để lại thì sao ông chánh lại không biết gì, thì sao xưa kia ông ta lại không đã động tới mà các cụ tiền nhân cũng không báo mộng báo mù gì cho ông ta hay nhất là tại sao của ấy lại không lọt vào tay ông ta. Lại điều này nữa khiến con tin chắc chắn rằng giờ dành của ấy cho thầy: là tại sao thầy lại tìm thấy cái vại để vàng giữa lúc nghỉ việc? Nếu thầy đào được sớm hơn, vào buổi sáng hay buổi trưa chẳng hạn, thì có phải đã âm ỉ lên và ông chánh đã nhận mất vàng rồi, còn đâu. Không, con dám quả quyết rằng của ấy là của giờ chứ không phải là của tổ tiên ông chánh. Của giờ dành cho thầy. Vì thuở xưa hay kiếp trước thầy đã tu nhân tích đức nhiều lắm.

Ông Cửu mỉm cười nhắc lại: "Thầy đã tu nhân tích đức nhiều lắm?". Ông nghĩ đến những việc ông đã làm: nào cho vay nặng lãi, nào trữ thóc gạo lại không bán làm cho giá cao lên trong khi bao nhiêu người chết đói, và ông lầm bầm: "Hay đó là hai con mắt của bọn ấy đến đòi mạng đến bắt mình phải đem mạng mình ra mà thế mạng". Nhưng ông nghĩ tiếp ngay - vì trong khi óm tinh thần ông sáng suốt khác thường: "Nếu là mắt của chúng thì sao hai con mắt ấy lại lạ lùng thế. Sao lòng đen lại vuông, lại to thế? Không, chắc đây là mắt thần".

Tự nhiên trong tưởng tượng của ông, một vị thần hiện ra trần truồng ngồi trên bệ gạch, một vị nữ thần miệng gấn nhựa trám và hai con mắt to thao láo lòng trắng tròn, lòng đen vuông. Rồi pho tượng biến dần biến dần, chỉ còn lại hai con mắt đăm đăm nhìn ông. Ông lại la: "Giờ ơi! Hai con mắt! Hai con mắt vuông!" và lắc đầu xua tay đuổi cả con cháu ra ngoài phòng.

Mấy người con bàn nhau về căn bệnh cha. Họ đoán có tiền căn nghiệp chướng chi đây. Họ liền mời các vị cao tăng đến lập đàn ba ngày ba đêm ở sân để tụng kinh, giải ách cho cha. Đêm thứ ba, cúng chúng sinh: một nhà sư tốt giọng hát bài ca chiêu hồn để gọi linh hồn chúng sinh về nghe kinh phật, trong bọn có đủ các hạng khốn nạn, cùng khổ trong loài người.

Nào những kẻ sa cơ, lỡ bước...

Bỗng ông Cửu kêu rú lên một tiếng rồi ngất đi.

Và ông mơ thấy ông đi trên con đường nắng, chân mỏi, bụng đói. Hai bên đường lúa mọc xanh rờn, người làm việc đồng đảo. Họ hát những câu ca dao mà ông cũng thuộc và những khi đi gặt hái ông thường hát.

Tới một cái miếu con ẩn trong bóng cây đa um tùm, ông dừng chân ngồi nghỉ. Một tia hy vọng vụt chiếu rọi vào mắt ông: ông vừa trông thấy kê trước cửa miếu một cái nia đầy những xu và trinh... Ông đưa mắt nhìn quanh: không một ai. Mấy nén hương cắm trên một thẻ vàng tỏa mùi thơm lạnh lẽo và càng làm tăng phần tĩnh mịch nơi miếu vắng. Ông tự nhủ thầm: "Mình chỉ việc đưa tay ra bốc một nắm bỏ túi là sẽ có cơm ăn, là sẽ không chết đói". Và ông đưa tay ra thực. Nhưng ông lại rụt tay lại, tưởng như có ai ghé mắt đâu đó đứng nhìn. Ông nghĩ đến câu chuyện Mùong, chuyện Thổ, những chuyện ma xó giủ nhà: mình vào nhà lấy trộm vật gì trong khi chủ đi vắng; con ma sẽ đọc tên vật ấy lên rồi nó theo dõi mình mà bóp cổ cho mình chết. Tự nhiên, ông rùng rợn, dựng tóc gáy, vội vã bỏ đi.

Đi được một quãng, ông lại quay về cái nia tiền. Ông định bụng cứ lấy một ít đi ăn cơm rồi chết thì chết cũng cam lòng. Chết còn hơn đói. Giữa lúc ấy một người đi đến. Ông sợ hãi nấp vào sau gốc đa. Người kia thân nhiên qua miếu, và ông nghe thấy hắn ném vào nia một đồng trinh. Chờ cho hắn đi khỏi, ông lại nhô ra, đến bên cái nia, dăm dăm nhìn. Nhưng vẫn không sao dám nhặt vài đồng trong nia tiền... của thánh. "Của thánh... lấy, tội chết, thánh quật chết!" Ông Cửu Niệm thì thầm. Rồi quả quyết đi thẳng.

Một quãng xa, ông gặp trên con đường rẽ vào một cái chợ đương họp, một chị ăn mày ngồi phục bên một cái rổ, một cái gậy, và ngược mắt trắng đục nhìn trời, miệng kêu than như ca hát: "Con người thì có, con mắt thì không...". Trong rổ có hai đồng trinh. Mắt ông Cửu như dán vào đó. Ông đứng im một hồi lâu, tai như lắng nghe câu van lơn của người ăn mày. Nhưng sự thực ông đương nghĩ thầm: "Nó mù! Nó mù! Nó không trông thấy mình.. Quanh đây không một ai..". Và ông cúi xuống, lặng lẽ cúi xuống, rón rén nhặt hai đồng trinh thu vào trong bọc.

Rồi ông hấp tấp chạy, như sợ người mù đuổi theo. Ông vào chợ mua bát cơm đầy, ăn ngon ngấu. Ăn xong, ông quay về con đường cũ. Qua đầu đường, ông vẫn thấy người ăn xin ngồi nguyên chỗ, và trong rổ của nó hai đồng trinh vẫn còn. Ông mừng thầm tự nhủ: "Thì ra mình mơ thấy mình lấy hai đồng trinh của nó. Kỳ thực mình có lấy đâu?"

Tới miếu cũ, ông ngắm lại cái nia. Lạ lùng chưa! Bao nhiêu trinh trong nia đã sắp thành từng đôi một. Và chỉ trong một giây biến thành những cặp mắt. Những cặp mắt ấy to mãi ra, to mãi ra và trừng trừng nhìn thẳng vào mắt ông, những cặp mắt lòng trắng tròn, lòng đen vuông. Cùng một lúc, tiếng ăn mày cất lên từ phía, giọng nghe thê thảm: "Lạy ông lạy bà, ông bà thương con, con người thì có, con mắt thì không". Rồi bao nhiêu cặp mắt vuông bay tới tấp vây chặt lấy ông Cửu...

Ông kêu thét lên: "Giời ơi! Hai con mắt vuông!" Rồi ông tỉnh mộng.

Ngoài sân, tiếng nhà sư đọc bài chiêu hồn chúng sinh giọng trầm bổng như kẻ ăn mày kêu đường. Ông Cửu thở hổn hển, rồi lại ngất đi.

Sáng hôm sau, ông gọi các con đến đối dặng:

- Cha nhiều tội lắm. Cha ở ác với rất nhiều người, nhưng với hai con mắt... với hai con mắt vuông ấy thì cha chết mất. Đó là hai con mắt thịt, hai con mắt trần, chứ không phải mắt thần, mắt thánh nào cả như cha vẫn tưởng nhầm. Ngày ấy ... đã lâu lắm... Nhưng mà thôi, đã có các con chuộc tội cho cha. Ngay hôm nay các con rao mõ rằng luôn năm hôm cha phát chẩn cho những người đói khổ trong khắp vùng này. Mỗi người các con cho một bát gạo với hai đồng trinh. Hai đồng trinh, các con nhớ chưa? Đó là cha trả nợ, còn bát gạo là cha trả lãi.

Chiều hôm ấy, ông Cửu nghe tiếng mõ rao, và biết rằng các con ông sẽ làm theo lời ông đối lại. Ông sung sướng mỉm cười trong giấc ngủ cuối cùng. ông chắc chắn sẽ thoát khỏi sức áp bách, sức thôi miên của hai con mắt vuông.

Xuân 1940

Rút từ tập truyện ngắn Cái Ve.

Nxb Đồi nay, 1944.

Tài năng đa dạng của Khái Hưng Duy Lam



Nhiều người hâm mộ tài viết văn của ông Khái Hưng, cũng còn biết ông còn có nhiều tài trong những lãnh vực khác nữa, như tài vẽ tranh theo lối mộc bản và tài dịch thơ Pháp. Hầu như ai đã từng đọc các tác phẩm của ông đều khó quên được bài Tình Tuyệt Vọng, bản dịch tiếng Việt của ông, dịch thơ Arvers, xuất hiện lần đầu tiên trong một truyện ngắn Tình Tuyệt Vọng cũng do chính ông sáng tác. Chẳng qua khi viết truyện ngắn này về một chàng thi sĩ thầm yêu vợ của người bạn thân mình, ngay từ buổi đầu gặp gỡ, khi anh ta cùng bạn đến xem mặt người vợ tương lai tại một làng quê. Mối tình tuyệt vọng ấy, thi sĩ Văn Châu đã giữ mãi trong lòng cho mãi đến một bữa ăn Reveillon đêm Noel tại nhà hai vợ chồng bạn, thi sĩ mới mượn lời thơ Arvers mà anh đã dịch sang tiếng Việt, để phần nào thổ lộ cho mọi người biết, với sự thông cảm thật cao thượng và nhân ái của chính người chồng, bạn thân của thi sĩ.

Cho đến nay đã bao nhiêu người cố gắng dịch bài thơ Tình Tuyệt Vọng của Arvers sang tiếng Việt, kể cả ông Nhất Linh, nhưng cuối cùng ai cũng phải công nhận bài dịch của ông Khái Hưng

là thoát nhất, thơ nhất và hể nhắc đến Arvers là lập tức trên đầu môi nhiều người hai câu thơ dịch của Khái Hưng lập tức đã vang lên "Lòng ta chôn một khối tình, Tình trong giây phút mà thành thiên thu". Và rồi người đọc những câu thơ đầu tiên này được ngay những người bên cạnh đọc tiếp đầy hứng thú luôn cả bài thơ.

Đến đây, tự nhiên tôi muốn có hai nhận xét, một về tính lãng mạn của văn xuôi Khái Hưng và tài dùng từ ngữ rất Việt Nam, rất thơ của văn dịch của ông. Xem ra Khái Hưng có thể được coi là nhà văn lãng mạn nhất của Tự Lực Văn Đoàn, vì ông luôn có những cốt truyện hấp dẫn và không thiếu những yếu tố ngang trái éo le. Trong truyện dài Đẹp ông đã để ông chú họ Ngọc yêu Lan cô gái trẻ của bạn mình, tình yêu chú cháu này được đưa ra trước Chu Tử rất nhiều năm. Trong truyện dài Thanh Đức hay Bần Khoăn, ông đã để hai bố con Thanh Đức cùng yêu một người đàn bà đẹp Hảo, để rồi nàng Hảo đã bất ngờ nhận lấy một ông huyện, khiến hai bố con chưng hửng thất vọng ngẩn ngơ. Truyện dài Trống Mái, ông đã mô tả và khiến độc giả hồi hộp theo dõi chẳng hiểu cuối cùng liệu cô Hiền, cô gái mới thời đại, có lúc nào rơi vào vòng tay khỏe mạnh của chàng Vội thuyền chài, phá cả mọi rào cản về lễ giáo đương thời, và Hiền mắc vào cái lưới của chính nền giáo dục Tây học mà Hiền đã tìm kiếm, thích cái đẹp thể chất của thân hình đẹp như một bức tượng thần Apolon của một người nam thuộc giai cấp bình dân. Nhưng Khái Hưng đã chỉ để chàng Vội vẽ hai chữ Vội Hiền quấn vào nhau cùng các hòn đá của Hòn Chông, rồi được tin Vội chết vì cá nhà táng, Hiền mới xúc động hiểu ra là Vội đã yêu nàng, một thứ tình tuyệt vọng vượt qua các ranh giới của giai cấp. Chẳng hiểu Hiền có hiểu ra là nàng đã có một trò chơi hơi ác của một cô gái mới, là đã có một liên hệ khác đời, giao du với một chàng trai khỏe đẹp và kích thích sự quyến luyến không thiếu những sắc thái dồn ép của dục tình, với sắc đẹp thể chất của một cô gái mới đang độ là nàng. Tôi cứ nghĩ, giả ông Khái Hưng đưa dẫn hai trẻ đến chỗ chàng Vội chịu không nổi ôm lấy Hiền làm bậy, chắc câu chuyện có những diễn biến ly kỳ và hấp dẫn hơn nữa, ít ra là đối với các người trẻ như tôi và Thế Uyên.

Bọn tôi khi đọc lại các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn và mấy tác phẩm do hai ông Khái Hưng và Nhất Linh viết chung, đều khoái nhân vật Tuyết của Đời Mưa Gió. Các cô gái làng chơi nửa chừng, ngang ngược dí dỏm này luôn có những hành động vừa khác thường lại vừa cá mồm đàn ông một cách bất ngờ nhất. Chuyện Tuyết xuất hiện ở bếp nhà giáo sư Chương, để làm bếp cho chàng ta, những lời đối đáp ngộ nghĩnh có duyên và ý nhị của nàng ta, và luôn cả cái lối Tuyết nhảy fox trot theo một điệu Bình Bán, thật vừa khả ái và đê mê. Cái kết của Đời Mưa Gió thật xine Hollywood là cho Tuyết trở về nhà Chương một đêm Giao Thừa, để đốt hết quần áo của nàng thật Tây, nhưng rất hợp khi chuyện dài này được quay thành phim. Đọc Đời Mưa Gió tôi lại liên tưởng đến Of Human Bondage của Somerset, cũng như hệ lụy ghê gớm của tình yêu giữa một chàng sinh viên với một người đàn bà thay đổi đầy khó hiểu. Thế còn Chương? Rõ ràng chàng giáo sư mô phạm đứng đắn mực thước nổi tiếng ghét phụ nữ đã bị thân hình nảy nở và tình yêu nặng xác thịt nàng Tuyết mang tới cuốn hút vào những phiêu lưu không định hướng, không lối ra. Quả thật thời đó các ông đã dám đề cập đến sự sa đọa tha hóa của người trí thức mô phạm khi đụng đầu với sự cuốn hút của dục tình, cũng phải nói là mạnh bạo.

Trở lại cách sử dụng từ ngữ vừa Việt Nam vừa rất Á Đông, rất thích hợp của Khái Hưng khi dịch thơ Arvers. Để dịch một bài thơ Pháp, ông đã rõ ràng cố ý chọn lựa những từ ngữ, những hình ảnh ý niệm rất quen thuộc với các độc giả Việt, vốn dễ bị xúc động khi đọc những từ ngữ, hình ảnh xem ra đã được bao thế hệ thi sĩ Trung Hoa cũng như các nho sĩ Việt sử dụng, để viết văn làm thơ, đến độ sẽ tự xúc động như đã bị điều kiện hóa bởi những từ ngữ hình ảnh cổ đã tồn tại lâu đời qua văn chương.

Đúng ra theo tôn chỉ viết văn của Tự Lực Văn Đoàn, viết một lối văn rất An Nam, giản dị trong sáng, tránh những từ ngữ gốc chữ Hán trừu tượng khó hiểu, tương tự như các nhà thơ mới trong nhóm như Xuân Diệu, Thế Lữ, nhưng Khái Hưng đã chọn một lối dùng từ ngữ cũng có phần cổ kính, để dịch thơ Arvers, khiến bản dịch hấp dẫn người đọc vì các âm điệu quen thuộc gợi hình gợi cảm và rất khó quên vì rất thơ. Ngay câu đầu ông đã dùng chữ "chôn" một mối

ting, một hành động lãng mạn cũ, rồi khoảnh khắc và "thiên thu", hai từ kép Hán Việt. Rồi đến những tĩnh từ sáo cũ của văn chương ngôn ngữ bình dân như Thảm sầu, gieo thảm, thui thủi, đường trần, ngọc nói hoa cười, bước tiên, tiết liệt đoan trinh. Nhiều danh từ đọc lên ta có cảm tưởng đã thấy ở Cung Oán Ngâm Khúc hay Chính Phụ Ngâm.

Tóm lại, Khái Hưng đã Á Đông hóa tình tuyệt vọng qua những từ ngữ hình ảnh ông đã chọn dùng để dịch thơ Arvers. Cho nên không có gì ngạc nhiên đồng đảo độc giả qua nhiều thế hệ vẫn mê thích bản dịch của ông, và dù có đọc lên bản tiếng Pháp, để đối chiếu với bản dịch, nhưng hiển nhiên chỉ đọc bản dịch của Khái Hưng người ta mới thấy những niềm xúc động sâu xa và bền vững hơn. Thật sự trong trường hợp này dịch còn là một hành động sáng tác rõ nét, vì người dịch nhờ tài năng và khả năng hiểu thơ nguyên bản, hiểu rồi cảm rồi thấm và rồi viết lại bằng tiếng mẹ đẻ của mình thoát và tự nhiên, đến nỗi người đọc đồng hóa nhập vào giọng ngôn ngữ dịch nhiều hơn, thậm thía hơn, so với thường thức bài thơ trong nguyên bản của nó. Đến đây tôi lại muốn trích một đoạn văn viết về dịch của Nhất Linh:

...Dịch văn là một việc rất khó, theo chúng tôi, phải làm sao cho lưu loát, khiến người đọc không cảm thấy là văn dịch mà văn dịch vẫn giữ được sát ý và lột được hết tinh thần của nguyên văn.

Dịch văn xuôi không phải ý tác giả đã khó, dịch văn vần lại càng khó gấp bội, cho nên ít khi ta được thưởng thức một bài thơ dịch toàn bích. Tuy nhiên, ai cũng có thể nhận thấy dịch thơ Đường dễ hay hơn là dịch thơ Anh, Pháp,...

Ông Nhất Linh cũng rất thích thơ Đường và đôi khi ông cũng thử dịch vài bài thơ Đường mà ông thích, nhưng ông có nói với tôi khi tôi cộng tác với ông qua Văn Hóa Ngày Nay: Bác dịch cũng chỉ vì thích nhưng không thể hay bằng Tản Đà và cũng còn thua nhiều Khái Hưng. Khái Hưng cũng dịch một số thơ Đường bác chọn, và quả thật bác dịch thơ Tây thật hay và dịch thơ Đường cũng rất hay nữa, có thể vì học chữ nho từ nhỏ bác tinh thông Hán học, hơn nữa văn xuôi của bác cũng có tính chất thơ cao nữa. Ông Nhất Linh đúng là có mắt tinh đời, khi mời Tản Đà cộng tác, ông đã khéo nhờ thi sĩ phụ trách mục dịch thơ Đường cho nên đến nay những bài thơ dịch thơ Đường của Tản Đà đã mãi được độc giả nhiều thế hệ khâm phục và ưa thích. Tiện đây, để chứng minh cái tài dịch thơ Đường của nhà văn Khái Hưng, cái tài mà ít người lớp sau biết được, tôi xin trích sau đây một số bài thơ tiếng Việt dịch từ những bài thơ Đường của những thi sĩ lớn của thi đàn Trung Hoa. Phải công nhận ngoài những từ Hán Việt chuyển sang tiếng Việt, Khái Hưng đã khéo tận dụng tất cả cái uyển chuyển tinh tế của tiếng Việt để dịch, chuyển thể thì đúng hơn, một số bài thơ nổi tiếng của thi sĩ được tôn là tiên phong trong giọng thơ lãng mạn trữ tình Trung Hoa.

Dưới trăng uống rượu một mình

Lý Bạch

|

Trong hoa một hồ rượu
Ngồi uống, bạn không ai
Cất chén mời trăng sáng
Vời bóng là ba người
Trăng không ngưng ta uống
Bóng theo ta chẳng rời,
Tạm bạn trăng cùng bóng
Đề chờ xuân tới nơi
Ta ca trăng bồi hồi,
Ta múa bóng linh loạn
Lúc tỉnh cùng giao hoan
Say mọi người phân tán
Bạn già nhưng vô tình
Hẹn nhau sông Vân Hán,.

II

Trời mà không thích rượu
"Sao rượu" ở chi trời?
Đất mà không thích rượu
Thích rượu không thẹn trời
Đã nói trong chữ thánh
Đọc tựa hiền thêm lời
Hiển thánh đều đã uống
Thần tiên còn cần ai?
Ba chén trong đạo lớn
Hấp tự nhiên một chai
Chỉ tìm thú trong rượu
Mặc người tỉnh lời thôi

III

Ba tháng ở Hàm Dương
Nghìn hoa đẹp như gấm
Ai hay xuân mà sầu
Nên còn uống nhiều lắm
Cùng thông và ngắn dài
Tạo Hóa sẵn phú bẩm
Sống, chết, một chén thôi
Muôn việc khôn xét thắm
Khi say quên trời đất
Ôm gối nằm ngủ lếp
Chẳng biết có thân mình
Vui ấy vui nào thắm

IV

Sầu lớn nghìn muôn mối
Ba trăm chén rượu ngon
Sầu nhiều rượu tuy ít
Rượu nghiêng sầu phải bon
Sở dĩ biết rượu thánh
Rượu say mở lòng son
Bá Di không nhận thóc
Nhân Hồi đói chết mòn
Thời ấy không thích uống
Hư danh sao vẫn còn?
Cua tôm là châu báu
Cỏ men là cõi Bồng
Và cần uống rượu tốt
Gác cao cười trắng tròn
Khái Hưng dịch

Lý Bạch

Thiếp ngắt hoa trước cửa
Tóc chấm trán vừa ngang
Chàng cưỡi ngựa trúc đến
Tung mơ chạy quanh giường

Làng Trường Sơn cùng ở
Hai trẻ một lòng thương
Mười bốn về làm vợ
Thiếp e then bẽ bàng
Chúi đầu vào vách tối
Gọi, mãi chẳng quay sang
Mười lăm, mi mới nở
Nguyên ghi tạc đá vàng
Chàng không hề lỗi hẹn
Thiếp rất được yêu thương
Mười sáu, chàng ra đi
Trèo leo lối Cô Dương:
Tháng năm ai dám tới?
Tiếng vượn kêu thảm thương
Ngoài cổng thưa chân bước
Rêu xanh mọc thành hàng
Rêu đây không thể quét
Lá rụng gió thu mang
Tháng tám ngoài vườn cỏ
Nhấn nha đôi bướm vàng
Tự cảm đau lòng thiếp
Nhìn tàn tạ hồng nhan
Sớm chiều xuống ba quận
Mong ngóng đợi thư chàng
Đón nhau xa không ngại
Trường phong bao dặm đàng
Khái Hưng dịch

Đến đây, gọi là một cử chỉ tế nhị đối với các bạn trẻ, không thông thạo Pháp ngữ và có thể cũng chẳng nhớ đến Arvers, cũng như đối với các bạn tuy có đọc và nhớ lồm bồm bản dịch Tình Tuyệt Vọng thơ Arvers, Khái Hưng dịch, nên tôi cũng kèm vào đây toàn bộ bài thơ khó quên đó.

Tình tuyệt vọng

Arvers

Lòng ta chôn một mối tình
Tình trong giây phút mà thành thiên thâu
Tình tuyệt vọng nỗi thắm sâu
Mà người gieo thắm như hầu không hay
Hỡi ơi! Người đó ta đây
Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân?
Dẫu ta đi trọn đường trần,
Truyện riêng dễ dám một lần hé môi?
Người dù ngọc nói hoa cười
Nhìn ta như thể nhìn người không quen
Đường đời lặng lẽ bước tiên
Ngờ đâu chân đạp lên trên khối tình
Một niềm tiết liệt đoạn trinh
Xem thơ nào biết có mình ở trong
Lạnh lùng lòng sẽ hỏi lòng

Người đầu tả ở mấy giòng thơ đây

Khái Hưng dịch

Chỉ có điều, như một nhà văn có tính tò mò cứ muốn biết nhiều hơn về sự nảy sinh của các tác phẩm văn chương, tôi cứ thắc mắc hoài với chính mình. Ông Khái Hưng dịch thơ Arvers trước rồi mới viết một truyện ngắn, ở đây cũng có tên Tình Tuyệt Vọng, để tiện gài bài thơ ông dịch vào truyện, hay ông viết truyện trước và nhân tiện dịch bài thơ của Arvers, mà những người theo Tây học hỏi đó ai cũng biết? Tôi cũng tiếc không gặp hỏi bác Nhất Linh, chắc bác cũng đã giải tỏa cho thắc mắc của thằng cháu, nhà văn vốn nhiều chuyện lại tò mò.

Đọc lại truyện ngắn Tình Tuyệt Vọng của Khái Hưng, tôi mới chợt nhận ra không khí một đêm Noel tụ tập các nghệ sĩ trí thức ở Hà Nội một thời tiền chiến tài hoa son trẻ, lại có nhiều nét tương đồng với những tụ họp sau này của bọn nhà văn nhà thơ lớp sau chúng tôi, cũng những lời đùa cợt ý nhị trêu chọc thân ái lẫn nhau, cũng những trò chúc rượu khen khéo sắc đẹp phe nữ và sự duyên dáng của nữ chủ nhân, cũng cái nét ham sống ham vui yêu đời của tuổi trẻ. Cho nên nói văn chương tiền chiến đã trở nên có phần xa lạ, cũ xưa, không hợp thời đối với tuổi trẻ các thế hệ sau, e ta phải đặt Khái Hưng sang một bên vì không ở tiểu thuyết nào có nhiều nhân vật nữ hấp dẫn đa dạng và có cách cư xử ăn nói có nhiều hiện đại tính như trong văn xuôi của Khái Hưng. Chẳng trách Khái Hưng được đông đảo độc giả trẻ trí thức thành thị yêu mến và sách của ông bán chạy hàng đầu trong các nhà văn Tự Lực Văn Đoàn.

Để kết thúc bài tùy bút này, tôi muốn viết sơ qua về tài họa của Khái Hưng. Như Nhất Linh đã chú thích khi cho đăng lại bức minh họa bài thơ Tương Biệt Dạ của Huyền Kiều, do chính tay Khái Hưng vẽ. Lối minh họa của Khái Hưng khiến tôi liên tưởng đến lối vẽ tranh mộc bản của các họa sĩ Nhật, sáng tối làm nổi yếu tố khối, nét vẽ rõ ràng mạnh mẽ, để dễ cho thợ khắc lên bản gỗ. Chỉ tiếc một điều đây là bức tranh độc nhất còn lưu lại được của Khái Hưng, tại sao ông không minh họa nhiều hơn các truyện ngắn truyện dài của chính ông. Nếu ông làm như thế, có phải ngày nay chúng ta có được một bộ sưu tập các bức tranh với phong cách Á Đông, và như Nhất Linh xác nhận đẹp không thua gì các bức tranh của các danh họa. Có thể vì tính tình khiêm cung ý nhị, trong Tự Lực Văn Đoàn và Phong Hóa Ngày Nay, đã có đến hai danh họa Nguyễn Gia Trí và Tô Ngọc Vân phụ trách phần minh họa, nên Khái Hưng đã không khai triển một tài năng ẩn kín của ông là họa. Thật đáng tiếc.

Mùa Giáng Sinh 2007

Cái ve

I

Bọn họ bốn người ngồi đợi bạn đi làm về để ăn cơm sáng. Có lẽ họ cùng đói cả, vì đều yên lặng, đều uể oải chẳng ai chuyện trò với ai. Một người lau nhàu nói một mình:

- Làm gì mà giờ chưa về?

Rồi quay sang hỏi người bên cạnh đang nằm khểnh, vắt chân chữ ngũ, chăm chú dùng móng ngón tay trở và ngón tay cái làm nhíp nhỏ râu.

- Trường, thằng Việt nó có dặn mày nó không ăn cơm nhà không?

Trường nhăn mặt xuyết xoa, vì đã lơ đãng bấm phải da cằm. Người hỏi thấy vậy nhún vai ngồi im. Một lát, chàng lại cắn nhần nói một mình:

- Lại lão giáo nữa!

Một hồi chuông giòn giã. Một người thợ hỏn hển dắt xe đạp đi vào, rồi vừa nhấc xe đặt lên cái giá gỗ, vừa cười nói:

- Xin lỗi các anh. Tôi về hơi muộn vì gặp thằng cha khó chịu quá, nó cứ vật nài đặt xong cho nó cái hòm "ắc qui" để nó đi Đồ Sơn nghỉ mát ngay trưa hôm nay.

- Hừ! ắc qui với chẳng ắc qui! Mươi hai rưỡi rồi còn gì? Người ta làm lụng đầu tắt mặt tối, tháng tháng kiếm được mười mười hai đồng bạc. Đã thế, đến bữa cơm còn chưa được ăn!

- Việt đây chứ moa thì hết giờ rồi moa cóc lếp nữa, phỏng đã làm gì moa tốt! Tội gì lại chịu đói cào ruột ra để lấp hòm điện cho nó đi nghỉ mát, đi nghỉ mát với gái.

Việt cười xòa:

- Thôi "bạc đồng" cả các anh!... Thì đã giao hẹn cứ đợi đến đúng mười hai giờ là cùng kia mà, sao các anh còn...

Trường ngắt lời Việt, cất tiếng gọi:

- Ve! Có cho người ta ăn không?

- Xong rồi đây!

Một người con gái bưng mâm cơm ra, đặt lên phản. Nàng y phục nửa thôn quê, nửa thành thị: cái quần vải thâm, cái áo dài vải đồng lằm cài kín tà, để chừa lại khuy cổ và khuy vai, cái khăn nhung vấn lẫn vành, mái tóc rẽ hơi lệch như muốn theo kiểu mới, nhưng còn nhút nhát, rụt rè, chưa dám quả quyết.

Nhắm đếm trong mâm có năm cái bát và năm đôi đũa. San, người thợ nguội ở một xưởng chữa ô tô, hắt hàm hỏi:

- Thế nào, Ve, ông giáo bữa sáng nay lại không cùng ăn?

- Mời các bác xơi cơm thôi, hôm nay để ông ấy đi ăn cơm khách, vì mãi giờ vẫn chưa thấy về. Với lại ông ấy đã dặn hể đến bữa mà ông ấy chưa về thì đừng đợi cơm, đừng để phần để phỉếc gì hết.

Không nghĩ ngợi, không do dự, năm người ngồi xuống ăn liền. Họ vẫn chẳng ưa gì ông giáo Thanh mà họ cho là không vào cảnh lao động với họ: một người kiêu ngạo, ít nói, vui buồn không để lộ ra ngoài mặt, một người đã nhiều phen phê bình lời bông đùa, cợt nhả của họ bằng sự yên lặng trang nghiêm. Có lần câu tiết, bọn họ đã bảo bác Cả, mẹ Ve, dọn riêng ra cho ông ta ăn một mình. Nhưng bác Cả vẫn cố tìm lời khôn khéo nói với họ để tránh sự tổn phí thêm mâm thêm bát.

Bọn họ đã theo nghề mà phân biệt giai cấp, nhưng nếu họ biết rõ tình cảnh của Thanh thì họ sẽ thấy cũng chẳng hơn gì tình cảnh họ: dăm bộ bàn ghế nát, một cái bàn đen trong gian nhà lá trống trải, đó là khí cụ để xoay kế sinh nhai. Còn khách hàng: vài ba chục cậu trò nhỏ từ sáu đến mười hai tuổi từ lớp đồng ấu đến lớp sơ đẳng và toàn là con các nhà bình dân buôn bán ở

ngoại ô, nghĩa là không sẵn tiền và nhiều khi túng bán nửa. Vì thế học phí chẳng lấy gì được trả sòng phẳng luôn luôn, và món tiền thầy giáo kiếm được hàng tháng chẳng mấy khi quá số mười lăm đồng. Trừ tiền thuê lớp học và các khoản chi phí khác, khéo lắm còn hơn chục bạc để ăn tiêu.

- Ve!

- Cái gì nữa thế?

- Lấy thêm cơm, mau!

Trên mâm, đĩa đậu phụ om tương, đĩa rau muống sào tóp mỡ đĩa đu đủ xanh om mắm tôm, đã sạch sẽ như lau. Ai nấy ăn ngón ngấu, vội vàng, không trò chuyện, không ngừng gắp, không ngừng nhai. Người ta chỉ nghe thấy tiếng hai hàm răng chạm nhau côm cốp, tiếng thìa đĩa đụng mâm lách cách và tiếng húp canh sục sọp.

Ăn no, ai nấy trở nên vui vẻ, và những câu chuyện khôi hài nghịch ngợm, những câu pha trò thô tục, nhạt nhẽo kể tiếp nhau, chen đua nhau không ngớt, dù Ve có đứng gần đấy cũng mặc. Họ đã quen coi Ve là một người để sai khiến, một người nấu cơm cho họ ăn, thế thôi. Còn cái tuổi mười tám của Ve, họ không hề nghĩ đến bao giờ. Thấy Ve bỏ chạy, họ cho là một sự rất thường hoặc để xuống bếp làm lụng, hoặc để đi mua thức gì cần dùng, chứ không một lần nào họ tưởng rằng những lời lỗ mắng, những câu bản thủ của họ đã làm Ve bển lên xấu hổ và đã đuổi Ve đi.

Là vì Ve xấu số, chẳng có nhan sắc như nhiều cô gái khác, hơn nữa, chẳng có một chút duyên lộ duyên thâm của một cô con gái đến thì. Sự trang sức của Ve,- vì Ve mới bắt đầu chăm chỉ trang sức - càng phô rõ những điểm xấu của Ve ra. Cái mặt kỳ cọ bóng loáng, hai hàm răng xĩa thuốc đen láy, chỉ làm cho cặp môi thêm thâm, thêm cong. Đôi lông mày nhỏ tựa hình bán nguyệt càng thanh bao nhiêu thì hai con mắt lồi càng thô bấy nhiêu, hai con mắt đục và ướt như lúc nào cũng ám khói bếp. Một cái sẹo trắng nằm dài ở mi bên phải khiến thoạt nhìn Ve là người ta để ý đến mắt Ve ngay. Có lẽ Ve cũng biết thế, nên vẫn hết sức chữa cho cái sẹo mờ đi: trước Ve đã bôi nghệ, nhưng thấy màu nghệ vàng khè không giống màu da, nằng lại thôi. Mãi sau nằng mới nghĩ ra được cách dùng màu chì nhạt. Từ đấy trong túi áo lót mình của Ve bao giờ cũng có mẩu bút chì và cái gương tròn nhỏ.

Chính cái sẹo ấy đã đặt tên cho Ve. Thực ra Ve không có tên riêng. Khi Ve ra đời, mẹ Ve chỉ gọi Ve là cái Riêm con, và cái Riêm, chị Ve, đã nghiễm nhiên thành cái Riêm nhón.

Năm bảy tuổi, Ve đau mắt nặng. Khởi bệnh, còn lại cái sẹo ở mi bên phải. Từ đó, mẹ nằng khi mắng nằng thường chỉ kêu nằng là cái Ve, rồi chẳng bao lâu ai ai cũng theo thế mà gọi nằng.

- Ve!

- Các bác bảo gì?

Ve đã nhanh nhẹn ở trong nhà chạy ra. Khoát trở mâm:

- Bưng đi, Ve!

Rồi trong khi người con gái thu dọn các đĩa bát rếch, chàng cười bảo Trường:

- Mà y ạ, ban này tao ở nhà máy về gặp con bé chỉ độ mười bảy tuổi đầu thôi. Kháu quá, mà tình quá! Tao nháy nó, nó tằm tằm.

- Ồ thú nhĩ!

San cười phì cả ngụm nước vừa uống:

- Mà tin gì nó! Nó làm như nó đẹp giai lắm, các cô con gái Hà Nội ai cũng phải lòng nó.

- Mà thi đẹp! Hôm nọ gheo con hàng chuỗi nó mắng vào mặt cho, còn không biết thân!

Ve bưng mâm bát, đĩa xuống nhà, trong lòng buồn rầu man mác. Năm nay nàng đã mười tám tuổi rồi, mà chưa một lần nào được ai nháy hay bị ai chòng gheo. Nàng không hiểu sao người ta lại nháy nhau, lại chòng gheo nhau được và làm như thế có ích gì. Nàng chỉ biết khi một người đàn ông, như ông giáo Thanh chẳng hạn, nói với nàng những câu dịu dàng, đứng đắn, khác với những lời cục cằn của mấy bác thợ ăn cơm trọ nhà nàng thì nàng thấy tim nàng đập mạnh và nàng cảm động quá, chỉ muốn ứa nước mắt. Nhưng nàng cũng mới gặp có một ông giáo Thanh đối đãi với nàng như thế. Giá ông ấy có nháy nàng hay chòng gheo nàng, thì nàng xin thề với nàng rằng nàng chẳng dám tằm tằm mà cũng chẳng dám mắng vào mặt ông ấy.

- Ve, mà y không đi rửa bát, còn ngồi thừ ra đấy mà nghĩ ngợi gì thế?

Nghe tiếng mẹ cự, Ve thở dài đứng dậy cấp rổ bát đĩa thông thả ra ao.

Mặt trời giữa trưa xiên thẳng ánh sáng xuống làn nước màu xanh vàng. Ve trùm vạt áo sau lên đầu để che mắt cho khỏi nắng và đỡ chói, ngồi cầu ao lấy bụi rơm thông thả cọ từng cái bát, cái đĩa. Đàn cá nhỏ xúm xít bơi lại gần đớp những hạt cơm rơi, mặt nước lấm tấm, lấp loáng trông như có những hạt mưa đang dồn dập đổ xuống. Ve lấy tay khò mạnh, tức thì bóng nàng tan ra với đàn cá nhép tản mát lan đi. Nàng lò mò cúi xuống nhìn: mặt nước dần dần lắng lại, bóng cái sẹo ở mi mắt lơ mờ thành hình. Ve rửa tay thực kỹ, kéo vạt áo lau cho khô, rồi móc túi lấy ra cái gương con và mẫu bút chì để tô.

Giữa lúc ấy có tiếng gọi:

- Ve! Mà y chết gì ở ngoài ấy à?

Ve bỏ vội gương và bút chì vào túi, cấp rổ bát đĩa đứng dậy, trong lòng căm tức nghĩ thầm: "Người nào cũng vậy, động nói với mình là rửa mắng! Khó chịu quá!"

Nàng cau có hỏi mẹ:

- Cái gì mà bu làm ầm lên thế?

- Con giờ đi đánh, mà y có sắp sửa đi chợ không, còn dềnh dàng mãi.

- Thì cũng phải rửa xong bát đĩa đã chứ!

- Câm ngay, con đi đại! Đây này, cầm hào bạc ra chợ mua cho tao năm bìa đậu với lại hai xu cải, một trình hành hoa. Bữa sáng còn rau muống, còn cá kho đấy, chiều dọn ra, như thế là thơm rồi.

- Có mua thêm thịt kho cho ông giáo ăn không?

Bác Cả nguýt dài, mắng con:

- Rõ khéo lời thôi, tao bảo mua thức gì thì cứ mua thức ấy có được không?

Ve bĩu môi đáp lại:

- Thì người ta giả hơn tiền, cũng phải cho người ta ăn tươm tất hơn một tí chứ.

Bác Cả gí ngón tay vào trán con, hai hàm răng rít lại, thì thầm:

- Thối cơm trọ như mày thì có khi phải bán nhà mà bù. Sáu đồng bạc một tháng, mày tưởng to lắm đấy à?

- Chẳng to lắm thì cũng to hơn phần mọi người khác, họ chỉ giả bu có bốn đồng thôi.

- Nhưng đặng này người ta vừa ăn vừa trọ. Thôi, mày im ngay, đừng làm tao lộn tiết lên nữa, mà tao phang cái chày này vào mặt bây giờ.

Bác Cả đứng im vài giây rồi cười chua chát, nói tiếp:

- Dễ thường con bé này nó phải lòng nhà thầy giáo chắc! Chẳng thế mà hôm nào nó cũng sẵn sóc riêng đến bữa cơm của thầy ta.

Ve vùng vằng bỏ ra đi.

II

Ve đương ngồi ở bếp thái hành để muối dưa, bỗng nghe tiếng guốc lộp cộp sau lưng: nàng biết rằng đó là ông giáo Thanh, vì chỉ có mình nàng với ông giáo ở nhà. Mẹ nàng ra chợ, còn năm người ăn cơm trọ, xong bữa sáng, đã kéo nhau đi cả.

Ve cố thản nhiên chăm chỉ làm việc, như không để ý đến mọi sự xảy ra chung quanh mình.

- Cô Ve!

Không lần nào nghe hai tiếng "cô Ve" mà cô gái xấu xí không nóng bừng mặt. Cách xưng hô ấy, Ve cho chỉ để tặng riêng những người lịch sự, xinh đẹp trong các gia đình cao sang hay giàu có. Còn đối với nàng, đó chỉ có thể là một sự mỉa mai cay độc. Vì thế, buổi đầu Thanh gọi nàng là cô, nàng cảm tức tưởng như bị chế nhạo. Nhưng lâu dần nàng cũng quen tai, tuy vẫn còn hơi bẽn lễn một chút, bẽn lễn sung sướng.

- Cô Ve!

- Dạ.

Ve từ từ đứng dậy, dáng điệu giữ gìn khoan thai, yếu điệu, nhất là cố ý nhìn thẳng để Thanh chỉ trông thấy một nửa mặt không có cái sọ dài ở mí mắt.

- Cô Ve làm ơn đun hộ tôi ấm nước sôi nhé?

- Thưa ông, vâng.

- Đây, ấm đây, cô Ve.

Ve đỡ lấy cái ấm đồng ở tay Thanh, ra vại múc nước, bắc lên bếp kiềng nhóm lửa. Rồi nàng lại ra ngồi thái hành, lòng băng khuôn cảm động: "Người ta có học hành chữ nghĩa vẫn hơn. Ăn nói ôn tồn quá. Chả bù với năm bác kia nhất là bác Trường, với bác San, động nói là gắt, bảo làm việc gì thì như sai đây đó vậy. Rõ nhắng quá! Ai là đây đó họ mới được chứ?"

Một lát sau, Ve xách ấm nước lên nhà, nói se se:

- Thưa ông, nước sôi được rồi đây ạ.

Thanh đương mài chằm bài học trò ở cái hòm lớn đặt trên giường và dùng làm bàn. Ve phải nhắc một lần nữa, chàng mới nghe thấy và quay lại tươi cười nói:

- Cám ơn cô nhé. Cô để đây cho tôi.

Ve cúi đầu, thỏ thẻ:

- Thưa thầy, thầy pha nước hay để làm gì?

- Tôi pha nước đây, cô ạ.

- Thế con đi súc ấm nhé?

- Được, cô để mặc tôi.

Nhưng Ve đã nhanh nhẹn ra bàn nước mở cái giỏ làm bằng tre ghép, màu sơn quang dầu đã mờ sạm và trên đây nắp vải nâu cũ, rách, để lòi cả bông nhồi ra. Nàng kéo lên một cái ấm Thanh Trì vòi thiếc cẩu đầy cặn chè nụ, và mở vung ghé mắt nhòm, lăm bằm:

- Gớm! Tệ quá! Uống cạn chẳng để phần người ta lấy một giọt.

Tiếng "người ta" dùng để chỉ ông giáo Thanh mà Ve buột miệng thốt ra, nàng nghe như có chiều thân mật quá. Vì thế nàng đưa mắt liếc trộm xem Thanh có nghe rõ không. Thấy Thanh vẫn cặm cụi chằm bài, nàng mới yên tâm.

- Thưa thầy, con súc ấm tra chè mới nhé?

Thanh vẫn không ngừng lên, đáp:

- Cám ơn cô, thế thì còn nói gì nữa. Nhưng hình như chè này còn tốt đấy mà, bỏ sợ phí, cô Ve ạ.

Ve bóp mấy hạt chè bã:

- Thưa thầy, còn tốt đâu! Bã nát nhẽo ra rồi!

Ve dènh dàng để được ở gần Thanh lâu thêm một lát nữa. Trong lúc nhà vắng đứng nói

chuyện với Thanh, nàng coi như một việc thầm kín, vụng trộm, một việc có lỗi. ý nghĩ ấy làm Ve sung sướng, chân tay luống cuống. Nàng tra chè mới rồi rót nước vào ấm.

- Thưa thầy, con để đây, thầy chờ một lát cho ngấm đã rồi hãy uống.

- Được, cảm ơn cô, cô cứ để đấy cho tôi. Nhưng này cô Ve, sao cô cứ xưng con với tôi thế? Tôi chỉ hơn cô độ hai, ba tuổi là cùng, cô xưng con với tôi như thế e không tiện.

Ve yên lặng đứng ngậy người nhìn Thanh, và ngẫm nghĩ: "Thế nghĩa là gì? Đó là câu đùa bỡn trêu ghẹo, hay là lời đứng đắn tự nhiên?". Nhưng thấy Thanh vẫn cúi đầu chữa bài học trò, Ve liền rón rén lảng xuống bếp. Một lát sau, nàng lại lên nhà, rót chén nước chè nụ đầy bụng đến để bên cạnh ông giáo và lễ phép nói:

- Thưa thầy, nước chè ngấm, vừa uống rồi đấy ạ

Thanh ngừng đầu lên tươi cười đáp.

- Cảm ơn cô nhé.

Ve giật mình vì vô tình nàng đã xây về phía Thanh nửa mặt có cái sẹo ở mí mắt. Nàng cúi vội đầu xuống rồi ngoảnh trông nghiêng.

- Ve!

Ve chạy biến vào trong bếp. Tiếng bác Cả réo từ ngoài đường réo vào:

- Ve! Con chết đâm ra đây tao bảo.

Ve sợ hãi bước lại gần, hỏi:

- Cái gì thế, bu?

- Cái gì à? Lại còn cái gì à, con quạ mỏ?

Ve ngượng quá, đưa mắt nhìn Thanh, và thầm mong rằng Thanh mãi chăm bài, không nghe thấy lời rủa mắng của mẹ.

- Thì tao hãy hỏi mày: mày mua na để làm gì, hử? Tiền đâu mà mua na, hử con ranh kia? Mày ăn bớt tiền chợ để ăn quà, phải không con đĩ?

Trong khi người mẹ nói một thôi một hỏi, Ve chỉ đứng lặng, mặt tái đi nhìn quanh mình như để tìm cầu cứu. Bác Cả thét càng to:

- Con nỡm! Sao tao hỏi, mày cứ đứng ý thần xác ra như con cầm thế kia?

Ve cúi tiết trả lời buông sững:

- Làm gì có tiền mà mua? Ai mua? Rõ bu chỉ lôi thôi.

Bác Cả đặt phịch cái rỏ thức ăn xuống đất, ngón tay trở sủa sói vào mặt con:

- à, lại còn gái đĩ già mồm à? Tao đi qua hàng chị Thên, chị ấy bảo mày mua bốn xu hai quả na, rồi gửi chị ấy, chị ấy nhờ tao mang về cho mày đây này, còn cãi nữa thôi, con chết tiệt, con chết bầm?

Ve cuống quít cãi liều:

- Ô hay, bu mới hay nhì! Có để cho ông giáo ông ấy chằm bài không?

Nghe nói đến mình, Thanh ngừng đầu nhìn: Chàng đã mục kích nhiều lần cái cảnh náo nhiệt giữa hai mẹ con bác Cả, nên những tiếng chửi rửa nhieác móc tục tằn, chàng coi thường rồi, không lấy làm chướng tai, như buổi mới đến ở trọ nữa.

- Hay sao, mày bảo tao hay sao, con kia? Tao hãy hỏi mày: tiền đâu mày mua na?

Thấy Thanh nhìn mình, Ve vớ ngay lấy chàng như người sắp chết đuối vớ lấy mảnh ván trôi.

- Ông giáo đấy chứ...

- Ông giáo sao?

- Mua cho ông giáo đấy chứ!

Thanh thoáng hiểu tình cảnh một cô gái đi chợ ăn quà vụng mẹ. Chàng liền nghĩ cách cứu vớt:

- à, cô Ve, tôi nhờ cô mua na cho tôi, cô đã mua chưa?

Ve toan nói: "Đấy bu coi", nhưng nàng cảm động quá, chỉ ứa nước mắt, nghẹn ngào đứng im. Nàng không hiểu sao ông lại bênh vực nàng như thế, và bênh vực nàng như thế, ông ta có định ý gì không. Xưa nay có ai thèm thương hại nàng bao giờ đâu. Nàng ra chợ mất cắp, người ta cười chế nhạo nàng. Nàng bị mẹ mắng chửi, đánh đập, mấy người ăn cơm trọ khúc khích cười lấy làm thích chí như ngồi coi hát chèo. Thậm chí có khi nàng ngã sứt cả chân tay, mà những người qua đường cũng vỗ tay reo cười được. Không bao giờ, thực không bao giờ nàng được ném chút tình trắc ẩn nó an ủi, vỗ về, xoa dịu lòng con người trong những giờ đau đớn.

Ve lại thuộc hạng người nhiều tình cảm. Thực là một tấm lòng yếu đuối, một tâm hồn ủy mị, chứa trong một hình thể cục mịch, một cốt cách thô sơ. Vì thế, Ve càng nhận thấy rõ rệt và cảm thấy thấm thía những sự đối đãi tai ngược và bất công của người đời. Nàng không sao thân mật được, như mẹ nàng, với cái hoàn cảnh nàng đương sống và đã sống gần hai chục năm nay, và có lẽ nàng còn sống mãi mãi cho đến khi già, khi chết.

- Thế nào, na của tôi đâu, cô Ve?

Sợ mẹ trông thấy sự cảm động của mình biểu lộ ra bằng hai dòng nước mắt, nàng bỏ chạy xuống bếp. Thanh mỉm cười thâm, cho là nàng ngượng với mình, vì có cái nét thứ tư của "cô con gái bầy nghề". Còn bác Cả thì vẫn chưa hết thét, tuy bác đã biết con bác không có tội.

- Ve! Con bé thế này thì thật. Sao ông giáo hỏi lại bỏ chạy, hử, con đĩ? Đấy, thầy tính nó hư đủ nét như thế, thì tôi không gào không thét làm sao được cơ chứ. Mua có hai quả na cho thầy cũng còn bỏ quên được mới nghe.

Vừa nói, bác Cả vừa cầm hai quả na còn cả lá, gượng nhẹ đặt vào khay nước.

- Thầy xoi ngay được đấy. Na đầu mùa chín tới ngon lắm.

- Cám ơn bà, bà cứ để đấy cho tôi.

- Thôi thầy ở nhà nhé. Tôi lại phải ra chợ. Đã mua bán xong đâu. Tôi chủ định về cho con bé một trận.

Dứt lời bác Cả vừa cười, vừa cấp rồ đứng dậy. Thanh tưởng nên hỏi một câu cho có chuyện, nhân tiện để làm thân với bà chủ nhà:

- à, bác đã được tin bác giai bao giờ về chưa?

- Về gì đây! Có về thì cũng gần Tết. Nghe đâu nhà tôi nó đã lấy vợ lẽ ở mỏ rồi thì phải.

Nói câu ấy, bác Cả không có giọng ghen tuông tức tối, như nói đến một việc thường xảy ra, và xảy ra một cách rất tự nhiên. Thanh toan hỏi một câu nữa, thì bác Cả đã ra khỏi cửa rồi. Chàng lại cúi xuống chăm bài.

Bỗng nghe lách cách động chén, chàng quay ra nhìn thấy Ve, liền mỉm cười nói:

- Na của cô đấy, mời cô cứ tự do xoi đi, bà Cả ra chợ rồi, cô không còn sợ hãi gì nữa.

- Không... tôi... mua...

Ve muốn nói: "Tôi mua biếu thầy", nhưng hổ thẹn, ngập ngừng, không dám nói dứt câu. Thanh tưởng nàng xấu hổ định chữa thẹn mà không tìm được câu ổn thỏa. Chàng đỡ lời:

- Cái đó là sự thường. Ai chả có lúc ăn quà? Vả lại ăn hoa quả tốt lắm, tôi nói ăn hoa quả chín, vì ăn hoa quả xanh rất độc rất dễ sinh bệnh, cô chớ có ăn hoa quả xanh vào.

Ve uất ức về nỗi oan của mình, mà không thể bạch được.

Ban nãy, ra chợ, thấy có mớ na đầu mùa vừa chín tới, nàng nghĩ thầm: "Ông giáo Thanh rất thích na, ta mua cho ông hai quả". Nàng vẫn có cái vốn riêng hơn hai đồng bạc, góp nhặt lâu ngày bằng tiền mừng tuổi Tết, và các khoản ăn bớt tiền chợ cùng là tiền thưởng, tiền thuê vật vãnh. Nàng bỏ ra bốn xu chọn mua hai quả na to nhất mẹ. Nhưng vừa trả tiền xong thì nàng nhận ngay ra điều này: "Làm thế nào đưa na cho thầy giáo được? Chẳng nhẽ mình biếu thầy ấy! Hay nói mua hộ thầy ấy? Nhưng thầy ấy có nhờ mình mua đâu? Mà nhớ gặp lúc thầy ấy túng quá không có bốn xu giả lại mình thì thầy ấy ngượng chết."

Đương phân vân nghĩ ngợi thì thoáng thấy bóng mẹ ở đằng xa, nàng vội gửi tạm nhà hàng hai quả na, hẹn chốc nữa ra lấy.

Về nhà làm lụng và trong khi ngồi chờ ấm nước sôi, nàng chợt tìm ra được một cách rất tự nhiên, rất giản dị, là nói với ông giáo Thanh rằng có người gửi biếu. Ông ấy có hỏi ai biếu thì mình nói không biết, thế là xong.

Nàng mừng thầm, thấp thỏm đợi mẹ về chợ để ra lấy na. Chẳng ngờ đã xảy ra lời thôi.

- Kia cô xoi na đi chứ, chẳng ruồi nó bầu, nó đẻ trứng vào thì rồi nó sẽ nở ở trong ruột ấy.

- Gớm! Thầy chỉ...

Thanh mỉm cười:

- Hay cô muốn biếu ân nhân một nửa đấy?

Ve sung sướng choáng váng cả người, nói rất mau:

- Vâng mời thầy xơi, na ngon lắm, mời thầy xơi.

Ve bưng khay na đặt bên cạnh Thanh, nhắc lại một lần nữa:

- Mời thầy xơi.

- Ai lại thế! Cô ăn đi.

- Không, con cốt mua mời thầy xơi.

Thanh cho đó là một câu nói khéo, hoặc một câu nói để che đậy cái nét xấu hay ăn quà vặt.

- Vâng thì ăn. Nhưng hết bao nhiêu tiền rồi tôi giả cô đấy.

Và chàng nghĩ thầm: "Thế nào cô ả cũng ăn lãi được một, hai xu." Nhưng Ve chạy vụt xuống bếp, nói giọng nũng nịu:

- Không, con chả dám lấy tiền của thầy đâu.

III

Sáng hôm ấy, trước giờ đi dạy học, Thanh nhăn nhó bưng bát cháo nóng lên gần miệng húp một thìa rồi lại đặt bát xuống thờ dài và rên se se. Bác Cả cấp rồ ra chợ đứng lại hỏi thăm một câu lấy lệ:

- Thế nào ông giáo, hôm nay ông đỡ sốt rồi chứ?

- Cám ơn bà, tôi đã khá.

Thanh trả lời thế cho xong chuyện, vì biết bác Cả cũng chẳng lưu tâm cũng chẳng săn sóc gì đến mình. Thực ra, bệnh sốt của chàng từ chiều hôm trước đã tăng quá mau.

Chàng bỗng bỏ giờ bát cháo, đứng dậy lấy mũ trắng đội. Nhưng đầu gối run lẩy bẩy chỉ chực khuyu.

Chàng tức tối vứt mũ xuống giường, ngồi suy nghĩ, và rút chiếc đồng hồ vỏ sắt ở túi áo ra xem giờ. Rồi lắc đầu phàn nàn:

- Giời ơi! Khổ thân tôi chưa!

Giữa lúc ấy, Ve xách ấm nước chè nộ từ dưới bếp đi lên để bỏ vào giờ. Lần đầu tiên, nàng nghe thấy ông giáo kêu khổ, người mà nàng tưởng không phút nào không vui vẻ, sung sướng,

lúc làm việc cũng như lúc nhàn rỗi, vì nàng thường liếc mắt ngắm trộm ông giáo và thấy nụ cười luôn luôn nở trên cặp môi tươi, dù khi ông ta cặm cụi ngồi chấm bài học trò, hay gặp ngày nghỉ, ông ta chấp hai tay sau lưng, lưỡng thững đi bách bộ bên rặng ổi bờ ao.

Thương hại, nàng hỏi:

- Thưa, ông mệt lắm?

Thanh quay lại ngơ ngác nhìn. Ve thoáng trông thấy đôi mắt đỏ ngầu, và bộ mặt xanh tái.

- Gì ơi! Thầy sao thế kia?

- Không, tôi có sao đâu.

Thanh với mũ, cặp cặp, cố gượng đi. Nhưng, lần được đến cửa, chàng thấy chóng mặt, phải vội vúi lấy cánh cửa để khỏi ngã. Ve kinh hãi chạy lại. Nàng không dám đỡ, chỉ áy náy đứng nhìn.

- Thưa ông, để ông không đi dạy học được... Phải nghỉ...

- Không sao...

Thanh lại cố gượng đi. Nhưng lần này chàng ngã khụy xuống ngưỡng cửa. Không kịp suy nghĩ, giữ gìn, Ve đưa tay ra nâng Thanh đứng dậy, rồi thông thả dắt chàng lại giường.

- Đấy, thầy coi, thầy... không đi được.

Nghe lời nói cảm động và hơi thở mau, Thanh ngược mắt nhìn, mỉm cười cảm ơn.

- Cô cũng ốm đấy à?

- Thưa thầy ... không.

Ve bẽn lẽn cúi đầu. Nàng xấu hổ. Thực ra nàng cũng nhận thấy mặt tai và chân tay nàng nóng rực lên. Lần đầu nàng được nâng đỡ một người đàn ông trẻ tuổi, và người đàn ông ấy lại là ông giáo Thanh, người mà nàng vẫn kính trọng, mến yêu thầm kín. Nàng sung sướng để thân thể Thanh uể oải đè nặng lên cánh tay nàng, và hơi thở hỗn hển của Thanh nàng tưởng như lướt qua gáy và ngực nàng. Tim nàng hồi hộp đập mạnh, miệng, lưỡi nàng khô rát và tiếng nàng run run;

- Ông... ngồi xuống... Con đi... rót nước... ông xơi nhé?

Nàng bưng lại đưa cho Thanh một chén nước trà khói ngát bốc lên. Thanh mỉm cười:

- Cảm ơn cô... Không bao giờ tôi sốt nặng như lần này.

- Có lẽ ông bị cảm thử... Hôm qua nóng bức quá... Ông nghỉ thôi.

Thanh nằm vật ra giường vừa thở vừa đáp:

- Không... thể được, cô ạ... Máy chục học trò... đương đợi.

Suy nghĩ một lát, Thanh lại nói:

- Giá anh Nghĩa anh ấy dạy hộ một buổi...

- Anh Nghĩa nào thế, thầy?... Cô phải anh Nghĩa con ông lang Đạo không?

- Phải đấy.

- Thế thì được rồi, thầy để con đến bảo anh ấy dạy giúp thầy.

Ve toan chạy đi ngay. Thanh gọi giật lại, nói để đợi viết thư đã. Rồi vừa viết chàng vừa nói:

- Cô Ve này, tôi đã bảo cô đừng xưng con với tôi, sao cô không nghe.

Ve đứng im lặng đưa tay lên kéo mái tóc: mấy hôm trước, khăn sỏ, nàng soi gương vấn lại. Ngẫu nhiên nàng ngắm thấy mái tóc xõa gần mắt không những làm cho khuôn mặt nàng bớt rộng mà lại loáng thoáng che được cả cái sẹo ở mi bên phải. Từ đó nàng vẫn có ý kéo thấp mái tóc xuống.

- Nếu cô còn xưng con với tôi, thì... từ rày tôi không dám nhờ cô một việc gì nữa.

Bắt đầu ngay lúc ấy, bệnh Thanh tăng gấp. Rồi trong luôn ba hôm, chàng sốt mê man, chẳng biết gì.

Hôm nay, chàng như thức một giấc ngủ liên miên đầy chiêm bao, đầy mộng mị. Chàng đưa tay lên trán gạt mồ hôi, nghĩ thầm: "Giời ơi! Mình ngủ say quá? Nhớ mới buổi sáng viết thư cho anh Nghĩa dạy học giúp. Thế là mất hai buổi rồi. Chẳng biết học trò có kêu ca gì không?"

Cái buồng hẹp và tối như làm cho Thanh bứt rứt khó thở. Chàng toan đứng dậy chống cánh phen cửa sổ trông ra ao cho sáng, và thoáng hơn một chút. Nhưng vừa sẽ trở mình, chàng thấy gân cốt đau đớn, và đầu nặng như gắn chặt xuống gối. Chàng cố sức ngồi dậy mà không sao nhúc nhích được chân tay: "Chết chửa! bệnh mình nặng đến thế kia à?"

Chàng định thần nhìn kỹ cái hòm ở chân giường, và bát thuốc cạn đặt trên mặt hòm. Thốt nhiên một giấc mộng dần dần nổi tiếp hiện ra trong trí nhớ:

"Chàng ốm li bì, nằm thêm thiếp, chập chờn nửa tỉnh nửa mê. Trong buồng, mọi vật lờ mờ, và dưới sức nặng buổi trưa, không khí nóng như than hồng bên lò sưởi

"Bỗng một cơn gió mát thổi qua. Hương thơm ngào ngạt đầy phòng. Rồi một nàng tiên yếu điệu, nhẹ nhàng bước vào, một nàng tiên với bộ y phục trắng và trong.

"Thanh mỉm cười nghĩ thầm: "Ta chiêm bao rồi. Chứ thời nay làm gì còn tiên". Nhưng kinh dị xiết bao! Nàng tiên đặt tay mát rượi lên trán chàng. Cái cảm giác mát ấy nhắc chàng biết rằng chàng thức. Chàng sợ hãi, kêu ú ớ rồi ngất đi.

"Lúc tỉnh dậy, chàng vẫn thấy nàng tiên đứng bên giường. Nàng thì thầm nói với chàng những lời dịu dàng êm ái rồi đỡ đầu chàng, đưa bát thuốc đến tận miệng cho chàng uống. Từ lúc đó, luôn luôn nàng tiên hiện đến thăm chàng. Có khi nửa đêm nàng cũng đến đưa tay xoa trán chàng, lắng tai nghe ngóng vài phút, rồi khi thấy chàng ngủ yên lại biến đi ngay... Kỳ thực,

Thanh vẫn thức, nhưng chàng vờ lim dim cặp mắt làm như ngủ say để được ngắm nghía nàng tiên trong khi nàng bất ý..."

Ôn lại giấc chiêm bao, Thanh tưởng như nằm chiêm bao một lần nữa và muốn liên miên kéo dài mãi những cảm giác êm đềm trong giấc mộng đẹp. Một tiếng động khẽ ở cửa buồng. Có ai rón rén bước lại gần giường. Chàng nằm im chờ đợi. Một bàn tay mát đặt lên trán chàng. Chàng tưởng người thấy hương thơm và se se như nói mê: "Nàng tiên đã đến." Chàng sung sướng ngược mắt nhìn lên, và chỉ thấy Ve đầu tóc rối bù, quần áo lếch thếch. Chàng thờ dãi, thất vọng, chán nản.

Ve vui mừng hỏi:

- Thưa ông đã tỉnh?

Thanh cúi kính nghĩ thầm; "Ngủ dậy thì tất là phải tỉnh, rõ hỏi lẫn thần!?" Nhưng Ve nói tiếp:

- Mấy hôm nay, ông sốt nặng quá, nói mê sáng luôn mồm.

- Mấy hôm nay?

- Vâng, ba hôm nay.

Thanh lo lắng tự nhủ "Ba hôm! Thế mà mình tưởng một nửa buổi". Vợ vẫn chàng nghĩ đến truyện thần tiên: "Mình mộng gặp tiên có khác vì ở tiên giới có lẽ một ngày dài gấp ba ở nhân gian".

Thầy Thanh nằm im, Ve đã bỏ xuống bếp. Một lát nàng bưng bát thuốc đến bên Thanh.

- Thưa ông, thuốc tôi hãm vừa uống, xin mời ông xơi ngay chẳng nguội.

Thanh mỉm cười mỗi mệch và thì thào câu cảm ơn. Rồi chàng cố ngồi dậy, nhưng không sao cử động được chân tay. Ve phải cúi nâng đầu chàng lên chàng mới uống được thuốc. Trong lúc sốt sáng trông nom người ốm, Ve chẳng kịp nghĩ đến giữ gìn và hổ thẹn.

Đầu Thanh nóng bừng đặt vào trong cánh tay và cái ngực béo mát của Ve. Cảm giác êm đềm ấy làm cho trí Thanh liên miên nhớ tới giấc mộng ôn lại giờ chừng. Và Thanh mơ màng tưởng tượng ra một cách rõ rệt, với những màu, những nét tươi sáng dịu dàng, cái dung nhan kiều diễm, cái dáng điệu tiên nga của người đương âu yếm nâng niu chàng. Mắt chàng như được trông thấy hai bàn tay trắng nõn, mềm mại, nhẹ nhàng đỡ hai bên tay chàng để đặt đầu chàng xuống gối.

- Ve!

Lần thứ hai giấc mộng đứt. Ve lẩm bẩm:

- Làm gì mà gọi ầm lên thế không biết?

- Ve! Con chết tiệt, mà có đi dọn cơm không? Gần tối rồi, còn gì.

Ve thì thào bảo Thanh:

- Ông nằm nghỉ. Lát nữa tôi bưng cháo vào ông xơi nhé.

Rồi Ve tắt cả chạy ra ngoài. Tiếng bác Cả lọt vào tai Thanh:

- Con bé thế thì thôi. Rúc cổ xó nào hết ngày hết buổi.

Tiếng Ve đáp khẽ, Thanh không nghe rõ, nhưng bác Cả vẫn oang oang:

- Rồi hỏi thầy ta xem quê quán thầy ta ở đâu, hay thầy ta có bà con nào ở Hà Nội không để nhắn đến mà đưa thầy ta về. Nhớ thầy ta chết ra đấy, thì sao?

- Ô hay! Bu nói khẽ chứ!

Đêm khuya, Thanh thét lên một tiếng trong giấc chiêm bao dữ dội. Chàng vừa mơ thấy chàng chết. Họ hàng thân thích không ai. Bên giường, nàng tiên đứng khóc, nước mắt rỏ lên mặt chàng. Bỗng bác Cả hung tợn bước vào lớn tiếng thét:

- Khiêng vớt xác thầy ta ra đường kia.

Thanh sợ hãi níu lấy vạt áo nàng tiên và tỉnh dậy.

Bên ngoài, mưa gió, sấm chớp. Trong buồng ai vừa thoáng hiện ra lại vụt biến đi.

Và Thanh sung sướng tưởng tới nàng tiên xinh đẹp.

IV

Trong nhà ai nấy ngủ yên. Một mình Thanh vẫn còn trần trọc trên giường.

Mỗi lần chàng trở mình, cái dát nửa lại kêu rảng rắc giữa khoảng tĩnh mịch đêm trường.

Tiếng muỗi bay ngoài màn, tiếng đé rúc quanh hiên càng làm cho chàng cảm thấy rõ rệt tinh thần tỉnh táo của một người khó ngủ. Chàng lẩm bẩm: "Thôi, phải rồi, vì ban nãy ta uống một cốc chè tàu pha đường!"

ý nghĩ ấy khiến Thanh mơ màng như trông thấy Ve hiện ra, hai tay bưng cốc nước tỏa khói thơm.

Cảm động hãy còn man mác trong lòng chàng. Chàng sẽ cảm động hơn nữa nếu chàng biết vì cốc nước chè tàu ấy mà Ve đã bị mẹ cốp bươu đầu. Buổi chiều ăn cơm xong, chàng ngồi vợ vẫn nói một mình: "Ước gì được một chén chè tàu đường mà uống, thì sung sướng quá!" chẳng ngờ câu ấy đã lọt tai Ve. Nàng cho rằng người mới ốm dậy, ăn uống được những thứ mình thèm thì chóng lại sức lắm. Tức khắc, chẳng cần suy nghĩ, nàng chạy ngay ra hiệu tạp hóa mua hai xu trà liền tâm và một xu đường phèn, rồi về cặm cụi đến nỗi quên cả rửa bát, và vì thế đã bị đòn.

Từ cốc nước trà, Thanh liên miên nghĩ tới những sự chú ý săn sóc của Ve trong hơn tuần lễ chàng đau yếu. Mấy hôm đầu, chàng sốt nặng nên mê man chẳng biết gì, và vẫn tưởng mộng thấy có người con gái ngày đêm chăm nom thuốc thang cho mình.

Thanh càng yên trí rằng đó là một giấc mơ, khi qua mấy ngày mê sảng, chàng tỉnh táo nhận xét được mọi việc xảy ra quanh mình: mộng tàn, và người con gái xinh đẹp kia cũng biến mất.

Chàng có biết đâu rằng từ hôm thấy bệnh chàng đã bớt và chàng đã ngồi dậy được, Ve tị hiềm không dám bạ lúc nào cũng bước chân tới buồng chàng nữa, trừ ra ngày dăm, sáu lần bưng cơm, cháo, thuốc và nước vào. Những lúc ấy, Ve se sẽ đặt khay cơm hay chén nước xuống mặt hòm dùng làm bàn, yên lặng đứng ngắm qua Thanh vài giây, rồi lại rón rén đi ra liền. Họạ hoàn lấm nạng mới dám hỏi thăm một câu: "Thưa ông hôm nay ông đã đỡ nhiều chưa?"

Một hôm, Thanh bảo Ve:

- Cô làm ơn hỏi ông lang hộ tôi xem hết bao nhiêu tiền tất cả để tôi giả, rồi thôi cô đừng lấy thuốc cho tôi nữa.

Ve bùi ngùi nhìn Thanh:

- Ông còn yếu lắm nên uống thêm vài chén nữa cho khỏe.

- Tôi chỉ còn hơi mệt thôi, nghỉ vài hôm nữa sẽ khỏi hẳn. Với lại tốn lắm. Tiền đâu!... Để tôi uống đến bốn, năm chén rồi đấy nhỉ?

- Vâng, năm chén.

- Đấy, cô coi, năm chén, ít ra cũng hết đồng rưỡi.

Ve cố giữ một tiếng thờ dài, lặng lẽ bước ra ngoài, và buồn rầu nghĩ thầm: "Ta có hơn hai đồng bạc, giá làm thế nào giả được tiền thuốc cho thầy ấy!". Chẳng tìm được cách ổn thỏa, Ve đành đem tiền Thanh giao cho sang trả ông lang Đạo. Và nạng ngao ngán tiếc những ngày ba buổi được bưng thuốc vào buồng.

Về phần Thanh, chàng cũng cảm thấy trơ trọi hơn trước.

Chàng là người từ thuở bé không từng được gần tình âu yếm và hưởng những sự vui thú của tuổi trẻ thơ. Chàng ra đời được một năm thì mẹ chết, cha chàng vào Nam kiếm ăn, nhờ người em gái ở một tỉnh nhỏ nuôi nấng con họ. Người cô nhiều con, cố nhiên chẳng săn sóc yêu thương đến cháu.

Chín mười năm sau kiếm được một cái vốn dăm trăm cha chàng lại quay ra Bắc làm ăn, và đưa theo ra một người vợ "Sài Gòn", người mẹ kế của Thanh mà Thanh không sao yêu được dù chàng sợ hãi cha đến đâu mặc lòng.

Hồi đó, Thanh đương học lớp nhì. Hai năm sau, chàng đậu bằng tiểu học. Muốn tránh xa người mẹ kế ác nghiệt, Thanh xin ra Hà Nội kiếm việc làm và nhân tiện học thêm. Bắt đầu từ tuổi mười bốn, Thanh đã theo đủ các nghề, nghề chạy giấy, bán hàng, phát vé xe ô tô cho tới ngày nay đạt được cái hy vọng to tát nhất trong đời: mở một trường học nhỏ ở vùng ngoại ô Hà Nội.

Đằng đẳng hai mươi năm trời, không một lúc nào chàng được ai yêu mến, thương xót. Chàng ao ước rằng bọn học trò nhỏ sẽ coi chàng như một người anh cả. Nhưng sự chăm chỉ nghiêm ngặt của ông thầy trong giờ học đã cắt đứt tình yêu mến của lũ trẻ thơ.

Lần đầu, Thanh nhớ lại rõ ràng cái đời đã sống, cái đời khô héo, buồn tẻ không một kỷ niệm êm

đêm, không một người nào để ý đến một cách hơi thân thiết.

Thốt nhiên, Thanh nghĩ đến Ve, và chàng mỉm cười tự thương thân: "Ngày nay, có mỗi một người lưu ý đến đời mình. Nhưng người ấy lại là cô Ve!". Chàng cho đó là một sự mỉa mai độc địa và chàng tự nhủ thầm: "Ta chỉ đáng được người hèn hạ, xấu xí như Ve săn sóc tới mà thôi!".

Ý tưởng ấy vừa thành hình đã bị xóa nhòa ngay. Chàng như nghe có tiếng trong thâm tâm trách nhích: "Hèn hạ! Sao lại hèn hạ được? ở đời chỉ có một sự hèn hạ, sự hèn hạ của tâm hồn. Ngoài ra không có cái gì hèn hạ cả. Và lại, mình thì cao quý với ai?".

Chàng cảm thấy dần dần rằng chàng tự khinh bỉ, tự thương hại chàng. Rồi chàng cố bình tĩnh ôn lại những cử chỉ cảm động của Ve đối với chàng, đối với một người xa cửa xa nhà giữa lúc ốm đau.

Thanh nhớ một đêm tỉnh giấc mơ, chàng thấy Ve đứng ngay bên giường. Nghe tiếng kêu ú ớ, nàng đã vội chạy vào, rồi thấy chàng nằm yên, nàng lại rón rén bước ra. Một đêm có khi đến ba, bốn lượt nàng vào buồng như thế. Và Thanh tuy thức, vẫn vờ ngủ say không biết gì.

Có lần chàng quên băng đi và buột miệng hỏi:

- Cái gì thế, cô Ve?

Ve bẽn lẽn, xấu hổ vừa háp tấp bước ra vừa áp ứng đáp:

- Thưa ông... không

Từ đó, Ve sinh ra sợ hãi, giữ gìn, đến cửa buồng chỉ thò đầu vào nhìn, rồi khi nghe thấy yên lặng lại quay đi.

"Một người tốt như thế, một người mà trong những giấc mộng ta lẫn với nàng tiên xinh đẹp, thì người ấy không thể hèn hạ được".

Chàng băn khoăn nghĩ ngợi. Tiếng gà gáy nửa đêm càng làm cho chàng thêm sốt ruột, thêm khó chịu. Chàng liền ra ngoài màn và chống cái phên cửa sổ lên. Cùng một luồng gió nhẹ, một luồng ánh sáng vàng lọt vào phòng và chênh chếch in hàng chấn song tre lên chiếu.

Cảnh ấy đã quen mắt Thanh lắm nhưng chàng tưởng được ngắm lần đầu với những cảm giác mới mẻ lạ lùng. Từ dãy cây ôi lấp lánh như bạc, cái ao con, mặt nước thỉnh thoảng khẽ rung động giãn ra như nhách một nụ cười, cho chí cái mái tranh, cái giậu chuồng gà nửa sáng, nửa tối, vũng nước bùn loang loáng tựa tấm gương tròn, mọi vật đều như nhuộm một thi vị thần tiên. Thanh sung sướng mắt chớp mau tưởng đứng trước một cảnh mộng. Rồi chẳng kịp suy nghĩ rằng mình mới ốm khỏi phải kiêng gặp lạnh, chàng khoác vội cái áo lương mớ cửa đi ra vườn sau. Bên gốc ôi lá ngọn xuống mặt nước ao, một cái chõng như ân cần mời mọc. Nhưng vừa ghé ngồi, Thanh giật mình vội đứng dậy: chỗ ấy ai vừa ngồi vì còn âm ẩm hơi người. Thanh thì thầm tự nhủ: "Chắc ai vừa ra đây, thấy ta nên bỏ chạy. Ai? Lại còn có thể ai được nữa?". Như đáp lại câu hỏi thầm kín của chàng, vệt hiện in lên nền lá tre lờ mờ, cái bóng đen, cái bóng yếu điệu thướt tha của một tấm thân mềm mại và đều đặn cân đối, Thanh chỉ kịp thốt một tiếng gọi: "Cô Ve!", cái bóng đã chạy biến vào trong nhà.

Thanh trở về phòng nằm mơ mộng cho mãi tới khi trời sáng rõ. Một ý tưởng đã chiếm cả lấy tâm hồn chàng. Chàng lẩm bẩm luôn miệng như người mê: "Nghĩ cho cùng thì Ve chả xấu...".

Mấy hôm sau, như sợ vợ vẫn điều gì, Thanh dọn đi ở trọ nơi khác. Nhưng cái bóng đen một đêm trắng sẽ không bao giờ rời chàng, và trong tim chàng sẽ in sâu mãi mãi cái kỷ niệm một sự dịu dàng âu yếm, sự dịu dàng âu yếm độc nhất trong đời chàng.

*Thu 1936 - Rút từ tập truyện ngắn Cái Ve.
Nxb Đời nay, Hà Nội, 1944.*

Khái Hưng (1896-1947) Thụy Khuê

Tiểu sử

Khái Hưng tên thật là Trần Khánh Giu, bút hiệu khác Nhị Linh, sinh năm 1896 tại làng Cổ Am, phủ Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương. Con trai Tuần phủ Trần Thế Mỹ, và là anh ruột Trần Tiêu. Thuở nhỏ học chữ nho, rồi theo Tây học (lycée Albert Sarraut, có nơi ghi Paul Bert). Sau khi đậu tú tài Pháp, ban triết, Khái Hưng dạy ở tư thục Thăng Long, ở đây ông gặp Nhất Linh. Khái Hưng kết hôn với bà Lê Thị Hoà (con tổng đốc Lê Văn Đính) bút hiệu Nhã Khanh. Gia đình Khái Hưng không có con, Nhất Linh cho con trai là Nguyễn Tường Triệu làm con nuôi từ nhỏ: Trần Khánh Triệu.

Khái Hưng viết cho *Phong hoá*, từ khi tờ báo còn do Phạm Hữu Ninh hiệu trưởng Thăng Long chủ trương. Năm 1932, Nhất Linh mua lại *Phong hoá*. 1933, thành lập *Tự Lực văn đoàn*. 1933, xuất bản *Hồn bướm mơ tiên*. 1936, Phong Hoá bị đóng cửa. Ngày Nay, đã ra từ trước, tiếp tục. 1939, Tự lực văn đoàn nghiêng sang đấu tranh chính trị. Nhất Linh lập đảng Hưng Việt, sau đổi thành Đại Việt dân chính. 1940, Khái Hưng và Hoàng Đạo sang Tàu liên lạc với các đảng cách mệnh khác, cuối năm trở về nước. 1941, Khái Hưng, Hoàng Đạo và Nguyễn Gia Trí bị Pháp bắt tại Hà Nội, bị đưa lên trại giam Vụ Bản, Châu Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Thạch Lam và Nguyễn Tường Bách tiếp tục quản trị tờ Ngày Nay. Cuối năm 1941, Ngày Nay bị đóng cửa.

1942 Nhất Linh chạy sang Quảng Châu. Tháng 7/1942, Thạch Lam mất. 1943, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Nguyễn Gia Trí được đưa về quản thúc tại Hà Nội. Nhất Linh ra lệnh sát nhập Đại Việt dân chính vào Việt Nam quốc dân đảng. Ngày 5/3/45 Ngày Nay tạc bản khổ nhỏ: *Ngày nay kỷ nguyên mới* do Khái Hưng cùng Nguyễn Tường Bách phụ trách.

19/8/1945 Việt minh lên nắm chính quyền. 2/9/45 thành lập chính phủ lâm thời. *Ngày nay kỷ nguyên mới* bị đóng cửa. Tháng 9/1945, Nguyễn Tường Bách và Khái Hưng chủ trương nhật báo *Việt Nam thời báo*, đường lối trung lập. Quốc gia và cộng sản tạm thời cộng tác. Tháng 11/45 Nhất Linh về nước. Tham gia chính phủ liên hiệp, giữ ghế bộ trưởng ngoại giao, cầm đầu phái đoàn dự hội nghị Đà Lạt. Nhưng ông từ chối chức trưởng phái đoàn đi hội nghị Fontainebleau. Tháng 6/1946, Nhất Linh sang Tàu.

Việt Nam thời báo đổi thành *Việt Nam* «cơ quan ngôn luận của Việt Nam quốc dân đảng», đối lập với chính quyền, Khái Hưng, Hoàng Đạo và Nguyễn Tường Bách viết bài đả kích chính sách của Việt Minh. Từ tháng 2/46, một mình Khái Hưng trách nhiệm cơ quan tuyên truyền của đảng. Hoàng Đạo và Nguyễn Tường Bách sang Trung Hoa. Khái Hưng tiếp tục viết trên *Chính Nghĩa*, một cơ quan ngôn luận khác của Việt Nam quốc dân đảng do Lê Ngọc Chấn chủ trương.

Ngày 19/12/1946, chiến tranh Việt Pháp bùng nổ. Khái Hưng cùng gia đình tản cư về Nam Định. Ông bị Việt Minh bắt và bị thủ tiêu năm 1947.

Tác phẩm đã in :

Truyện dài: *Hồn bướm mơ tiên* (in 1933), *Gánh hàng hoa* (viết chung với Nhất Linh, 1934), *Nửa chừng xuân* (1934), *Đời mưa gió* (viết chung với Nhất Linh, 1934), *Trống mái* (1936), *Gia*

đình (1938), *Thoát Ly* (1939), *Thừa tự* (1940), *Tiểu Sơn tráng sĩ* (1940) *Đẹp* (1941), *Bản khoản* (1943).

Truyện ngắn: *Đọc đường gió bụi* (1936), *Anh phải sống* (viết chung với Nhất Linh, 1937), *Tiếng suối reo* (1937), *Đợi chờ* (1939), *Hạnh* (1940), *Đội mũ lệch* (1941), *Số đào hoa* (1962), *Cái ve...*
Kịch: *Tục lụy* (1937), *Đồng bệnh* (1942), *Khúc tiêu ai oán* (1969).

Từ Hồ Biểu Chánh đến Khải Hưng

Khi Nguyễn Văn Trung công bố văn bản *Thầy Lazaro Phiền* năm 1987, tác phẩm của Nguyễn Trọng Quản nghiêm nhiên trở thành tiểu thuyết quốc ngữ sớm nhất viết theo lối Tây phương, xuất hiện một trăm năm trước (1887) ở Nam Kỳ. Những lập luận vẫn coi *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (viết 1922, in 1925) là tiểu thuyết quốc ngữ đầu tiên không còn đứng vững. Công trình nghiên cứu *Lục châu học* của Nguyễn Văn Trung dẫn đến việc nhìn lại chức năng khai phá của vùng Lục Tỉnh trong nền văn học quốc ngữ, và định vị lại vai trò của Nguyễn Trọng Quản như nhà văn quốc ngữ đầu tiên, và Hồ Biểu Chánh như nhà văn tiên phong xây dựng nền tiểu thuyết hiện đại Việt Nam (với tác phẩm *Ai làm được*, viết ở Cà Mau năm 1912, in năm 1922 ở Sài Gòn). Từ những mốc mới này, sự phân chia các thời kỳ tiểu thuyết Việt Nam, có lẽ nên sắp xếp như sau:

1887-1912: Từ Nguyễn Trọng Quản *Thầy Lazaro Phiền* đến Hồ Biểu Chánh *Ai làm được*: thời kỳ phôi thai của tiểu thuyết quốc ngữ.

1912-1932: Từ Hồ Biểu Chánh *Ai làm được* đến Khải Hưng *Hồn Bướm Mơ Tiên*: Thời kỳ hình thành tiểu thuyết hiện đại.

1932-1946: Từ Khải Hưng *Hồn Bướm Mơ Tiên* đến Chùa đàn của Nguyễn Tuân: thời kỳ toàn thịnh của tiểu thuyết hiện đại.

*

Dưới nhãn quan như thế, chúng tôi muốn nhìn Khải Hưng như một nhà văn tiếp nối Hồ Biểu Chánh trên đường phát triển *tiểu thuyết hiện đại bình dân*. Hồ Biểu Chánh là người đầu tiên đã đưa *hư cấu* vào tiểu thuyết, bỏ lối truyện chương hồi theo kiểu Tàu, thay lối văn biên ngẫu bằng tiếng Việt bình dân. Hồ Biểu Chánh đi trước khai phá và mở rộng tiếng Việt miền Nam. Khải Hưng đi sau, dùng tiếng Bắc để hoàn chỉnh lộ trình hiện đại hoá tiểu thuyết Việt Nam.

Nếu so sánh tiếng Việt trong tiểu thuyết Bắc từ *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (1922-1925) đến *Hồn Bướm Mơ Tiên* (in trên Phong Hoá năm 1932), là tác phẩm đầu tay của Khải Hưng, văn chương quốc ngữ đã đi một chặng đường dài.

Hồn Bướm Mơ Tiên, được độc giả và giới phê bình thời ấy đón nhận nồng nhiệt và cũng gây tranh luận. Trên Phụ Nữ Thời Đàm, số tháng giêng năm 1934, trong bài «*Hồn Bướm Mơ Tiên của Khải Hưng, một sự công kích không chính đáng của báo Nhật Tân*», Trần Thanh Mại viết: "*Hồn Bướm Mơ Tiên thì ngót vạn người đã đọc nó hồi nó còn ra từng đoạn ngắn ở trong báo Phong Hóa. Sau khi in thành sách, các báo quốc âm lại đua nhau phê bình, dù sự phê bình ấy chung quy không thoát ra ngoài cốt truyện.*" Và ông tiên đoán: "*sau này quyển Hồn Bướm Mơ Tiên sẽ là một quyển sách bất hủ: Cái văn thể, cách dàn cảnh và pho diễn tâm lý của những vai chủ động*". Điều đáng chú ý nữa là cuối bài viết của Trần Thanh Mại, còn có lời phụ của Phan Khôi: "*Đêm 8 janvier vừa rồi lạnh quá, tôi đọc nó [Hồn Bướm Mơ Tiên] từ 12 giờ cho đến 2 giờ sáng. Xong rồi, ngủ không được, tôi cứ làm như là hỏi hện về việc gì mãi. Tôi mới ngồi dậy, định thần, xét lấy tâm lý mình, thì ra nó làm cho tôi thấy tôi là người phạm tục, dơ bẩn, nhỏ nhen, rồi tự thẹn lấy mình, áy náy khó chịu, bức rức lâu lắm mới ngủ yên được.[...]*

Ước được rồi công việc, có những sách hay như thế để thường ngày thường đọc, thì tôi tưởng tâm tình con người ta cũng một ngày một trở nên tốt. Tốt đây, tôi muốn nói như là cao thượng. Như thế, ông Khải Hưng, tác giả cuốn sách ấy, chẳng là cao thượng lắm!"

Nhận xét của Phan Khôi luôn luôn độc đáo.

Tính chất *cao thượng* của *Hồn Bướm Mơ Tiên* mà Phan Khôi đề cập, trải dài trong toàn bộ tác phẩm và đó cũng là khía cạnh chính trong tâm hồn Khái Hưng: *Cao thượng*. *Cao thượng* chứ không phải *lý tưởng*, như Vũ Ngọc Phan đã từng nhận định. Những con người cao thượng, những tình cảm cao thượng, tuy hiếm, nhưng vẫn có. Còn những người lý tưởng, những điều lý tưởng chỉ mới là những nguyện ước sẽ trở thành. *Hồn bướm mơ tiên* là tác phẩm nói lên tâm hồn cao thượng của tác giả. Và Khái Hưng là một người cao thượng, có thật, xuyên qua toàn bộ tác phẩm.

*

Hồn Bướm Mơ Tiên, là bản tuyên ngôn nghệ thuật và tư tưởng của Tự Lực Văn Đoàn, trực tiếp viết bằng tác phẩm văn chương, bằng thứ *tiếng Việt trong sáng* với những *tư tưởng đi trước thời đại*. Tuyên ngôn nghệ thuật và tư tưởng này sẽ được khai triển trong *Nửa Chừng Xuân* và tiếp nối không ngừng trong *Anh phải sống* (viết chung với Nhất Linh), *Trống Mái*, *Đợi chờ*, *Đời mưa gió* (viết chung với Nhất Linh)... Xin nhắc lại *Hồn Bướm Mơ Tiên* và *Nửa Chừng Xuân* (in năm 1933 và 1934) nhưng đã được viết và đăng trên Phong Hoá, *trước khi Tự Lực Văn Đoàn thành lập*.

Bản tuyên ngôn chính thức của Tự Lực Văn Đoàn, trên Phong Hóa số 87, ngày 2/3/1933, gồm mười điểm:

1. Tự mình sáng tác chứ không phiên dịch sách nước ngoài.
2. Chỉ soạn hoặc dịch những sách có tư tưởng xã hội.
3. Theo chủ nghĩa bình dân.
4. Dùng lối văn giản dị, dễ hiểu, ít chữ nho.
5. Mới mẻ, yêu đời, có chí phấn đấu và có sự tiến bộ.
6. Ca tụng những cái hay, vẻ đẹp của nước, một cách bình dân, khiến cho người khác đem lòng yêu nước. Không có tính cách trường giả, quý phái.
7. Tôn trọng tự do cá nhân.
8. Làm cho người ta biết rằng Đạo Khổng không còn hợp thời nữa.
9. Đem phương pháp khoa học thái tây ứng dụng vào văn chương Việt Nam.
10. Chỉ cần theo một trong chín điều này cũng được, miễn là đừng làm trái ngược với những điều khác.

Tóm lại, tôn chỉ của Tự Lực Văn Đoàn có thể đúc kết trong bốn điểm mấu chốt :

Sáng tạo - Cải tiến xã hội - Tự do cá nhân và Chủ nghĩa bình dân.

Nhưng khi nói về Tự Lực Văn Đoàn, dường như người ta chỉ chú ý đến ba điểm đầu, mà thường bỏ rơi điểm thứ tư: Theo *chủ nghĩa bình dân*. Vì bỏ rơi điểm này, cho nên những người nhận định văn học ở miền Bắc thường có thói quen phân chia rạch ròi hai loại nhà văn: Một bên là Tự Lực Văn Đoàn, thuộc giai cấp trường giả, “bế tắc”; một bên là những nhà văn khác như Ngô Tất Tố, Nguyễn Hồng, Nam Cao... thuộc khuynh hướng vô sản, “tiến bộ”. Sự phân chia như thế, ngoài tính cách lý lịch, còn chứng tỏ có nhầm lẫn lớn giữa *đối tượng miêu tả* với *tư tưởng nhà văn*.

Đúng là các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn phần lớn đều sinh trưởng trong môi trường trường giả. Họ viết về môi trường trường giả, *nhưng không phải để bênh vực mà để đả phá môi trường này*. Vì họ là những người trong cuộc, nhất là Khái Hưng, nên biết rõ tác hại cộng hưởng của chức quyền, tiền bạc, và nho giáo cuối mùa. Tác dụng đả phá xã hội trường giả nơi Tự Lực Văn Đoàn không thua gì tác dụng đả phá những bất công xã hội ở Ngô Tất Tố, Nam Cao, Nguyễn Hồng... trong *Tất Đền*, *Chí Phèo*, *Bỉ Vỏ*...

Tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn vì vậy, có tính chất hiện thực mô tả và phê phán xã hội tương đương với những tác phẩm khác cùng thời, nhờ vậy mà ngày nay, khi đọc lại toàn bộ tác phẩm của những nhà văn miền Bắc (trong và ngoài Tự Lực) ta thấy được *toàn cảnh xã hội miền Bắc* cũng như khi đọc Hồ Biểu Chánh, chúng ta biết được *toàn bộ xã hội miền Nam*, nửa đầu thế kỷ XX.

Sự lựa chọn *chủ nghĩa bình dân* của Tự Lực Văn Đoàn, thời ấy, là một lựa chọn thiết thực, một cách tiếp nối truyền thống *dân tộc* và *bình dân* của Hồ Biểu Chánh. Vì bình dân, nên Tự Lực Văn Đoàn mới thám vào *nhieu* tầng lớp độc giả, không chỉ là trí thức tiểu tư sản, và đã phần nào cải tạo được xã hội. *Bình dân* ở đây không có nghĩa là trình độ thấp mà chỉ là một quy ước: Viết giản dị, dễ hiểu về bất cứ vấn đề gì. Hồ Biểu Chánh đã phát triển nền tiểu thuyết bình dân, với *tiếng Việt bình dân trong Nam*, qua tác phẩm *Ai làm được*, in năm 1922. Mười năm sau, Khái Hưng với *Hồn Bướm Mơ Tiên* mở đầu cho một thứ tiếng Việt bình dân mới, ở ngoài Bắc, vô tình hay cố ý, đã theo hướng đi của Hồ Biểu Chánh, thoát khỏi ảnh hưởng Hán văn. Khái Hưng cùng với Nhất Linh khai trương một trường phái văn học: *Tự Lực Văn Đoàn*.

Nữ quyền trong tiểu thuyết của Khái Hưng

Ở Khái Hưng, tâm thức phê phán giai cấp trường giả, quan lại, thiêu đốt từ bên trong. Sinh trưởng trong một gia đình quyền quý, con quan tuần phủ Trần Thế Mỹ, rể quan tổng đốc Lê Văn Định, Khái Hưng biết rõ hơn ai hết nội trường sống của mình, cho nên các nhân vật của ông có cả chính diện lẫn phản diện, điều mà các tiểu thuyết gia khác không nằm trong môi trường, thường có lối phê phán một chiều, đến chỗ cực đoan, phiến diện, ngay cả Nhất Linh cũng không tránh khỏi trong *Đoạn Tuyệt*.

Tĩnh táo, trung dung, uyên thâm nho học, không bị nhiệt tình lôi cuốn, Khái Hưng có cái nhìn nhân hòa, ít thiên kiến về xã hội trường giả Việt Nam đầu thế kỷ XX, người đọc tìm thấy ở ông những chân dung xác thực và gần gũi với con người. Có thể nói đến một văn phong trung tính, *écriture neutre*, nơi Khái Hưng, khác với văn phong nhiệt tính nơi Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, v.v... Khái Hưng chỉ tả. Không tố. Khái Hưng thể hiện nữ quyền trong tâm hồn người đàn bà *không như một đòi hỏi mà như một xác định*. Ông trình bày nữ quyền dưới cả hai khía cạnh tốt xấu.

Xã hội Việt Nam thời Khái Hưng được tiếp máu mẹ trong một hệ thần kinh nho giáo phong kiến tập tành Tây học. Đàn bà là vai chính trong gia đình. Quyền thế, độc đoán về tay những bà Ân (trong *Nửa chừng xuân*), bà Ba (trong *Thừa tự*), bà Phán (trong *Thoát ly*). Phiá đối chất, phản kháng lại cái uy quyền ấy, cũng là phụ nữ, như Mai trong *Nửa chừng xuân*, Chuyên và Tính trong *Thừa tự*, Hồng trong *Thoát ly*,... Ở phần tìm tự do, hạnh phúc cá nhân, có Hiền trong *Trống mái*, Tuyết trong *Đời mưa gió*, Lan trong *Đẹp*. Ở phần tráng sĩ anh hùng có Nhị Nương trong *Tiểu Sơn tráng sĩ*... Như thế, nữ quyền hiện ra một cách toàn diện trên hai mặt, tốt và xấu của nó. Trên bình diện nào, Khái Hưng cũng trình bày người phụ nữ như một tác nhân, nếu không trực tiếp hành động thì cũng gián tiếp ảnh hưởng đến môi trường.

Nam phái trong tác phẩm thường mờ nhạt, phản ánh tính chất bệnh hoạn của chế độ quan trường, nhu mì trong cái học từ chương, an phận của kẻ bị đồ hộ. Họ thường không có lập trường, xuất hiện như những *nạn nhân*, đứng trước cảnh *đã rồi*, họ là con rối cho mẹ hoặc vợ giật dây. Sự bất lực của nam phái phải chăng là sự đầu hàng của trí thức trước gót giày thực dân? Là sự hèn mọn của giai cấp quan trường trường giả trước cường quyền và bạo lực?

Ở giai đoạn chuyển thể giữa Đông và Tây, nội loạn đảng phái, quốc nạn thực dân, trong gia đình Việt Nam, quyền lực nằm trong tay phụ nữ. Một thứ nữ quyền có chính diện lẫn phản diện, bởi Khái Hưng luôn luôn đứng ở thế trung dung, không xu phụ. Ông nhìn thấy cả cái yếu lẫn cái mạnh của người đàn bà, cho nên ngay những nhân vật "xấu" như bà Ân, bà Ba... đều có những khía cạnh rất người. Sự tàn ác đem lại cho họ những hậu quả khôn nạn. Luật nhân quả chứng tỏ một Khái Hưng thấm nhuần Phật pháp, nhưng là một Phật tử có đầu óc khoa học, tránh những bi kịch ngẫu nhiên, tiền định. Cái nhìn hai mặt này Khái Hưng không chỉ dành riêng cho xã hội thượng lưu mà ở cả những thành phần khác. Cho nên những nhân vật của ông, dù ở cùng một thành phần cũng có thể có những bộ mặt hoàn toàn khác nhau: tiên phong đạo cốt như sư cụ chùa Long Giáng trong *Hồn bướm mơ tiên*, hoặc lý tài hạ tiện như sư cụ làng Giáp

trong *Thừa tự*, hoặc hồ mang, thảo khấu như Phổ Tĩnh thiền sư trong *Tiểu Sơn tráng sĩ*... mỗi con người, một quyết định, một hành động, một nhân cách. Những nhân vật của Khái Hưng dù tu, dù tục, đều có hai mặt tốt xấu và nhận hậu quả hành động của mình như một *nhân quả*.

Chế độ gia đình trị và đa thê biểu hiện nét tương phản của xã hội trong khía cạnh sâu xa nhất: Những xung đột ghê gớm trong gia đình và sự ác liệt của những xung đột nằm trong bản chất trả thù truyền kiếp giữa những người đàn bà cầm quyền. Trước đây họ đã là nạn nhân, bây giờ lên cầm quyền họ trở thành thủ phạm. Được giáo dục dưới khuôn khổ tứ đức, tam tòng một cách tử chương mà chính họ cũng không hiểu rõ, chỉ sử dụng như những khẩu hiệu. Sống trong không khí thù nghịch gia truyền, họ chỉ biết: khi về làm dâu, bị mẹ chồng hành hạ, và chờ đợi thời cơ, khi đã cướp chính quyền rồi (mẹ chồng chết, hoặc chồng chết), họ bèn trả thù trên đầu con dâu, con chồng, như một thắng lợi.

Khái Hưng phơi bày trần trụi bộ mặt nữ quyền khi rơi và tay những bà mẹ lạm dụng tình mẫu tử như bà Án trong *Nửa Chùng Xuân*, mẹ ghẻ độc ác như bà Phán trong *Thoát Ly*. Sự xác định quyền sinh sát trên đầu những nạn nhân cùng phái là một thứ nữ quyền mù chữ, độc ác và toàn trị.

Những xung đột mẹ chồng nàng dâu, dì ghẻ con chồng, buôn con bán cái, còn phát sinh từ *cái lợi*. Lợi trong việc cưới gả "môn đăng hộ đối"; cưới rẻ, mua rẻ, tỳ thiếp cho chồng về làm đầy tớ không công. Trong truyện *Thừa tự*, Người mẹ ghẻ (tức Bà Ba, Troisème) dử miếng mồi *thừa tự* ra khiến anh em nghi ngờ, thù ghét, rình mò nhau, xem ai ăn thừa tự? Rồi bà đem cái "vào hậu" ra để dụ sự cụ thể tiện, sẵn sàng bán đạo để kiếm chác tí "hậu" của các cụ lớn. Tất cả đều do đàn bà chủ mưu; những hiện tượng này được quan sát và chiếu sáng từ người "con đẻ của chế độ": Khái Hưng.

Khái Hưng viết về xã hội trường giả của ông không khác gì J.P. Sartre viết về xã hội trường giả của mình.

Tiểu thuyết của Khái Hưng vẽ nên bộ mặt khá ó và đáng thương của xã hội trường giả Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. *Nửa chùng xuân* mở cửa vào những danh gia, cho biết thủ đoạn gả bán con cái, tiêu diệt hạnh phúc để kiếm danh giá trong tiến trình môn đăng hộ đối. *Gia đình* phơi bày nỗi đắng cay của những người đàn bà như Nga, cả đời chỉ đeo đuổi một mục đích: Làm sao nên danh bà Huyện. *Thoát ly*, *Thừa tự* trình bày những xấu xí trong cảnh đa thê, dì ghẻ con chồng...

Khái Hưng trình bày tính chất tha hóa của những xã hội mà cực quyền nằm trong tay những kẻ dốt nát (ở đây là những bà Tuần, bà Án) nhân danh tôn ti trật tự, nhân danh tín đức tam tòng, nhưng chính bản thân những người "chỉ đạo" này cũng chưa một lần tìm hiểu thực chất của đạo lý ấy là gì, hành sự một cách cực kỳ tàn nhẫn mà trong lòng vẫn yên trí tin rằng đó là bổn phận của họ phải bảo vệ gia phong, giữ gìn nền nếp.

Đưa ra những mâu thuẫn cơ bản nhưng Khái Hưng không bi thảm hóa. Ngay trong *Nửa chùng xuân*, ở những đoạn gọi là bi thảm nhất như khi Mai bị bà Án đuổi ra cửa lúc đang có mang, bị Lộc phụ tình vì nghe mẹ, Mai vẫn có phản ứng lạc quan và có ý thức chống đối.

Đối lập với thứ nữ quyền mù quáng của bà Án, là *nữ quyền có ý thức* của Mai. Mai thoát khỏi guồng máy đại gia đình nhờ *ý thức tự do và tự lập*. Mai chống đối xã hội cũng bằng khả năng của mình, chứng tỏ mình có đủ nghị lực và bản lĩnh để gánh trách nhiệm của cuộc sống tự do. Và sau này, khi Mai từ chối những đề nghị chấp nối, trở về với Lộc, cũng vẫn là một lựa chọn minh mẫn, *không hề có tính chất lý tưởng mà chỉ là một quyết định thực tiễn*: Tại sao lại trở về làm lẽ trong cái gia đình quyền quý, hủ lậu ấy mà bỏ nếp sống tự do của mình?

Trong xã hội mẫu quyền ấy, loại ký sinh trùng là những bà mối. Các cụ mối của Khái Hưng, thường tên là bà Hai, có tính đồng cốt, tú bà. Họ là loại trung gian, một thứ vi khuẩn ăn bám vào hủ tục buôn con bán cái của xã hội. Với những mánh khéo gian hùng, xui nguyên dục bị, họ thao túng thị trường cưới gả trong những gia đình quan lại.

Những người cầm quyền là các bà Án, bà Phán, thường góa hoặc nếu còn chồng thì cũng là loại đàn ông nhu nhược, đã bị truất quyền. Họ là sản phẩm một chế độ gia truyền: bị mẹ chồng hành hạ bèn trả đũa lên đầu con dâu. Dốt nát, tham lam, hủ lậu nhưng có quyền. Sống trong vòng đạo đức, luân lý giả tạo, họ đi từ vị trí nạn nhân để trở thành thủ phạm, bằng cái vỏ nho giáo mà họ quán vào người mà chẳng biết thực chất nó là cái gì.

Cái vòng luẩn quẩn ấy chỉ có thể mở được nếu người phụ nữ có ý thức về cá nhân và xã hội: Hồng trong *Thoát ly* không "thoát ly" được hoàn cảnh mẹ ghê con chồng vì không hiểu và không có khả năng tự lập, Hồng muốn dựa vào một kẻ khác (lấy chồng) để thoát ly gia đình và khi các dự tính lấy chồng của Hồng đều bị bà dì ghê phá đám, thì Hồng chịu. Phương cách thoát ly của Hồng chỉ là tạm bợ và ỷ lại, thoát cửa này để vào một cửa khác, bỏ sự lệ thuộc này để mua lệ thuộc khác. Hồng chưa thật sự tìm đến cội rễ nỗi đau của mình: nỗi đau lệ thuộc.

Khái Hưng đã chỉ ra cái tác hại của nữ quyền trong tay những kẻ dốt nát, trong hệ thống gia đình thủ cựu và đồng thời ông còn đề nghị một quan niệm mới về hôn nhân.

Hạnh phúc không nhất thiết phải đi tới hôn nhân. Từ *Hồn bướm mơ tiên* đến *Nửa chừng xuân*, Khái Hưng đã mở ra những lựa chọn tự do, khác với hôn nhân, mà người ta gọi là union libre, tự do sống chung, trong *Đời mưa gió*. Tình yêu và chênh lệch tuổi tác, trong *Đẹp*. Rồi trong *Hạnh*, trong *Dọc đường gió bụi*, Khái Hưng đều thấy cái ngán ngùi, phối pha của hạnh phúc.

Từ những đổ vỡ của gia đình trong chế độ cũ, tiểu thuyết của Khái Hưng mở ra những cái nhìn mới về mối tương quan giữa tình yêu và hạnh phúc, tình yêu và hôn nhân, thiên nhiên và thành thị, tình yêu và xác thịt. Ở đây Khái Hưng đã đưa mối hoài nghi mà ông tiếp nhận của Anatole France vào tác phẩm, tính chất phản diện trong các chân dung nhân vật, trong các vấn đề cốt lõi của con người, đã sớm đưa ra những xung đột không chỉ giữa cái cũ và cái mới trong buổi giao thời, mà còn tìm đến những xung đột muôn thuở giữa tu và tục, giữa hạnh phúc và hôn nhân, giữa nghệ thuật và sáng tác, giữa thiên nhiên và thành thị.

Về mặt văn phong, Khái Hưng đã đạt tới một tiếng Việt trong sáng, giản dị, gọn gàng, một humour kín đáo và ý nhị và tính lạc quan yêu đời tỏa ra trong ngôn ngữ.

Khái Hưng sử dụng đối thoại một cách tài tình, và cũng chính ở ngôn ngữ của ông, ở tiếng Việt của ông, do ông tự tạo mà văn học hiện đại bắt đầu trưởng thành từ *Hồn bướm mơ tiên*.

Hồn Bướm Mơ Tiên

Hồn bướm mơ tiên trích từ hai câu thơ cổ trong *Bích Câu Kỳ Ngộ*:

Gió thông đưa kệ tan niêm tục

Hồn bướm mơ tiên lẩn sự đời

Tương truyền là của vua Lê Thánh Tông làm để xướng họa với một *nàng tiên ni cô* ở chùa Ngọc Hồ. Sự lựa chọn của Khái Hưng hàm ý thần tiên, thơ mộng, nảy ra từ một kỳ tích Việt.

Âm vang *hồn bướm mơ tiên* gợi không khí Tú Uyên, nhắc đến phường Bích Câu, đến những kỳ ngộ trong lịch sử và văn hóa Việt.

Cách mở màn trực tiếp và bát ngát của *Hồn Bướm Mơ Tiên* dẫn thẳng vào không gian Bắc Ninh, vào chùa Long Giáng, vào ca dao, vào đời sống dân quê miền Bắc; mà sau này lối khai khúc ấy xuất hiện trong trường ca *Con Đường Cái Quan*. Phạm Duy chịu ảnh hưởng Khái Hưng chăng? Chưa chắc. Có thể chỉ là ngẫu nhiên bởi những nghệ sĩ đắm mình trong linh hồn dân tộc thường gặp nhau trong ca dao, huyền sử:

Hỡi anh đi đường cái quan

Dừng chân đứng lại em than đôi lời

Thập niên ba mươi, ở Bắc người ta vẫn *chưa bỏ hẳn* lối hành văn theo kiểu Tố Tâm, "*Rồi đây, cánh hồng bay bổng tin nhắn vắng tanh*" của Hoàng Ngọc Phách.

Nhất Linh trong tác phẩm đầu *Nho Phong* 1926, vẫn còn viết: "*Lê Nương năm ấy tuổi mới trắng tròn*" và Đông Hồ, Tương Phố sùi sùi kể khóc vợ, người khóc chồng:

Chiều thu âm đạm một màu

Gió thu hiu hắt thêm sâu lòng anh

Khái Hưng là người thứ nhất đem *nụ cười* giải tỏa bầu khí sướt mướt và trịnh trọng ấy. *Nụ cười là cột trụ độc đáo đầu tiên*. Hóm hỉnh, ông tung ra một không gian lằng lơ *quan họ*: gái tán trai. Chưa hết, ông còn thả vào đó một cái nhìn rất trẻ rất vị thành niên, rất "Di Caprio" trong Titanic, của thế kỷ XIX: Ngọc, cậu công tử con nhà, lên thăm bác là sư cụ chùa Long Giáng, mới chỉ thoáng "*liếc mắt nhìn trộm*" chú tiểu, thấy "*hắn đẹp trai thế*" chàng bèn ngờ "*hắn là gái*" và tán sất ngay:

- *Chú tu ở vùng này thú nhĩ?*

- *Thưa ông, đã xa nơi trần tục mà mền cảnh thiên am thì không còn lấy chi làm vui thú nữa. Nghe câu nói có vẻ ra con nhà có học. Ngọc mỉm cười hỏi chú tiểu:*

- *Chú biết chữ nho?*

- *Vâng, nhờ ơn cụ dạy bảo, tôi cũng vẽ vẽ đọc được kinh kệ.*

- *Thế thì tu sướng lắm, chú ạ. Có cảnh đẹp... lại có sách kinh Phật để mà quên cuộc đời náo nhiệt, phiền phức. Hay tôi xin phép cụ ở lại chùa tu với chú nhé.*

(*Hồn Bướm Mơ Tiên*, trang 13, 14)

Là người thấm nhuần nho học nhất trong Tự Lực văn đoàn. Khái Hưng có đủ tài năng và vốn liếng nho học để làm việc bắc cầu giữa hai nền văn hoá Đông Tây. Khái Hưng luôn luôn giữ thái độ trung dung, ôn hoà, trong khi Hoàng Đạo dứt khoát, quyết liệt. Mai trong *Nửa chừng xuân* khác với Loan trong *Đoạn tuyệt*. Cùng thuyền, nhưng khác nhau ở tính cách ứng xử với thời cuộc và xã hội, vì thế mà Tự Lực có một địa bàn tư tưởng rộng, đi sâu và đi xa vào lòng người và chiếm lĩnh được tâm hồn của nhiều thế hệ.

Trong *Hồn bướm mơ tiên*, để phá không khí trang nghiêm trong xã hội tam giáo, Khái Hưng không ngại đem những chữ: *thú quá, thú nhĩ, sướng lắm...* vào trình cửa Phật. Rồi ông nhúng văn phong trong sáng của mình trong chất thiền, nhuộm vào lịch sử văn hóa dân tộc xuyên các đời Nhân Tông, Thái Tổ, qua Văn Khôi công chúa đến Cao Huyền hòa thượng ngày xưa, để tạo nên chất đạo cốt của sư cụ Long Giáng thời nay. Khái Hưng bắt Ngọc phải chắm cái Tây của mình vào mực Nho, dàn dựng sự đuổi bắt ú tim giữa Lan và Ngọc như cuộc gặp gỡ giao hưởng đông tây, tinh tú và hóm hỉnh trong không khí cao mặc và u tịch của Mậu Ni.

Khái Hưng còn đưa ra một technique rất mới, rất "Columbo": mật bí cho biết trước *chú tiểu là gái* nhưng lại giữ nhem bí mật đến màn cuối cùng. Người đọc bị lôi cuốn theo cái bí mật mật bí ấy, lẻo đẻo theo dõi hành tung Lan và Ngọc như coi phim trinh thám. Đến những đoạn ngoạn mục như Lan sợ rấn, ngã ngựa ra ôm chặt lấy Ngọc, hay đoạn *Vân thị màu* tán tỉnh chú tiểu Lan trong màn "chạy đàn" bắt hủ, thì đến Như Lai cũng phải phì cười: bởi trong Lan đã có hồn Văn Khôi, có vong Thị Kính; trong Ngọc đã có hóm hỉnh Khái Hưng; trong sư cụ Long Giáng đã có cốt cách của Thái Tổ ngồi thiền.

Khái Hưng đưa ra một "mặt trận" văn hóa mới: hòa hợp những rường mối cũ đã ăn sâu vào tâm hồn người Việt với tư tưởng trẻ trung và Tây học của chính mình.

Tính chất đấu tranh xã hội, bênh vực nữ quyền nơi Khái Hưng, vì thế, khác với phong cách của Nhất Linh và Hoàng Đạo và các tác giả cùng thời, bởi nó mang chất *trung dung* của Khổng Tử và *từ bi* của Mậu Ni. Như Hồ Biểu Chánh, Khái Hưng giữ lại những cái hay của Khổng Phật hoà trong tinh thần tự do chính trực của Tây Phương, tạo ra con đường sống của chính mình.

Những nhân vật của Khái Hưng được tạo dựng trong một *tâm hồn cao thượng* dung hoà hai tư tưởng và hai lối sống Đông Tây như thế.

*

Ngọc là nhân vật nam đầu tiên của Khái Hưng, sau này trở nên mẫu người thanh niên trường giả mất định hướng dưới thời Pháp thuộc, như Lộc trong *Nửa Chừng Xuân*, Chương trong *Đời Mưa Gió*, Hạnh trong *Hạnh*, Trình và Khoa trong *Thừa Tự*, Nam trong *Đẹp*, Cảnh trong *Bản Khoảnh*... hiền hoà, thụ động, tây học nhưng sợ nhập cuộc, từ chối những lựa chọn cuối cùng. Ở Lan xuất hiện người phụ nữ mới, tuy chịu ảnh hưởng tam giáo, nhưng độc lập, trách nhiệm và biết mình muốn gì. Lan xác định lựa chọn đi tu của mình là dứt khoát, không thay đổi. Lan chứng minh cho sự tự quyết của người đàn bà. Lan mở đường cho Mai trong *Nửa Chừng Xuân*, Tuyết trong *Đời Mưa Gió*, Nhị Nương và Quỳnh Như trong *Tiểu Sơn Tráng Sĩ*... Những nhân vật nữ của Khái Hưng mạnh bạo hơn phái nam, họ nhận thức được vấn đề *trách nhiệm*, và họ thể hiện *tinh thần cao thượng* của tác giả.

Với *Hồn Bướm Mơ Tiên*, Khái Hưng đã mở khai một xã hội mới, xã hội mà người đàn bà có chỗ đứng xứng đáng, xã hội mà quyền suy nghĩ và quyết định phụ thuộc mỗi cá nhân trách nhiệm. Những người phụ nữ của Khái Hưng là những cá nhân độc lập và trách nhiệm hơn nam giới. Vũ Ngọc Phan cho biết độc giả của Khái Hưng thời ấy, phần lớn là đàn bà. Điều đó dễ hiểu vì Khái Hưng là nhà văn bên vực nữ quyền đầu tiên một cách sâu sắc và tế nhị. Khái Hưng đem tư tưởng nữ quyền vào tiểu thuyết Việt Nam, không như một kêu gọi, không như một chống đối bên ngoài, mà thể hiện trong nội tâm của người phụ nữ.

*

Ngọc luôn luôn ở tư thế hoài nghi. "*Hắn là trai hay là gái?*", "*Có tài thánh thì cũng không dẫu nổi ta.*"

Tính chất trinh thám trong *Hồn Bướm Mơ Tiên* là hình thức bình dân nhất để quyền rũ người đọc, nhưng nó cũng lại dẫn người đọc khám phá ra những ngõ ngách khác của tâm hồn. Không gian giữa Lan và Ngọc là một không gian *trinh thám tâm lý*. Sự khám phá tình yêu ở đây xuyên qua các giai đoạn ngôn ngữ và cử chỉ: Lan chỉ cần yếu một ly là Ngọc *sấn tới*. Sự chiếm hữu đối tượng nơi Ngọc xảy ra tiệm tiến trong một cảnh quan oái oăm, ngộ nghĩnh, dập dình, tức cười, dưới cửa tử bi. Trần Thanh Mại đã không nhầm khi ông đoán trước sẽ là một kiệt tác. Bởi hơn bảy mươi năm sau, chúng ta đọc đi đọc lại, những xúc động vẫn còn y nguyên như lúc Phan Khôi đọc, khi tác phẩm mới ra đời.

Bởi vì *Hồn Bướm Mơ Tiên* không thừa một chữ, một chi tiết nhỏ. Bởi tiếng Việt của Khái Hưng trong tác phẩm đã đạt tới đỉnh cao giản dị mà Trang Tử nhắc đến và đòi hỏi ở một tác phẩm văn học. Khái Hưng dùng hình ảnh trực tiếp mà không qua một hình thức ẩn dụ nào. Và đó cũng là cái cách biệt sâu xa giữa Khái Hưng và các nhà văn Việt Nam khác. Ở điểm ấy Khái Hưng cũng lại gần Hồ Biểu Chánh: bình dân và trực tiếp.

Dưới dạng bình dân dễ đọc dễ hiểu ấy, còn có một lớp lang thứ nhì: qua ngôn ngữ và cử chỉ của Lan và Ngọc, toát ra những câu hỏi khó khăn và sâu xa về sự tranh chấp giữa *tu* và *tục*, giữa *đạo* và *đời*, giữa *tình yêu* và *tôn giáo*.

Tại sao người tu hành lại không có quyền có một đời sống thể xác? Tại sao các tín đồ phải "bán mình" cho đạo lý? Mối tương quan đối đẳng giữa hôn nhân và hạnh phúc? Hạnh phúc có thật hay không? Hay hạnh phúc chỉ là điều không tưởng?

*

Sự lựa chọn của Lan ngã về đạo. Chỉ có Lan là lựa chọn. Ngọc theo Lan.

Những câu nói cái lương của Ngọc "*Tôi không lấy ai, chỉ sống trong cái thế giới mộng ảo của ái tình lý tưởng*", hoặc "*ta yêu nhau, ta yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng*" ... không biểu hiện *tính chất lý tưởng* của tác phẩm, mà chỉ phản ánh sự bối rối, yếu đuối, vụng về, không làm chủ tình thế của Ngọc. Cũng như Lộc, như Phạm Thái, như Chương, như Cảnh... Ngọc mang tính "tử chương", nhiều lời, lãng mạn và đầy "nữ tính". Nói nhiều chỉ thiệt. Phật không nói. Lan không nói. Cho nên Lan không cãi lương. Sự lựa chọn của Lan trầm lặng và cô đơn. Lan ở tại chỗ. Bất khứ bất lai. Lan cũng như Phật. Không đi. Không đến. Lan biết đi mãi rồi cũng về chỗ cũ.

Vì Lan đã thấy, đã *ngộ* rằng hôn nhân giết chết tình yêu. Hay Lan cảm thấy tình yêu cũng giống như một tác phẩm nghệ thuật, chỉ có giá trị trên đường tìm. Một khi đã đạt, tình yêu cũng giống như tác phẩm hoàn tất. Tình yêu tiêu thụ rồi (*l'amour consommé*) không còn giá trị của trái cấm thuở ban đầu. Tình yêu cũng như nghệ thuật: Tới đích là chìm. Và Lan, và Mai đã chọn sự xa cách, không vì lý tưởng mà vì thực tiễn.

Luận kỹ thì thế, nhưng cũng không chắc lắm: Lan im lặng, nhưng Lan có nghĩ trước chẳng? Lan có thực tiễn chẳng? Hay sự dừng lại của Lan chỉ là sự dừng lại rất tự nhiên của một tình yêu platonique mà bao nhiêu ni cô, tu sĩ, và bao nhiêu tâm hồn khác, không tu, không trăm năm, vẫn quyết trọn đời ràng buộc? Tình yêu platonique có từ thuở nào? Hay Lan dừng lại vì sự cao thượng của tâm hồn? Lan dừng lại vì biết rằng tình yêu bất khử bất lai. Như Phật. Không đi. Không đến. Tình yêu tồn tại.

Trống Mái

Eric Tabarly, người thủy thủ xuyên đại dương số một của Pháp trong thế kỷ XX khi bị biển cuốn đi, để lại chúc ngôn: *"Biển không dữ dội, biển cũng không chỉ là những bãi cát để nghỉ hè, phơi nắng mà biển còn là nguồn sống cho con người"*. Khái Hưng viết trong *Trống Mái*: *"Biển là của con nhà nghệ, của những người đánh cá, bắt ngao, nuôi sống chứ không phải của bọn khuê các, công tử thừa tiền, thừa thì giờ ra đó chơi bời thỏa thích."* Một người suốt đời sống chết với sóng nước và một nhà văn chỉ là khách vãng lai của biển, đều nhìn biển tương tự như nhau. Phải chăng Tabarly đã sống đời Khái Hưng trong tiền kiếp, hay mỗi nhà văn thường có mấy kiếp trong một con người? Rilke viết: *"Muốn làm một câu thơ phải xem nhiều thành phố, gặp bao nhiêu người, phải biết rõ đời sống sinh vật, phải cảm thấy chim bay, hoa nở như thế nào"*. Rilke muốn nói đến *kinh nghiệm sáng tạo*. Và nếu muốn có một *kinh nghiệm sáng tạo* như thế, thì nhà thơ phải già hơn người thường đến vài mươi kiếp.

Vọi, nhân vật chính trong *Trống Mái* của Khái Hưng là *một hồn thơ giàu kinh nghiệm biển*. *Trống Mái* tích lũy những nghiệm sinh, nghiệm sống, những nhìn, ngắm, cảm... của nhiều đời Khái Hưng trong một. *Trống Mái* là phần *chứa biển* của Khái Hưng, mở từ Sầm Sơn, bối cảnh một tình yêu trái mùa giữa Hercule Vọi có tâm hồn Ulysse, với cô Hiền Sirenê tân thời, vô tâm, vô tình mà tàn nhẫn. Một cô Hiền có mãnh lực quyến rũ của người cá nhưng lại không mang cánh cá.

Hiền, ngư tiên Sầm Sơn 1936, tự do, muốn thử một quan niệm sống mới, muốn đạt tới *thế quyền phụ nữ* trong một xã hội phụ quyền từ A đến Z. Ngay từ 1936, Hiền đã dám nghĩ đến cuộc sống độc thân, Hiền bảo mẹ: *"Con chả muốn lấy chồng, con chỉ theo chủ nghĩa độc thân."* Đi trước Simone de Beauvoir mười ba năm, Hiền cho rằng sự bình đẳng nam nữ phải dựa trên tương quan đồng đẳng: Cái gì người ta làm được thì mình cũng làm được. Hiền muốn gạch chữ *yếu* trong *phái yếu*. Hiền đẹp, con nhà giàu, có một thân hình cường tráng. Hiền bơi giỏi, đánh đàn hay, Hiền trí thức. Nàng có đủ hành trang cần thiết để đánh bại lũ cậu ấm rơm, theo nàng như ruồi nhặng. Hiền nghĩ: *"Muốn bình đẳng phải đồng đẳng. Mà trước hết cần phải đồng đẳng về thân thể tráng kiện."*

Gặp Vọi thuyền chài, đẹp như tượng cổ Hy Lạp. Hiền nghĩ đến một thứ tình yêu không vụ lợi mà «vụ đẹp», «vụ át-lét», «vụ thân thể cường tráng». Tình yêu không phân giai cấp giàu nghèo, không phân biệt trí thức và vô học. Hiền muốn một cuộc đời mở cửa ra thiên nhiên, núi, nước, để phản kháng lại quan niệm trường giả đô thị của xã hội quan liêu «vụ bằng cấp» mà nàng đang sống. Ở Hiền, đã mạnh nha đầu óc phi đẳng cấp, đã khát vọng một đời sống tự do, độc lập và bình đẳng, và một thế giới... cộng đồng.

Nhưng khi chinh phục được Vọi rồi, Hiền bỏ lửng. Nàng sợ. Không dám đi tới. Sự cách biệt giai cấp và trí thức không dễ dàng phải sạch trong tâm hồn cô gái trường giả. Hiền chỉ là một thiên

thần, ra biển muốn bay, nhưng lỡ quên cánh ở nhà. *Trống Mái* như một *Deuxième Sexe* đang viết dở, như một bài thơ đứt đoạn.

Trống Mái hướng về phía biển, trời, như một khát vọng thăng thiên về vùng khí quyển tự do. Như một tấm gương trong suốt để soi mình. *Trống Mái* có cái tự tôn trong sáng về khoảng không gian thiêng liêng, thân ái, không gian không có chiều, vì có quá nhiều chiều của vùng khí quyển tự do. Biển mở cửa cho Hiền về phía Tự Do. Phía ấy, xuất hiện Vọi, sừng sững đẹp như một thiên thần Hy Lạp. Vọi là sứ giả của biển. Vọi giới thiệu thế giới đá nước, thế giới thuyền chài, đánh khơi, đánh lỗng, đánh rút... thế giới cá: Cá ó, cá sù, cá vược, cá râu, cá bạc, cá thu, cá nhám, cá quít, cá mập, cá nhà táng... Vọi dẫn Hiền vào những ngõ ngách của núi Đương Trèo, những khe Thờ, hòn Buồn, núi Gầu Cao, núi Con Voi, núi Đầu Câu, núi Mê, hòn Đá Lớn...

Vọi dẫn Hiền vào đời sống thiên nhiên, bí mật của biển, núi, mây, nước với những sinh vật và thực vật vô cùng giàu có. Những thế giới, những cuộc sống song song với thế giới con người, nhưng *con người thành thị* không hề biết, không ngờ tới. *Con người thành thị* như Hiền ra biển để tắm, họ lợi dụng mặt trời để phơi nắng, khoe da; có mấy khi họ để tâm đến một cảnh biển sớm: "*Mặt trời vừa mọc, ẩn sau đám mây tím giải ngang trên làn nước đủ màu, từ màu lam xẫm, lam nhạt ngoài xe cho đến các màu hồng, màu vàng ở gần bờ.*

Trên nền trời sắc da cam chói lọi những vạch đỏ thẫm xòe ra như bộ nan quạt làm bằng ngọc lự." (trang 49). Con người thành thị, mấy khi có thì giờ để ngắm một đêm biển:

"*Tiếng sóng rào rào không ngớt làm cho lời mình nói có ý nghĩa thẳm kín, những ngọn phi lao nghiêng theo chiều gió như khúc khích cười cố lắng tai nghe*" (trang 122).

Và như thế, Vọi dẫn Hiền, *con người thành thị*, vào một thế giới khác, một môi trường khác.

Nhưng đồng thời, cái đẹp thần lực của Vọi, nẩy trong Hiền những mặc cảm khác. Biển con người thành thị của Hiền thành con người thiên nhiên, vui với một trò chơi trẻ con, trò *đấu xe cở kim*:

"*Hiền bẻ hai cành lá cở cho chạy thi, rồi cũng như mọi lần, vừa cười vừa chạy theo sau. Lúc gió thổi mạnh, cở lăn thực mau, loáng thoáng ánh trắng xiên ngang, trông y như hết con cua chạy dưới bóng trăng đêm hôm trước, rồi cũng như con cua, bị nước biển tràn lên liếm lấy, lôi đi.*" (trang 95)

Hiền biết mình thắng bọn con trai tầm thường thành thị. Nhưng với Vọi, Hiền thua, Hiền bị quyến rũ. Vọi thị thực tính chất áp đảo của «sắc đẹp nam quyền». Hiền bị chinh phục bởi chính cái khía cạnh áp đảo mà Hiền vẫn từng *tranh đấu*. Càng bị áp đảo, Hiền càng muốn chiếm hữu Vọi. Sự chiếm hữu trở thành cứu cánh để lật lại thế cờ, để chứng minh sức mạnh của nữ quyền trên Vọi. Hiền chưa thật sự biết yêu, Hiền mới chỉ trên đường tìm tình yêu, nhưng chẳng may Hiền bị *nữ quyền* cám dỗ. Hiền bị cái nữ quyền trường giả đầy tham vọng và tàn ác chiếm hữu.

Vọi không biết chữ, nhưng Vọi có cả kho kinh nghiệm sống. Kiến thức của Vọi về biển, về cá, về nghề đánh cá, về nước, về mây, về gió, về thiên nhiên và môi trường, về lòng nhân ái, tự trọng, và đến cả ý thức về tình yêu, sự sống, sự chết... cách tự kết đời mình của Vọi... tất cả nằm trong một huyền thoại bí mật, thoát ngoài sách vở, mà Hiền, kẻ ngoại đạo ngờ ngác, chỉ đứng chiêm ngưỡng, mà không xâm nhập được.

Vọi mới đáng là *sirène*, là *ngư thủy*. Vọi có khả năng gọi viễn du, Vọi mở cửa cho Hiền ra biển, dẫn Hiền vào những hải trình xa lạ mà người thành thị chưa bao giờ đặt chân tới. *Vọi không làm thơ nhưng vẫn là nhà thơ*. Bởi nhà thơ là những người dụ dỗ. Nhà thơ cám dỗ chúng ta vào hành trình tư tưởng của họ, vào những giấc mơ hình ảnh và âm thanh. Vọi có khả năng cám dỗ của nhà thơ, dụ con người vào hải phận của mình. Vọi là kẻ sáng tác, bởi vì chàng có khả năng làm cho con người *nhìn khác đi* những phong cảnh hàng ngày.

Tác phẩm trình bày một hình thức "đấu tranh giai cấp" rất cao, rất lạ, trong mối tình Trương Chi My Nương phản diện quá khứ. Vội là Trương Chi có tâm hồn cao thượng và Hiền là My Nương tân thời có khả năng chiếm đoạt, đặt nữ quyền trên tình yêu.

Vội là người vô sản, cùng đinh, có cái đẹp thể xác thiên thần, một tâm hồn trinh rỗng, chưa hề bị sách vở đầu độc.

Vội biết sống, biết yêu và biết chết bằng trực cảm, không hề bị ảnh hưởng ngoại giới. Vội ở trên mọi chủ nghĩa, nhất là thứ chủ nghĩa người ta thường đập cho người vô sản, mà những người vô sản đích thực như Vội không bao giờ hiểu. Vội hiểu những cái khác, ví dụ khi cất được cá ó, cá sư hay cá vược... là Vội biết rằng *họ sắp ra nghỉ mát rồi*. Khi cất được cá râu, cá bẹ, cá sâu, cá thu là Vội biết *trời sắp mát*, biển sắp trong, cá sắp sẵn... Chỉ giản dị thế thôi. Chính cái kinh nghiệm sống giản dị ấy, kinh nghiệm nhìn mây biết thời tiết, đón gió biết bụng biển... mới là kinh nghiệm vô sản, nguyên chất vô sản, bởi không thông qua chữ nghĩa, nó tự nhiên, nó giúp cho con người tự tin, tự tồn và tự tại, từ thời Lão Tử.

Vội không cần tranh đấu, bởi Vội ở trên mọi giai cấp. Vội là nhà thơ. Vội cho nhiều hơn nhận. Vội có ma lực thúc đẩy con người chuyển biển, lên đường. Cái chết của Vội là tất yếu, là cách hóa thân của nghệ thuật. Cái chết của Vội vừa bi đát vừa siêu thoát. Vội là nhân vật nam duy nhất của Khái Hưng mang *tâm hồn cao thượng* của tác giả. Với *Trống Mái*, Khái Hưng đã trình bày hình thức đấu tranh giai cấp kỳ lạ và thanh cao nhất trong tác phẩm văn học: tạo ra một nhân vật vô sản quyền rũ, đầy nghệ thuật, và táo bạo chưa từng có trong văn học Việt Nam. Một người đến Sầm Sơn trước và sau khi đọc *Trống Mái*, sẽ phải khác đi. Sẽ nhìn Sầm Sơn khác đi. Bởi quyến vọng biển, núi, mây, nước trong tác phẩm có khả năng thúc đẩy, chuyển biến, có khả năng thay đổi con người, *mời gọi viễn du, invitation au voyage*, nói theo Bachelard. Và nói theo ngôn ngữ hàng ngày, *Trống Mái* có khả năng sáng tạo lại môi sinh, tìm về một thế giới nguyên thủy, ở đó có sự thăng hoa của con người đến bầu trời tự do sáng tạo.

Nghệ thuật và gió bụi

Có thể chia tiểu thuyết của Khái Hưng làm ba hướng: tiểu thuyết tư tưởng với *Hồn bướm mơ tiên*, *Trống mái*, *Đẹp*, *Đời mưa gió*, *Bản khoán*; tiểu thuyết hiện thực xã hội với *Nửa chừng xuân*, *Thừa tự*, *Thoát ly*, *Gia đình*; và tiểu thuyết lịch sử với *Tiểu sơn tráng sĩ*. Riêng phần tiểu thuyết tư tưởng có thể chia làm hai: *Hồn bướm mơ tiên* và *Trống mái*, hướng về tình yêu. *Đời mưa gió* hướng về gió bụi và *Đẹp* về nghệ thuật. *Bản khoán* đưa ra con người mất định hướng, đặt vấn đề phi lý của cuộc sống. *Hạnh* và *Cái Ve* là hai truyện vừa, đi sâu vào nội tâm con người, chuyên chở những hoài nghi về hạnh phúc.

Hạnh là một đoạn thiên về nỗi bất hạnh của hạnh phúc. Người con trai mang tên Hạnh, với ý nghĩa Hạnh như hạnh phúc mà cha mẹ đặt, phản ánh mặt trái của hạnh phúc. Hạnh triển miên sống trong cô đơn từ lúc nhỏ, là đứa con bị ghét bỏ trong gia đình, trở thành một "sản phẩm" không có "contact" và bị người ta quên, người ta không chú ý đến. Hạnh đương nhiên trở nên một thực thể không có nghĩa lý gì. Tình trạng không tiếp cận với ngoại thế của Hạnh, là một tình trạng bệnh lý: Vì bị đối xử tàn nhẫn từ lúc còn thơ, Hạnh khép mình trong lớp vỏ kín, cắt đứt mạch thông cảm giữa mình với người. Hạnh tự giam trong cô đơn, rồi từ nỗi cô đơn đó thoát ra một đời sống nội tâm phức tạp và đau đớn. Hạnh không sống thực, nhưng sống bằng tưởng tượng, một thứ tưởng tượng méo mó, bệnh hoạn, trong đó tất cả những va chạm với người khác đều được chàng đoán nhận, phân tích theo một chủ quan riêng, không liên hệ gì với thực tế sống, và đưa Hạnh đến những cay đắng âm thầm, những đợi chờ vô vọng. Hạnh là một trường hợp trực trặc, không giao cảm, chứng tỏ tính hoài nghi cao độ của Khái Hưng về những cái được gọi là cảm thông và hạnh phúc.

Chủ đề *Nghệ thuật và Gió bụi* không chỉ có trong truyện dài mà còn trải rộng trong truyện ngắn, cho nên có thể coi đây là một trong những tư tưởng nòng cốt của Khái Hưng, phần tâm sự sâu lắng, đi ra ngoài quỹ đạo phê phán xã hội, rời bỏ con đường tranh đấu của Tự Lực Văn Đoàn,

và đây mới chính là bản ngã của Khái Hưng, *một nghệ sĩ đam mê cái đẹp và cuộc sống giang hồ*.

Khái Hưng đã đi trước thời đại khi ông xây dựng nhân vật Tuyết, trong *Đời mưa gió* (tác phẩm viết chung với Nhất Linh, nhưng có phần Khái Hưng nhiều hơn, vì Nhất Linh ít khi đi đến sự phóng khoáng toàn diện như thế), như một biểu tượng của tự do và đề cập đến một thứ hạnh phúc ngoài hôn nhân, *union libre*. Khái Hưng đề cao sự sống chung không ràng buộc cưới hỏi, bằng những giây phút hạnh phúc ngắn ngủi của đam mê. *Đời mưa gió* là một trong những tác phẩm đi xa nhất về sự giải phóng con người.

Tuyết, người gái giang hồ trong *Đời mưa gió*, hoàn toàn tự do khi tìm đến Chương và hoàn toàn tự do ra đi, trong hủy hoại thân thể, trong cái chết. Những người đàn bà tự do, phóng đảng như Tuyết, thường quyến rũ lạ thường. Ở Tuyết có những giây phút hạnh phúc, những ám ảnh đoạn tuyệt, những day dứt phân lìa giữa tiếng gọi tự do và lối sống khuôn phép gia giáo kín cổng cao tường.

Tính chất tương phản và đồng đẳng trong các tiêu đề hạnh phúc, hôn nhân, tình yêu, nghệ thuật nói lên phong cách trung dung của Khái Hưng, nói lên bản chất *nửa chừng xuân* trong các tác phẩm của Khái Hưng: không dứt khoát, ôn hòa, tất cả đều tương đối. Ở Khái Hưng không có đoạn tuyệt.

Đợi chờ không chỉ là tên một truyện ngắn mà còn là một chủ đề tư tưởng: Tính chất hoài nghi trong *đợi chờ* mở ra mọi ngã. (Chú thích: Bản *Đợi chờ* in năm 1939 mà Vũ Ngọc Phan nói đến trong *Nhà Văn Hiện Đại* có 16 truyện, nay không thấy nữa. Bản *Đợi chờ* do Sống Mới in lại tại Hoa Kỳ, chỉ có 8 truyện).

Truyện ngắn của Khái Hưng, khởi đi từ không gian mơ mộng mà *Đợi chờ* là một bài tùy bút, mở cửa vào sông Thương, vào những đời cam Bó hạ và kết thúc bằng câu văn lãng mạn: “*cùng chàng mong ngóng người xưa, cổ cây mây nước cũng trầm ngâm mong ngóng xuân về*”. Vì xe nhà hết xăng, phải dừng lại tìm chỗ bán xăng, người con gái đẹp sang trọng và bà mẹ tình cờ ghé trại cam của Linh. Giây phút gặp gỡ gây dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn chàng. Khi về, người đẹp hứa năm sau sẽ trở lại. Linh sống trong *đợi chờ* người ấy, chờ đợi phút giây hạnh phúc có thể xảy ra lần thứ hai trong đời. Niềm tưởng vọng phút hạnh ngộ trở thành một nguyện ước, một khẩn cầu. Tuần hoàn năm này qua năm khác, cứ mỗi mùa cam chín, Linh *đợi chờ* trông ngóng. Và *đợi chờ* trở thành lẽ sống của Linh.

Sự *hoài niệm* ở tùy bút *đợi chờ* còn rất lãng mạn, nhưng qua những truyện ngắn sau, dần dần trở thành một không gian suy tưởng. *Đợi chờ* trở thành vô vọng, tính chất hoài nghi cuộc sống tăng dần để đi đến những đớn đau bi đát, trong truyện *Dưới ánh trăng*.

Dưới ánh trăng viết chung với Trần Tiêu. Cái Tẹo, cô gái quê không thoát khỏi sức quyến rũ của người anh Hà thành, Tẹo đã thất thân trong khung cảnh lãng mạn của những đêm trăng sáng dân làng rọc thuốc và thái thuốc. Tẹo *đợi chờ* nhưng người anh họ trai lơ trong bản Seranata, chậm ngày trở lại và người con gái hoang thai trầm mình.

Chủ đề *đợi chờ* của Khái Hưng luôn dẫn đến vô vọng, vì đối tượng *đợi chờ* thường không đến. Chính ở cái không đến đó mà *đợi chờ* mở tung tưởng tượng để tâm hồn viễn du vào những vùng bất định.

Hãy nghe Khái Hưng tả cảnh tiếng tiêu trên thuyền đi vào chùa Hương:

“*Tiếng bồng cát cao tận đỉnh trời xanh. Tiếng trâm rơi trên làn sóng tan trong nhịp chèo. Âm nhạc ngừng, nhưng tiếng ngân còn kéo dài trong êm lặng của ban đêm, lưu luyến với luồng ngắn trắng chuyển động chạy sau thuyền.*

Cả một đêm trong sáng chung đúc lại chỉ còn có cảm giác thần tiên ấy: cái đẹp như đã kết tinh trong tư tưởng, và không bao giờ nhạt phai trong trí nhớ. Ngoài ra mọi vật, mọi ý, mọi sự, đều mờ dần cho đến khi biến đi không còn vết tích.

Trong giấc ngủ, tiếng tiêu vẫn réo rắt... Cảnh sáng trăng vẫn huyền ảo... Một tia ánh thái dương lọt qua khe mũi thuyền. Tôi tung chăn ngồi dậy. Tiếng ồn ào chung quanh.

Bến Đục!

Từ đó vào tới chùa ngoài, cái suối nước phẳng lặng đưa chiếc tam bản mỏng mảnh của chúng tôi, cùng với hàng chục chiếc tam bản đầy chật khách lễ chùa, lượn quanh những quả núi nhỏ và xinh như những non bộ bầy trong bể cạn.

Cảnh ấy, tôi mới được trông thấy lần đầu nhưng tôi không lạ mắt: Hình như tôi đã gặp nó ở một xứ quen thuộc nào đó, hình như trải một đời tiền sinh, tôi đã sống trong rặng núi kia, bên sườn non kia. Thì ra trong tâm não tôi, trong trí tưởng tượng của tôi, những cảnh Liễu trai đã từ lâu biến thành cảnh thực” (trích *Chùa Hương*).

Truyện *Chùa Hương* bắt đầu trên một đêm thuyền trăng như thế và cứ dần dần liêu trai thêm với sự xuất hiện của nhà sư nửa tu, nửa tục, với những bến Đục, bến Trong, bể sâu, bể cạn. Khái Hưng giao lưu thật giả trong một giấc mơ bí mật, mà sư lão, sư tổ có thể vừa chân tu, vừa thảo khấu. Truyện *Biến đổ* phác họa nét dấu biển của người con gái nhà lành, quá chân vào bước giang hồ, không đi ngược lại được nữa. *Bến đò năm xưa* cũng lại một đời chờ kỷ niệm, đời chờ hóa thân thành một hình ảnh liêu trai khác, một fantasmagorie hoang loạn trong tâm hồn. Truyện ngắn *Tương tri* (trong tập *Hạnh*) trình bày quan niệm sống thoát tục của cụ Tú đánh cờ. Nhập nhằng giữa tiên và tục, ván cờ phản ánh bản chất và sinh mệnh con người. Khái Hưng chơi cờ người với chữ: Đời người phải chăng là những ván cờ tiên mà được thua chỉ là hư ảo? *Đọc đường gió bụi* chính là sự phù du của hạnh phúc và tính chất gió bụi của cuộc đời. Sự đối chất giữa tự do và hạnh phúc xuất hiện ở *Đào Mơ*. Mơ không thể nào dừng lại sống hạnh phúc với một người, nàng luôn luôn bị quyến rũ bởi tiếng gọi tự do của đời nghệ sĩ.

Đào Mơ cũng như Tuyết trong *Đời mưa gió*, là hai nhân vật đẹp nhất của Khái Hưng, hai người con gái đã lấy phóng túng làm chủ đích cho cuộc sống giang hồ giữa một xã hội đầy ràng buộc, một xã hội không có hạnh phúc.

Và khi hạnh phúc xuất hiện, nó hiện lên trong tiếng dương cầm trác tuyệt của người phụ nữ câm mà Khái Hưng đã mô tả với những xúc động tế nhị. Đối với Khái Hưng "*hạnh phúc chỉ ở trong sự yên lặng*".

Đọc đường gió bụi là những mẫu hạnh phúc thoáng qua trong đời, may mắn cho ai bắt được và biết tận hưởng những giây phút thần tiên ấy trên con đường "lầy lội gió mưa" của mình. Hạnh phúc có thể chỉ là một "*mái tranh tí tách nhỏ giọt theo tiếng mo buộc vào thân cây cau, một dòng nước mạnh mẽ chảy lạnh tanh vào một cái vại sành*". Hạnh phúc đôi khi chỉ là một nụ cười của cô hàng nước, có cái má lúm đồng tiền duyên dáng.

Điều thuốc lá là một trong những truyện ngắn hay nhất của Khái Hưng, cho thấy nét đa dạng trong ngòi bút của ông và tính chất mập mờ của con người. Thăng nhỏ mười tuổi muốn thử xem ông thầy bói mù có thật sự đoán biết tất cả những gì xảy ra chung quanh mình hay không, nó bèn thử giấu điều thuốc lá đang hút dở của ông thầy bói. Đầu đuôi chỉ có vậy. Nhưng Khái Hưng đã tạo ra một kiệt tác. Sự bí mật mà thằng bé muốn khám phá, là đôi mắt mù, chúng ta biết rõ từ đầu, y hệt như chuyện chú tiểu Lan là con gái: bí mật Colombo. Nhưng truyện vẫn lôi cuốn không thể cưỡng lại được, bởi các sự kiện kinh hoàng nối tiếp nhau, từ lớn đến nhỏ: việc ông thầy bói trúng khiến quan Tổng đốc thoát khỏi nạn "làm ma không đầu" đến khi ông nhót trúng quân cờ, càng làm tăng ma lực hấp dẫn của ông. Chân dung người thầy bói, được trình bày qua cái nhìn ghé góm của *đôi mắt mù*, với các động tác chớp nhoáng và trúng đích của một người không nhìn thấy. Cuộc đấu trí giữa đứa trẻ lên mười và người thầy bói kỳ tài đầy kinh nghiệm. Sự bí mật trong ý nghĩ và thành tích của ông Cừu Thầy. Tất cả đều từ bình thường biến sang kỳ lạ, khiến cho người đọc có cảm tưởng chính mình là kẻ bị bịt mắt dẫn vào một không gian rừng rợn của núi Văn Dú hay một hang động bí mật nào mà sáng tối đối chất và cộng tác để tạo nên một sức ép, một sự căng thẳng chưa từng có.

Khái Hưng để lại ba tập kịch, *Tục lụy* (1937), *Đồng bệnh* (1942) và *Khúc tiêu ai oán* (1946) là tác phẩm cuối cùng viết xong ngày 10/12/1946.

Đồng bệnh đã phá những cái nực cười trong xã hội trường giả, gả bán con cái theo nhu cầu quan chức và tiền bạc. *Tục lụy* và *Khúc tiêu ai oán* mở về huyền thoại và thi ca.

Ở khuynh hướng lịch sử *Nhất tiếu* và *Khúc tiêu ai oán* diễn tả nhân sinh quan và sử quan của Khái Hưng. Kịch *Nhất tiếu* phỏng theo hồi thứ hai của *Đông Chu liệt quốc*, truyện U Vương đốt lửa Ly Sơn mua vui cho Bao Tự. *Khúc tiêu ai oán* viết lại chuyện Ngũ Tử Tư thời Đông Chu, theo hồi thứ 71, 72 đến 76 trong truyện *Đông Chu liệt quốc*. Ngũ Sa, thái sư nước Sở có hai con là Ngũ Thượng và Ngũ Tử Tư tức Ngũ Viên. Sở Bình Vương hoang dâm vô độ, Ngũ Sa ngăn cản, nhà vua liền bắt giam ông và gài bẫy cho hai con trai ông về triều để giết luôn cả ba. Nhưng chỉ có Ngũ Thượng chịu về chết với cha. Ngũ Tử Tư trốn thoát sang Ngô, phò Công Tử Quang lên ngôi vua, rồi Tử Tư dẫn quân Ngô về dày xéo nước Sở để báo thù nhà. Chí lớn của Tử Tư được Tư Mã Thiên hết sức tán thưởng.

Trong *Khúc tiêu ai oán* Khái Hưng đề nghị những lời bàn khác với Tư Mã Thiên, một của Trịnh Nữ, một của Đông Cao Công, một của người con gái giặt sa, một của Sở Bình Vương, một của Ngũ Thượng và một của Ngũ Sa. *Sáu lời bình khác nhau của năm người chết và một người sống về hành động của Ngũ Tử Tư*. Một cái nhìn đa diện về một sự kiện lịch sử liên hệ đến chân dung một người anh hùng mà sau này chúng ta thấy lại trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp dưới hình thức khác hẳn.

Kịch *Khúc tiêu ai oán* ra đời cuối năm 46 trong hoàn cảnh nhiễu nhương, tranh chấp toàn diện một mất một còn giữa Việt Minh và Quốc Dân Đảng. Phải chăng Khái Hưng muốn đưa ra một thông điệp chính trị về anh hùng, về việc báo thù, báo oán, về việc mượn quân nước ngoài về thanh toán nhau trên quê hương của hai đảng Quốc Dân và Cộng Sản ? Rồi Nhất Linh sẽ làm trong *Dòng sông Thanh Thủy*. Có phải sau giai đoạn công phá kịch liệt Việt Minh trên các báo Việt Nam và Chính Nghĩa, Khái Hưng trở lại tin tưởng vào sự đoàn kết dân tộc. Có phải vì muốn loại hận thù ra khỏi tranh chấp chính trị mà Khái Hưng viết *Khúc tiêu ai oán* và cũng chính trong giai đoạn này Khái Hưng gặp định mệnh của mình.

Tiêu sơn tráng sĩ

Tại sao Khái Hưng viết *Tiêu sơn tráng sĩ*? Một câu hỏi cần thiết.

Khái Hưng viết *Tiêu sơn tráng sĩ* để kiện toàn một đời người, một đời văn, một cuộc đấu tranh giành độc lập, thất bại. Nếu không có *Tiêu sơn tráng sĩ*, chúng ta sẽ chỉ biết có Khái Hưng nhà văn. Nhờ *Tiêu sơn tráng sĩ* mà chúng ta biết được con người toàn diện của Khái Hưng và hiểu được sự thất bại của Tự Lực văn đoàn trong những hoạt động chính trị của đảng Hưng Việt, Đại Việt dân chính, Việt Nam quốc dân đảng.

Tiêu sơn tráng sĩ là cuốn tiểu thuyết lịch sử duy nhất, lạc loài trong tủ sách Khái Hưng gồm những chuyên đề xã hội, nghệ thuật, tình yêu... *Tiêu sơn tráng sĩ* như một mảnh vườn riêng mà nhà văn giấu giếm mộng phiêu lưu của mình trong tình thế nhiễu nhương của đất nước.

Tiêu sơn tráng sĩ in năm 1940, có thể viết khoảng 39-40. 1939 là mốc quan trọng: Tự Lực văn đoàn bước vào chính trị. Nguyễn Tường Tam lập đảng Hưng Việt, sau đổi thành Đại Việt Dân Chính. 1940, Khái Hưng và Hoàng Đạo sang Tàu tìm hậu thuẫn của các đảng phái cách mệnh khác.

Tình hình Việt nam thập niên 1930-1940, thời Nguyễn mất có những nét tương tự như thập niên cuối thế kỷ XVIII, thời Lê tàn, Tây Sơn mạt, Nguyễn hưng, trong sự tranh chấp bá quyền giữa các đảng phái: mỗi đảng hùng cứ một phương với những chính nghĩa khác nhau. Đảng Tiêu Sơn chủ trương phủ Lê, diệt Tây Sơn, đền ơn vua, nợ nước, một thứ chính nghĩa trong số những chính nghĩa có giá trị hàng đầu của thế kỷ XVIII. Đại Việt Dân Chính, chủ trương chống Pháp, giành độc lập dân chủ cho đất nước, một trong những chính nghĩa hàng đầu của thế kỷ XX. Đảng Tiêu Sơn phải chăng là tiền thân của Việt Nam Quốc Dân Đảng?

Thành phần nhóm Tiêu Sơn có Trần Quang Ngọc, Nhị Nương, Phạm Thái, Lê Báo... các tráng sĩ cậu ấm, con nhà, xoay trở trong một cuộc nước, vận cờ không lối thoát. Họ có những nét lãng mạn đáng yêu, họ đã tiên tri, tiên nghiệm cho vận thế của dòng họ Nguyễn Tường và Tự Lực Văn Đoàn trong những ngày sóng gió: đảng trưởng bôn ba hải ngoại, đảng viên, gồm những sinh viên, nhà văn trong Tự Lực, lui quân, lui quân dần mãi đến biên thùy rồi phải lưu

vong sang Trung Quốc. Nguyễn Tường Bách trong *Việt Nam những ngày lịch sử* đã ghi lại những đoản khúc, những nhịp vận hành của các «tráng sĩ Tiêu Sơn» Việt quốc, với những mưu đồ nghiệp lớn chưa thành đã nếm mùi thất bại.

Trong *Tiêu sơn tráng sĩ*, Khái Hưng đã viết rõ quan niệm chính trị của mình, về chủ trương chống Pháp: “*Ta chỉ nên trông cậy vào sức ta, chứ đừng tưởng mong chờ ai hết*” (Lời Trịnh Đán, con thứ Trịnh Bồng, trong buổi đại hội đảng Tiêu Sơn, trang 147); về quan niệm đảng: “*Nếu không có lòng yêu nước thương dân, chỉ nghĩ đến quyền lợi của mình mình, của một đảng mình, thì dẫu có lên làm vua chúa nữa cũng chẳng ra gì, hưởng chi nhiều khi còn phạm thêm cái tội rước voi về đẩy mỏ*” (vẫn lời Trịnh Đán, trang 146). Khái Hưng gián tiếp cảnh cáo những ai chủ trương cầu cứu nước ngoài, cả quốc gia lẫn cộng sản.

Phạm Thái biết trước “mệnh yểu” của đảng mình, nhưng vẫn quả quyết: “*Người anh hùng cứu quốc khi nào lại chịu phục tùng số mệnh? Chỉ biết một việc là hành động, hành động cho đến giờ cuối cùng.*” (Lời Phạm Thái, trang 174).

Trần Quang Ngọc phải là Nhất Linh. Khái Hưng phải là Phạm Thái. Khái Hưng chính là Phạm Thái. Nói những lời hào hùng thì dễ, nhưng khi bắt tay vào việc, mới nhận ra “việc lớn” không dễ dãi gì. Ngay “việc nhỏ” là đánh tháo cho bà hoàng phi Lê Thị Kim, vợ vua Chiêu Thống, bị quan quân Cảnh Thịnh bắt, đã khó. Nói chi đến việc lật đổ triều đình Quang Toản, mặc dù nội bộ Tây Sơn đã mục rữa. Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền, Võ Văn Dũng diệt cha con Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở. Trần Quang Diệu đem quân chống lại Võ Văn Dũng.

Thừa dịp Tây Sơn nội loạn, Phạm Thái bàn với Trương Đăng Thụ, hiệp trấn Lạng Sơn, cạy thềm nhà Lê, mượn cờ dẹp loạn, đem quân qua Kinh Bắc hợp cùng đảng Tiêu Sơn kéo về triều. Mưu cơ bại lộ. Trương Đăng Thụ bị đầu độc chết. Đảng Tiêu Sơn thanh thế mỗi ngày một yếu, sau tan rã.

Đường lối của đảng Tiêu Sơn, chủ chốt ở Trần Quang Ngọc, đảng trưởng, nhưng hành động của đảng do Nhị Nương đảm trách. Nhị Nương chính là Hoàng Đạo. Cô gái Kinh Bắc, người yêu của đảng trưởng, đã gác gánh tình sang một bên để đóng vai tráng sĩ, trả thù cha, đền ơn vua. Tất cả những khó khăn của đảng Tiêu Sơn trên bước đường cùng đều do Nhị Nương giải quyết. Khái Hưng một lần nữa, vẫn tin vào khả năng xoay chuyển thời thế của người phụ nữ, và dường như chưa bao giờ nhà văn đoạn tuyệt với niềm tin nữ quyền trong tác phẩm của ông.

Còn Phạm Thái? Chàng là nhà thơ, là một gã si tình, Phạm Thái là tráng sĩ của thi ca và tình yêu như Khái Hưng. Khái Hưng làm chính trị vì tình bạn với Nhất Linh, hầu như tất cả bạn bè thân thuộc khi viết về Khái Hưng đều biết chuyện đó. Tình bạn giữa Khái Hưng và Nhất Linh không giải thích được, như có sự hoà tan giữa hai tâm hồn: khi họ viết chung một quyển sách thì không biết đoạn nào của Khái Hưng đoạn nào của Nhất Linh. Khái Hưng không có con, Nhất Linh «cho» bạn một đứa con trai. Họ lại có «chung» với nhau một đứa con, như thể cùng tiếp chung một dòng máu. Tất cả công việc của đảng mà Nhất Linh giao phó, Khái Hưng đã làm, làm đến phút chót, như lời Phạm Thái, khi mọi người đi hết, vẫn ở lại, làm một mình.

Cuối cùng cuộc “cách mạng” còn lại gì? Còn lại mối tình Phạm Thái - Trương Quỳnh Như với những tuyệt tác thi ca của Phạm Thái. Và sự gặp gỡ giữa hai thiên tài Nhất Linh - Khái Hưng để tạo ra Tự Lực văn đoàn và thời kỳ vàng son của văn chương Việt nam trong thế kỷ XX.

Tiêu sơn tráng sĩ xác định giá trị vĩnh cửu của văn chương trước giá trị nhất thời của chính trị: giả sử Phạm Thái có thành công với Trần Quang Ngọc và Nhị Nương trong cuộc khởi nghĩa Tiêu Sơn thì tên tuổi cùng lắm chỉ được vài dòng trong lịch sử.

Và Nhất Linh cũng xác định như thế trong *Dòng sông Thanh Thủy*.

Họ lại gặp nhau một lần nữa trong tư tưởng.

Tiêu sơn tráng sĩ là cuốn tiểu thuyết lịch sử hay nhất của văn học Việt Nam từ *Nam triều công nghiệp diễn chí* của Nguyễn Khoa Chiêm (1659-1736), *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái đến ngày nay. Tiểu thuyết lịch sử luôn luôn lôi cuốn, làm cho chúng ta thích thú, bởi các biến cố dồn dập, các tác động vũ bão, các nhân vật từ trong chính sử bước ra với *những*

cử chỉ, ngôn ngữ của một thời khác, được sinh động lại dưới mắt ta. Sự thành công đầu tiên của một tiểu thuyết lịch sử là gây lại được *không khí lịch sử* của thời mà truyện xảy ra. Trong những tác phẩm kinh điển như Đông Chu Liệt Quốc, Tam Quốc Chí, của Tào, hoặc Hoàng Lê Nhất Thống Chí của ta, các tác giả xây dựng *không khí* bằng ngôn ngữ và hành động của nhân vật. Đối thoại và hành động rất cần thiết nhưng chưa đủ để tạo dựng lại một triều đại, còn phải nhờ vào tình tiết éo le, và nhất là phải biết cách ép thời gian lại, tức là dồn rất nhiều biến cố chặt ních trong một trang sách. Nói tóm lại tiểu thuyết lịch sử cổ điển dựa trên ba nguyên tắc: tình tiết ly kỳ, đối thoại đốp chát và hành động xuất thần.

Trong *Tiểu sơn tráng sĩ*, Khái Hưng cũng chỉ dùng những nguyên tắc ấy: ông dựng không khí tiểu thuyết bằng ngôn ngữ Việt cuối thế kỷ XVIII, bằng những nhân vật tiêu biểu của thời đại, nhưng trái với kỹ thuật của người xưa, ông không ép thời gian lại mà *kéo thời gian giãn ra*. Ông kéo thời gian giãn ra, để cho nhân vật sống những giây phút lãng mạn, với những cô đơn, những nghiệm suy, với tình yêu, với nghệ thuật. Ông cũng không dùng tình tiết ly kỳ để lôi cuốn, mà mê hoặc độc giả bằng tính trình thám, bằng không khí âm u của núi rừng, bằng phong cảnh thần tiên của vùng Từ Sơn Kinh Bắc. Trong *Tiểu sơn tráng sĩ*, văn thơ Phạm Thái gắn liền với đồi núi trữ tình từ trung du đến Lạng Sơn. Trong hành tung của các tráng sĩ Tiểu sơn có bí mật *Thế Lữ vàng và máu*. Dưới tấm áo nâu sồng có rừng rợn của các ác tăng, có vương giả của hoàng phi, có xuất quỷ nhập thần của Nhị Nương tráng sĩ. Dưới gia trang bình dị của Kiến Xuyên Hầu, có tiết liệt của Long Cơ, có đam mê của Quỳnh Như đến chết. Tác phẩm hội tụ nhiều khía cạnh của Khái Hưng trong một, thể hiện *tâm hồn cao thượng* và tình yêu nghệ thuật của Khái Hưng, chứng tỏ địa bàn sâu rộng của ngòi bút Khái Hưng về lịch sử, văn hoá, địa lý, đất nước và con người.

Khái Hưng luôn luôn đi trước định mệnh, đã nhìn thấy hành trình của đảng Hưng Việt, từ khi vừa thành lập, đã đoán được những thất bại chua cay, đã nhìn thấy sự bất lực của chữ nghĩa trong một đảng ái quốc bạo động. Khái Hưng thấy mình trong Phạm Thái.

Tác phẩm vượt khỏi tầm tiểu thuyết lịch sử, đề đến với văn chương và tư tưởng. Dựng lại khung cảnh và không khí đất Bắc dưới thời Lê mạt với những hạng người đủ mặt từ thảo khấu đến anh hùng, từ văn nhân tài tử đến lớp cùng đinh, từ người hiền ở ẩn đến trí thức hành động, từ tráng sĩ đội lốt nhà sư đến bọn hồ mang nâu sồng hành thích... một quần thể nhân dân đủ mọi hạng người, đều có mặt, đều sống cái đạo riêng của mình, đều phô bày tư cách và tâm hồn dưới ngòi bút Khái Hưng, tài tình và điêu luyện trong nghệ thuật mô tả lẫn nghệ thuật tâm lý, hai yếu tố chính của tiểu thuyết lúc bấy giờ. Bí mật trình thám liên kết với hành tung xuất quỷ nhập thần, can trường nhưng vô hiệu của đám thanh niên tráng sĩ, thâm nhuần văn hoá dân tộc, qua bàn tay phủ thủy chữ nghĩa của Khái Hưng, trở thành một bức họa hoành tráng về sự thất bại của bạo lực cách mạng, về *tâm hồn cao thượng* của văn chương.

Paris tháng 11/2008- tháng 2/2009

Phụ đính :



Khái Hưng (1896 - 1947)

Nhớ về nhà văn Khái Hưng Chàng Lấn Thần và Người Ngọc Nói Hoa Cười Huy Quang Vũ Đức Vinh

Tôi có liên hệ với Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Hà Nội từ tuổi thiếu niên 14, 15 trong những năm 1945, 1946. Đó là thời kỳ phong trào chống Pháp dâng độc lập lên rất cao. Đó cũng là thời kỳ mà đấu tranh chính trị diễn ra rất quyết liệt, giữa một bên là các đảng phái quốc gia như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt, và bên kia là những người cộng sản mang danh nghĩa Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội hay Việt Minh. Có lần một chính phủ liên hiệp đã được thành lập với sự tham gia của hai phía đối nghịch nhưng rồi tan rã mau chóng.

Việt Minh nắm ưu thế, có chính quyền, lực lượng công an và một guồng máy tuyên truyền rộng lớn nhưng không tránh được những cuộc phản công sắc bén hữu hiệu của các đảng phái quốc gia trong cuộc tranh thủ nhân tâm và dư luận. Cuối cùng họ đã áp dụng nhiều biện pháp đàn áp bằng vũ lực, kể cả việc tấn công tòa báo Việt Nam, phá hủy các dụng cụ ấn loát, bắt giữ những người chủ trương để dập tắt tiếng nói độc lập. Vụ tấn công hủy diệt tòa báo Việt Nam là một biến cố quan trọng nhưng liên đó đã không được tường thuật đầy đủ và trung thực vì ngoài tờ báo đã bị triệt hạ này, các báo khác xuất bản tại Hà Nội nếu không là công cụ tuyên truyền của chính quyền Việt Minh thì cũng bị áp đảo ngăn cấm không được viết. Vài năm sau, khi đã có một chính quyền quốc gia tại Hà Nội nhiều sách báo mới viết lại. Nhưng hầu hết những bài viết về vụ này được trình bày dưới lăng kính chính trị, chưa có một tình tiết nào liên quan đến việc đột nhập phá hủy và bắt giữ người làm báo được tường thuật lại. Chưa có bài báo nào ghi lại trường hợp ông bà Khái Hưng cùng nhân viên tòa báo bị bắt giữ ra sao, và tại sao nhà văn Phan Khôi lại có mặt trong tòa báo lúc đó?

Rất tình cờ tôi đã có mặt tại báo quán Việt Nam chiều hôm đó để rồi cũng bị đưa về giam tại sở công an đường Trần Hưng Đạo 2 ngày. Mặc dầu còn niên thiếu, tôi cũng đã trở thành một nhân chứng tại chỗ và thu nhận được một số hình ảnh với những tình tiết khá rõ ràng về sự việc và về một người mà tôi rất ngưỡng mộ. Đó là nhà văn Khái Hưng. Tác phẩm của nhà văn Khái Hưng đã được rất nhiều người qua nhiều thế hệ từ 7 thập kỷ qua ưa chuộng. Nhưng có lẽ thân thế và những đặc điểm về con người ông còn ít được biết tới. Tôi tin rằng những người nghiên cứu về văn học sử sau này sẽ còn tìm kiếm để biết nhiều hơn về nhà văn nhà báo lớn này của Việt Nam ở thế kỷ thứ hai mươi. Với tâm niệm đó, tôi ghi lại đây một vài hình ảnh độc đáo của ông mà tôi đã thu in vào tâm trí từ nửa thế kỷ trước. Hy vọng đây là một đóng góp cho những công trình sưu tầm thân thế tác giả trong văn học Việt Nam, và cũng là dịp để nói lên niềm tưởng nhớ trân trọng về một nhà văn tiền bối đã để lại rất nhiều tác phẩm giá trị trong kho tàng văn chương nước nhà.

Từ Quốc Dân Đảng đến báo Việt Nam

Sau khi Việt Minh cướp chính quyền tại Việt Nam vào tháng Tám năm 1945 thì họ đoàn ngũ hóa dân chúng mọi tầng lớp khắp nơi trên toàn quốc. Đoàn thể nào cũng được kêu là “cứu quốc”, như Thanh Niên Cứu Quốc, Phụ Nữ Cứu Quốc, Phụ Lão Cứu Quốc, Hướng Đạo Cứu Quốc, Nhi Đồng Cứu Quốc v...v... Ở tuổi 14, tôi cũng được kêu gọi tham gia Thiếu Nhi Cứu Quốc trong khu phố, nhưng bố tôi viện cớ tôi đã ở trong Hướng Đạo để tránh sinh hoạt thiếu nhi mà bố tôi cho rằng mất nhiều thì giờ học. Nhưng rồi hoạt động Hướng Đạo cũng gia tăng. Không còn chỉ họp hay đi cắm trại mỗi tuần, mỗi tháng một lần, mà chúng tôi thường phải họp nhiều hơn, được giao phó nhiều công tác hơn, kể cả những công tác giữ trật tự hoặc làm hàng rào danh dự trong các cuộc biểu tình, buổi lễ. Tôi thuộc đoàn Tây Hồ, đội Cò. Có lần đội chúng tôi được cử tới Đại Học Xá trên đường Bạch Mai làm hàng rào danh dự trong dịp “cụ Hồ” (lối xưng hô mà Việt Minh dành cho Hồ Chí Minh khi đó) đến thăm sinh viên tại đây.

Khi một ông cậu họ tôi được biết chuyên Hướng Đạo Cứu Quốc phải đi đón Hồ Chí Minh như vậy ông tức lắm. Ông là cán bộ lâu năm của Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã từng bị sở Liêm phóng Pháp truy nã trong thời Pháp thuộc. Tuy thuộc hàng cán bộ trung cấp nhưng ông rất trung kiên. Ông nói Hướng Đạo không có dính dáng chính trị! Ông bảo tôi: “Mày thôi cái Hướng Đạo Cứu Quốc đi, không có “kíu cuốc cứu xềng” gì hết. Để rồi cậu tính cho mày cách khác.” Thế là tôi ngưng sinh hoạt Hướng Đạo. Ít lâu sau cậu tôi bàn với bố tôi rồi gửi tôi tới sinh hoạt hàng tuần tại Quốc Gia Thanh Niên Đoàn của Việt Nam Quốc Dân Đảng mà trụ sở nằm tại khu Châu Long, Phó Đức Chính, gần Ngũ Xã thuộc khu vực phía Bắc Hà Nội. Bố tôi không hoạt động chính trị nhưng ông là người ủng hộ Quốc Dân Đảng nhiệt tình. Theo ông chẳng có đảng phái nào ở Việt Nam hồi đó sáng giá hơn Quốc Dân Đảng vì chỉ Quốc Dân Đảng mới có những lãnh tụ thực sự hiến thân cho đất nước. Ông cảm phục vô cùng cái chết hào hùng của lãnh tụ Nguyễn Thái Học và các đồng chí lãnh đạo đảng. Với cảm tình đó, ông tán đồng ý kiến của cậu tôi ngay.

Như tên gọi, Quốc Gia Thanh Niên Đoàn là một tổ chức dành cho những người lớn tuổi hơn tôi. Vì vậy tôi phải chờ mấy tuần sau mới có được mấy người bạn đồng tuổi để sinh hoạt. Hẳn là việc thu nhận các đoàn viên thiếu niên mới được đặt ra và nhóm chúng tôi là nhóm đầu tiên. Không hiểu ông cậu họ tôi có dự phần vào cái sáng kiến tổ chức nhóm thiếu niên này không. Tổng Đoàn Trưởng là anh Nguyễn Ngọc Phan, tuổi ngoài ba mươi, vóc người nhỏ, nước da trắng, gương mặt tươi tắn, đeo kính cận trông rõ ra người nho nhã trí thức. Nhưng với cái đầu húi cua tóc ngắn và cặp mắt đen sáng sau cặp kính cận anh có uy lực của một lãnh tụ. Tôi không rõ vai trò của anh trong đảng, nhưng được biết anh thường gặp gỡ hội họp với các lãnh tụ Quốc Dân Đảng hàng tuần ở bên tòa báo Việt Nam. Tôi cũng không rõ anh đã sinh sống ở Hà Nội bao lâu nhưng được biết anh từ miệt Huế ra và có nhiều thành tích cách mạng chống Pháp. Anh dành cho nhóm chúng tôi một cảm tình đặc biệt và cho thảo hoạch chương trình để huấn luyện chúng tôi.

Chúng tôi thường được các anh thanh niên cán bộ Quốc Gia Thanh Niên Đoàn hướng dẫn về các sinh hoạt và kỹ thuật thi hành công tác. Nhưng người dẫn dắt chúng tôi về lý thuyết lại là một bậc lão thành tuổi ngoài 60 mà anh Phan giới thiệu là cụ Hệ. Mỗi tuần chúng tôi tới gặp cụ một lần tại tòa báo Việt Nam, thường vào sau giờ tan trường về. Cụ làm việc tại đó.

Tòa báo Việt Nam là một tòa nhà hai tầng với một bề ngang khá dài nằm trên góc đường Quan Thánh và Hàng Bún. Tòa nhà này có hai cổng ra vào: cổng nhỏ ở mặt trước nhìn ra đường Quan Thánh và cổng lớn ở phía Hàng Bún. Tầng dưới của căn nhà được dùng làm nhà chữ, nhà máy gồm có máy cắt giấy và máy in. Tầng trên có ba phòng lớn. Phòng giữa là toà soạn.

Phòng bên phải nhìn xuống đường Hàng Bún là phòng họp và cũng là nơi được dùng làm chỗ học cho chúng tôi. Phòng phía trong cùng là chỗ ở của ông bà Khái Hưng và cũng là nơi đặt bàn viết của ông Khái Hưng. Ba phòng nối liền với nhau bằng một hành lang dài trông xuống dãy nhà phụ thuộc phía sau gồm có căn bếp, nhà kho và nơi cư ngụ của mấy người phụ giúp việc trong nhà.

Tại đây, nhóm thiếu niên chúng tôi được cụ Hệ nói cho nghe về chủ thuyết cách mạng mà Việt Nam Quốc Dân Đảng theo đuổi để giải thoát ách thực dân, canh tân xã hội và xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tiến bộ, phú cường, về lịch sử cách mạng do VNQDD lãnh đạo và thành tích chống Pháp của các lãnh tụ như Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Xứ Nhu, Cô Giang, Cô Bắc v... v... và cả về Tam Dân Chủ Nghĩa của Tôn Dật Tiên. Toàn là những điều mới lạ và thích thú đối với tôi, một thiếu niên mới lớn trong khung cảnh sôi sục không khí cách mạng, chính trị tại thủ đô một quốc gia đang vùng vẫy tiến đến tự chủ. Trước đó, tại trường học dưới thời Pháp thuộc, chưa bao giờ tôi được nghe nói tới những đề tài như vậy. Cụ Hệ là một người tầm thước, gầy yếu, nét mặt khắc khổ và ánh mắt sau cặp kính lão lúc nào cũng trang nghiêm. Cụ nói năng chậm rãi nhưng có một sức thu hút, phần vì những điều cụ nói quá mới đối với tuổi thiếu niên chúng tôi lúc đó, phần vì cụ là người hiểu biết rộng và tin tưởng ở những điều cụ nói. Tôi không được biết nhiều về cụ Hệ nhưng tôi thấy cụ được mọi người bên tòa soạn đối xử thật cung kính. Tôi cũng đoán chắc cụ phải giữ một trách vụ nào đó trong tòa soạn, nhưng cụ thường viết ở ngay trong phòng dạy chúng tôi học. Trong những tuần đầu tôi say mê lắng nghe những điều cụ giảng dạy. Tôi rất thích lớp học của cụ. Đặc biệt tại lớp học này thỉnh thoảng chúng tôi còn được trông thấy tận mắt các lãnh tụ Quốc Dân Đảng bằng xương bằng thịt như các ông Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Văn Chấn, Xuân Tùng, Phan Kích Nam v... v... Ông Tam và ông Chấn là Bộ Trưởng Ngoại Giao và Thứ Trưởng Kinh Tế trong chính phủ Liên Hiệp lúc đó. Ông Xuân Tùng và Phan Kích Nam là dân biểu đại diện phía Quốc Gia trong Quốc Hội. Riêng ông Phan Kích Nam là một thanh niên trí thức, một lãnh tụ, gần 40 tuổi, diện mạo tuấn tú, mặt vuông, đeo kính trắng, vóc người cao lớn vững chãi, thường mặc quần áo bằng vải kaki, trông ra dáng một cấp chỉ huy quân sự. Ông là người miền Trung và là người được cụ Phan Sào Nam nhận làm con nuôi. Tôi còn nghe nói ông Phan Kích Nam là một diễn giả hùng biện có tài đối chất cừ khôi trước diễn đàn quốc hội, gây không ít khó khăn cho phía Việt Minh.

Tất cả những nhân vật đó gợi trong tâm trí non nớt của tôi hồi ấy rất nhiều điều hiếu kỳ và mơ ước. Nhưng điều thích thú, sung sướng nhất của tôi khi theo học lớp học của cụ Hệ tại ngôi nhà 80 đường Quan Thánh là được gặp một người mà tôi vẫn hằng khâm phục ngưỡng mộ qua văn chương của ông. Đó là nhà văn Khái Hưng, tác giả Hồn Bướm Mơ Tiên, Gánh Hàng Hoa, Nửa Chừng Xuân. Tôi mới được đọc những cuốn truyện này vài năm trước, trong tuổi đầu đời 13,14. Trình độ lãnh hội của tôi lúc đó còn hạn hẹp nhưng tôi đã đọc một cách say mê và tin rằng thế gian này chẳng thể còn truyện nào hay hơn. Từ đó nhà văn Khái Hưng đối với tôi trở thành một thần tượng.

Ngay trong ngày đầu tới tòa báo Việt Nam để theo học cụ Hệ tôi đã háo hức mong sớm được gặp hoặc được nhìn thấy nhà văn mà tôi hằng ngưỡng mộ. Nhưng phải vài tuần sau đó tôi mới có cái may mắn hằng ao ước. Một buổi học xong tôi và mấy đứa bạn vừa bước ra khỏi phòng học thì một người từ phòng phía cuối hành lang bước ra, một tay cầm giấy, một tay cầm bút, dáng dấp tất tả nhưng nét mặt lộ rõ vẻ vui tươi đặc ý. Người này không ngó tới lũ thiếu niên chúng tôi mà rẽ ngay vào phòng dành cho tòa soạn. Ông lưu ý mọi người nghe ông đọc, và rồi ông nâng cao tấm giấy đọc lớn những đoạn mà tôi chắc là ông vừa mới viết xong. Mấy người trong tòa soạn ngưng viết ngồi im lặng nghe chăm chú, rồi cuối cùng tất cả bật tiếng cười rộ. Ngay lúc ấy tôi không lãnh hội được đủ ý qua những lời ông đọc, nhưng rõ ràng lời văn đầy ý châm biếm, dí dỏm, hài hước và sâu sắc, vì trong khi đọc ông đã lôi cuốn được những cái gạt

gù tâm đắc của mấy người cộng sự qua từng câu văn, và khi kết thúc đã được sự hưởng ứng bằng một chuỗi cười đồng loạt. Rồi mọi người góp một ý, vui vẻ và khá ồn ào.

Qua câu chuyện của họ, tôi được biết người đọc đoạn văn vừa rồi chính là ông Khải Hưng. Nét mặt linh hoạt và tiếng cười khanh khách hào sảng của ông lần đó in sâu trong tâm trí tôi. Sau đó ông Khải Hưng cầm bài viết xuống nhà chữ. Ông người tầm thước, hơi gầy, mặc chiếc áo sơ mi ngắn tay bỏ ngoài quần và đi dép. Tôi đoán ông ở tuổi gần 50, da mặt đã có những nếp nhăn, đeo kính trắng, sống mũi cao, trán khá rộng, tóc cắt cao trái gọn gàng không rõ đường ngôi. Ông là người rất linh hoạt từ nét mặt, cử chỉ, dáng dấp đến tiếng nói, tiếng cười.

Sáng hôm sau đọc báo Việt Nam tôi thấy trong mục Chuyện Lẩn Thần bài báo mà ông Khải Hưng đã đọc tại tòa soạn hôm trước và ký dưới bút hiệu Chàng Lẩn Thần. Sự kiện này xác nhận điều tôi đã được nghe các bậc cha chú nói từ trước: “Chàng Lẩn Thần là Khải Hưng. Hai ông này là một.”

Dù nhỏ tuổi, tôi đã đọc Chàng Lẩn Thần ngay sau khi báo Việt Nam ra đời vào thời gian cuối 1945 vì bố tôi ngày nào cũng mua báo này, rất thích cột báo do Chàng Lẩn Thần phụ trách và thường hay luận bàn về những điều được viết trong cột báo này. Tôi cũng thấy mấy nhà hàng xóm hay mượn báo của bố tôi để theo dõi bài viết của Chàng Lẩn Thần rồi luận đàm một cách thích thú. Tôi còn có một ông anh họ thuộc hàng ngũ thanh niên tiên phong (một tổ chức do chính phủ Việt Minh thành lập tại khắp khu phố) cũng say mê mục này. Các đề tài trong mục này thường nhằm đả kích những sai lầm, những cải cách rởm đời của chính phủ trên nhiều lãnh vực khác nhau, từ chính trị đến văn hoá, xã hội kinh tế. Đồng thời mục này cũng đưa ra những ý kiến cải cách, xây dựng trên căn bản quốc gia dân tộc. Tác giả có một kiến thức rộng rãi, đặt vấn đề phù hợp với nhu cầu thời sự và thích ứng với những suy tư của đại chúng, lại viết với lối văn châm biếm, hài hước khiến người đọc theo dõi một cách thích thú và có một ấn tượng rõ ràng về những sự kiện được nêu ra. Các bài viết của Chàng Lẩn Thần có một ảnh hưởng sâu rộng trong quảng đại quần chúng. Phải chăng chính vì tầm ảnh hưởng này mà chính phủ Việt Minh đã quyết định đàn áp và đóng cửa báo Việt Nam!

Tôi theo lớp học của cụ Hệ đã được vài ba tháng. Tôi đến lớp đều đặn nhưng thật sự không còn thích thú các môn giảng dạy của cụ Hệ như trong mấy tuần lễ đầu. Ngồi trong lớp học mà tâm trí tôi thường bông lông theo dõi những sinh hoạt của tờ báo ở phòng kế bên, ở tầng dưới cũng như ngoài hành lang. Mỗi khi cái hình dáng gầy guộc nhưng nhanh nhẹn của ông Khải Hưng xuất hiện, đi lên đi xuống cầu thang, tôi lại ngó theo với tất cả cảm tình ngưỡng mộ. Tôi nghĩ ngay đến một chuyện nào đó trong tiểu thuyết của ông mà tôi đã đọc, hoặc một bài viết của ông vừa xuất hiện trên báo Việt Nam số xuất bản ngày hôm trước. Tôi cảm thấy mê thích báo chí, văn chương hơn là những điều tôi đang được huấn luyện trong lớp của cụ Hệ.

Thêm nữa lớp học này lại vừa có thêm một học viên mới. Cậu này được xếp chỗ ngồi ngay sát bên tôi. Cao lớn hơn tôi nhưng cậu này bằng tuổi tôi và có một cái tên rất dễ nhớ: Trần Đại Việt. Việt sau này trở thành nhà văn, nhà thơ Thanh Nam. Ở tuổi 15 lúc đó Việt đã thuộc nhiều thơ, đọc nhiều tiểu thuyết kể cả các bộ truyện Tàu dịch ra tiếng Việt như Tam Quốc, Đông Chu Liệt Quốc, Thủy Hử v... v... Việt đọc truyện nhiều hơn tôi. Chúng tôi thân nhau ngay sau buổi học đầu. Việt ở nhà bà cô trên đường Hàng Rươi, cách báo quán Việt Nam khoảng 10 phút đi bộ. Tôi cũng được biết Việt được gửi tới lớp cụ Hệ qua sự giới thiệu của ông chú của Việt. Ông này là một cảm tình viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Nhưng ngay từ đầu Việt tỏ ra chẳng quan tâm gì đến các đề tài được giảng dạy trong lớp. Hết giờ học là nói chuyện văn thơ. Tôi bị ảnh hưởng của cậu bạn mới này rất nhiều. Về sau, khi học xong thường Việt và tôi rủ nhau nấn ná ở lại và lân la tìm cách làm quen với mọi người mọi việc trong tòa báo, từ tòa soạn đến nhà chữ, nhà in. Chúng tôi được biết tòa soạn nhận bài của độc giả gửi đến và hẹn nhau viết bài

cho mục Thiếu Nhi. Chúng tôi cũng tò mò tìm hiểu kỹ thuật ấn loát, từ xếp chữ đến vỗ bản in, sửa bài, lên máy in v...v... Tất cả đều mới lạ với chúng tôi.

Chính vì hay nán ná ở lại tòa báo sau buổi học mà Việt và tôi thành nhân chứng trong vụ công an của chính phủ Việt Minh đột nhập, lục xét, bắt giữ nhân viên tòa báo Việt Nam, trong đó có cả ông bà Khái Hưng. Đây là một vụ đàn áp quyền ngôn luận đã gây chấn động dư luận hồi đó và là một chứng tích lịch sử cho thấy chính phủ Việt Nam chủ trương tiến đến quyền độc tôn ngay sau khi cướp chính quyền vào tháng 8, 1945.

Toà báo Việt Nam bị tấn công

Chiều hôm đó, sau lớp học thường lệ của cụ Hệ, Việt và tôi rủ nhau xuống nhà chữ xem mọi người làm việc. Chúng tôi thích thú theo dõi mấy người thợ xếp chữ lành nghề thoăn thoắt nhặt từng chữ đúc chì trong hộp chữ đưa lên chiếc khuôn gỗ hình chữ nhật cầm trên tay. Họ thoăn thoắt đến độ tưởng như bàn tay của họ là một con thoi vun vút qua lại giữa hộp chữ và khuôn chữ chẳng lúc nào ngừng. Chúng tôi cũng chăm chú xem cách sửa bài của ông cò chữ, và cách đóng khuôn các trang báo trước khi đưa lên máy in. Mọi việc đều thu hút trí tò mò của chúng tôi.

Khi chúng tôi tính ra về thì trời đã xẩm tối. Ngay lúc đó chợt có nhiều tiếng chân người dầm dập từ phía cổng lớn bên đường Hàng Bún chạy vào, rồi cả từ phía cổng nhỏ đường Quan Thánh nữa. Tiếp theo là tiếng chân chạy lên phía cầu thang và liền đó thì tôi thấy các công an xung phong tiến vào nhà chữ, người nào cũng cầm súng trên tay chĩa về phía trước. Có tiếng ra lệnh cho mọi người trong nhà chữ đứng yên tại chỗ và giơ tay lên khỏi đầu. Việt và tôi đứng gần bên nhau. Chúng tôi làm theo lệnh đó như mọi người khác. Khoảng một tiểu đội công an xung phong xâm nhập nhà chữ. Họ bố trí đứng chặn ở cửa chính và các cửa sổ. Các nhân viên làm việc trong nhà chữ lúc đó khoảng hơn mười người đều ngơ ngác chưa hiểu chuyện gì xảy ra. Một lúc sau thì toán công an khác áp giải những người của tòa báo từ trên gác xuống, trong số có mấy nhân viên tòa soạn và cả vợ chồng ông Khái Hưng. Tất cả đều phải giơ tay cao và đi trước mũi súng của công an. Trong số những người từ trên gác đi xuống tôi còn thấy một người khách lạ, mặc âu phục trắng, đeo cà vạt đen. Người này khoảng gần 60 tuổi, vóc dáng cao gầy vẻ mặt quắc thước và để râu dài chằm ngực. Vị khách lạ đi vào rồi dừng lại bên dàn hộp chữ cao ở phía bên trái, còn ông bà Khái Hưng đứng sang phía bên phải gần chỗ đặt bàn dao cắt giấy. Tổng số người của tòa báo bị dồn vào nhà chữ lên khoảng gần 20 người. Tất cả đều im lặng. Cuối cùng một viên chỉ huy toán công an bước vào lớn tiếng cho biết hấn được lệnh khám xét tòa báo và giải mọi người trong tòa báo về ty công an để thẩm vấn. Hấn yêu cầu mọi người đứng tại chỗ cho đến lúc làm xong biên bản rồi sẽ ra xe. Mọi người tiếp tục giơ tay lên khỏi đầu. Trong khi đó toán công an thực hiện việc lục soát ở trên gác và ở các phòng trong dãy nhà ngang. Tại nhà chữ bọn họ cũng kéo từng hộp chữ ra coi rồi lại đẩy mạnh vào khiến nhiều hộp chữ bị vung vãi tung toé. Chợt vị khách lạ lên tiếng nói với nhóm công an là cụ giơ tay đã lâu thấy mỏi và muốn biết cụ có thể bỏ tay xuống được không? Không ai trả lời, nhưng một nhân viên công an đứng gần cụ bỏ ra ngoài, rồi mấy phút sau viên chỉ huy toán công an bước vào. Hấn là một thanh niên ở trạc tuổi 30, thân hình rắn chắc khỏe mạnh, nét mặt sáng sủa thuộc thành phần có học. Hấn nói với vị khách lạ: “Thưa thầy Phan Khôi. Con là học trò của thầy. Xin thầy bỏ tay xuống. Nhưng sao thầy lại ở trong tòa báo này?”

Tôi ngạc nhiên một cách thích thú khi biết vị khách lạ là cụ Phan Khôi, tác giả bài thơ “Tình Già” mà tôi mới được đọc cách đó ít lâu. Cụ Phan Khôi từ từ buông tay xuống rồi đáp:

Tôi mới ở Trung Bộ ra Hà Nội và hôm nay đến thăm ông Khái Hưng, bạn của tôi. Chẳng may tôi bị đau bụng diarrhée, nên ông bạn tôi mời ở lại. Ở đây có nhà xí tốt.

Câu đáp khiến người nghe có thể cười, nhưng lúc đó trước mũi súng chẳng ai cười, ngoại trừ ông Khái Hưng. Ông mỉm cười nhẹ nhàng, gật đầu xác nhận lời nói của cụ Phan Khôi, rồi yêu cầu viên chỉ huy công an cho mọi người bỏ tay xuống với lý do không ai có vũ khí. Nhưng viên chỉ huy này chỉ đồng ý để thêm bà Khái Hưng được buông tay mà thôi. Ông Khái Hưng nhìn sang bà vợ ra hiệu chấp nhận điều đó và bà Khái Hưng bỏ tay xuống. Bà giữ một nét mặt bình thản đĩnh đạc nhìn thẳng phía trước. Bà vấn tóc trần và mặc chiếc áo dài màu mỡ gà như thường ngày tôi vẫn gặp. Hình như chỗ ở luôn luôn có nhiều người qua lại nên lúc nào bà cũng mặc áo dài. Bà vóc người mảnh mai, vẻ thanh tú khuê các, chắc cũng xấp xỉ tuổi 50 nhưng khuôn mặt còn phẳng phất những nét đài trang của một thời xuân sắc. Mọi người vẫn đứng tại chỗ, phần đông không dấu được vẻ lo lắng nhưng thầy đều giữ yên lặng. Riêng ông Khái Hưng ngay từ lúc bị hộ tống từ trên gác xuống nhà vẫn giữ vẻ bình tĩnh. Ông không lộ vẻ lo lắng, tay vẫn giơ cao khỏi đầu, thỉnh thoảng đảo mắt nhìn từng người thuộc tòa báo ra chiều sẵn sàng. Trong khi đó viên chỉ huy công an đã ra khỏi nhà chữ, chắc để đôn đốc việc lục soát. Về phần tôi, tính hiếu kỳ khiến tôi vẫn chăm chú quan sát cụ Phan Khôi và ông bà Khái Hưng. Ông cũng nhìn Việt và tôi với một khóe nhìn thân thiết hơn ngày thường. Khi đó còn ít tuổi tôi chưa ý thức được đầy đủ tầm quan trọng của sự việc đang xảy ra nên tôi có ít phần lo ngại hơn những người lớn tuổi. Cậu bạn cùng tuổi với tôi cũng mang tâm trạng hồn nhiên như thế.

Khi được biết vị khách là Phan Khôi, Việt ghé tai tôi nói nhỏ: “Cụ Phan Khôi viết *Tình Già*”. Tôi hồi đó mới đọc thêm cuốn *Anh Phải Sống* của Khái Hưng trong đó có bài thơ *Tình Tuyệt Vọng* ông dịch từ bài thơ tiếng Pháp của thi sĩ Arvers (*Sonnet d'Arvers*). Ra điều mình cũng sành thơ, tôi chỉ qua ông Khái Hưng nói với Việt: “*Tình Tuyệt Vọng*”. Hai chúng tôi thích chí huých khuỷu tay vào nhau cười với ý nghĩ tự cho mình là may mắn hiếm có vì đã được gặp và đứng gần hai tác giả lớn của hai bài thơ danh tiếng. Ở tuổi 15 khi đó cả hai chúng tôi đều chưa có mối tình nào cả, nhưng vì yêu thích thơ văn lãng mạn nên chúng tôi đã thuộc lòng nhiều thơ tình kể cả hai bài thơ nói lên mối tình của những người thuộc tuổi cha chú mình để rồi tưởng như đó là mối tình của chính mình. Sau này khi đã lớn tuổi mỗi lần có dịp nhắc lại cái thời con nít tuổi 15 đọc thơ *Tình Già* 24 năm xưa, Việt và tôi lại thấy nực cười. Chúng tôi thuộc vào thế hệ kế tiếp của thời kỳ văn chương lãng mạn nhưng hẳn vẫn còn bị ảnh hưởng đậm đà của thời kỳ này.

Một lúc sau thì viên chỉ huy công an trở lại cùng với một nhân viên dân sự cầm giấy bút trên tay. Viên này cầm xấp giấy từ tay viên kia đưa cho một người thuộc ban quản lý báo Việt Nam đọc và ký. Đó là biên bản của cuộc lục soát và bắt giữ. Rồi ông Khái Hưng cũng được yêu cầu đọc và ký biên bản này, nhưng ông không ký với lý do một chữ ký của ban quản lý là đủ rồi. Ông nói nhẹ nhàng nhưng cương quyết. Cuối cùng viên chỉ huy đành chịu và ra lệnh cho mọi người trong nhà chữ di chuyển ra xe. Hắn đi trước, rồi tới cụ Phan Khôi, ông bà Khái Hưng và lần lượt những người khác trong số có cả Việt và tôi.

Tất cả nhân viên tòa báo Việt Nam bị bắt giữ ngày hôm đó được đưa lên hai chiếc xe loại vận tải kín bưng chờ sẵn ở phía cổng sau tòa báo. Xe có hai hàng ghế dài hai bên, và chỉ có một cửa lên xuống ở phía sau. Sau khi dồn mọi người lên hết, hai tên công an cầm súng đứng chặn ở bực lên xuống. Việt và tôi được đưa lên chiếc xe đầu trong đó có cụ Phan Khôi và ông bà Khái Hưng cùng mấy vị thuộc tòa soạn. Xe chạy từ tòa báo về ty công an đường Trần Hưng Đạo (tức phố Gambetta cũ). Tại đây xe chạy qua hai chiếc cổng sắt lớn vào khu nhà giam rộng lớn phía sau. Riêng bà Khái Hưng được tách ra đưa về một khu khác mà sau tôi được biết là khu dành cho phụ nữ. Tôi nhìn theo cụ Phan Khôi và ông Khái Hưng, thấy hai người được đưa vào phòng giam khác nhau. Riêng Việt và tôi vào chung một phòng giam, dài hơn hai thước và rộng khoảng một thước, nền xi-măng, cửa sắt có một khung lưới vuông chui không lọt đầu. Đêm hôm đó Việt và tôi ngồi dựa lưng vào tường mà ngủ. Tuổi 15 chúng tôi ngủ dễ dàng. Sáng hôm sau chúng tôi được đưa ra nhà tiêu công cộng để làm công việc bài tiết. Tới trưa được mỗi đứa một vốc cơm khoảng trên một bát là cùng với mấy cọng rau muống. Rồi xế trưa thì được

đưa lên văn phòng thuộc toà nhà lớn nhìn ra đường Trần Hưng Đạo để trả lời cuộc thẩm vấn. Họ là hai thanh niên khoảng 25, 27 tuổi. Đặc biệt một trong hai người này rất quen thuộc với giới nghiệp bóng đá trong số có tôi. Anh ta người cao kều. Tôi nhận ra anh ngay khi vừa bước vào văn phòng.

Đó là cầu thủ đá bóng Trần Văn Ứng¹ mà tôi vẫn thường thấy trong các trận đấu bóng trên sân Mangin, Eclair và Septo. Anh là cầu thủ danh tiếng còn tôi là cậu bé mộ điệu. Hẳn anh cũng nhận ra tôi, thằng bé quen mặt tại các sân bóng nói trên. Các câu hỏi dành cho Việt và tôi thật giản dị và chúng tôi trả lời khá trôi chảy. Cuộc thẩm vấn kéo dài khoảng hai mươi phút rồi chúng tôi được đưa trả lại phòng giam. Về phòng giam, chúng tôi nằm chờ thêm một ngày. Chính tại phòng giam đó, ngày hôm đó, lần đầu tiên tôi biết thêm mấy chữ: “Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”. Việt đã đọc cho tôi nghe câu đó. Bạn tôi thật đã đọc nhiều hơn tôi và sành chữ Hán lắm. Và hôm đó thật quả là một ngày dài như tôi chưa bao giờ thấy. Chúng tôi nói chuyện, và bao nhiêu thơ thuộc lòng mang đọc hết cho nhau nghe mà vẫn chưa hết ngày!

Khoảng 3, 4 giờ chiều hôm sau thì chúng tôi được ra khỏi phòng giam và đưa tới chòi canh gần phía cổng. Tại đó đã có một chiếc xe vận tải loại nhỏ chờ sẵn, và chúng tôi thấy ngồi phía trong có mấy vị quen thuộc. Liền sau đó, chúng tôi thấy họ áp giải ông bà Khái Hưng từ phía văn phòng đi tới. Ông Khái Hưng bước lên xe, vào ngồi phía trong cùng. Nhân viên áp giải ông bà chắc là một cán bộ đi lên phía trước ngồi bên cạnh tài xế và cho xe chạy. Hai nhân viên khác lên bậc xe đứng chặn phía sau. Tôi không thấy cụ Phan Khôi và những người làm trong nhà chữ. Mặt mũi hiện rõ trên nét mặt ông bà Khái Hưng. Hai ông bà không nói lời nào nhưng cả hai đều đảo mắt nhìn mọi người trên xe như thăm hỏi.

Kỳ vật

Tới toà báo xe đậu lại ở phía cổng bên đường Hàng Bún. Ông bà Khái Hưng xuống tước rồi chúng tôi lần lượt xuống theo. Viên trưởng toán công an từ phía trước đi ngược lại gặp ông Khái Hưng nói mấy lời từ biệt rồi vẫy tay ra hiệu cho một người công an đứng gác phía trong cổng ra xe. Chiếc xe rồ máy bỏ đi chờ theo mấy nhân viên công an. Ông Khái Hưng đẩy cánh cổng mở rộng và tất cả chúng tôi đi thẳng vào nhà chữ. Một cảnh tượng đồ đạc bẽ bộn ngổ ngang phơi bày trước mắt chúng tôi. Các hộp chữ bị đổ tung toé. Giấy báo bị rở tung. Các ngăn kéo đều bị rút ra khỏi bàn. Nhiều chiếc ghế bị đập đổ hoặc xô nghiêng. Có những bộ phận của máy in bị tháo gỡ vứt xuống sàn nhà. Rõ ràng có sự dụng tâm làm cho máy móc và các hộp chữ không còn sử dụng được. Chúng tôi quan sát cảnh vật một lúc rồi đi lên gác. Tôi còn nhớ ông Khái Hưng đã đưa ra một lời phê bình ví công an Việt Minh như thổ phỉ. Danh từ thổ phỉ được thông dụng trong thời gian đó để chỉ bọn xâm nhập gia cư cướp bóc.

Lên đến trên gác, chúng tôi chia làm ba nhóm. Bà Khái Hưng đi thẳng vào căn phòng phía cuối. Ông Khái Hưng cùng mấy vị thuộc toà soạn đi vào căn giữa, không phải để quan sát cảnh hoang tàn bẽ bộn mà để hội họp. Còn Việt và tôi đi vào căn phòng phía ngoài. Căn phòng này ít đồ đạc nên ít bị lục lọi. Việt và tôi rủ nhau định ra về thì bà Khái Hưng từ phía cửa phòng cuối vẫy chúng tôi qua. Bà nói giọng nhỏ nhẹ, từ tốn xưng hô với chúng tôi theo liên hệ tuổi tác, bác và cháu. Bà nhờ chúng tôi giúp tay để sắp xếp lại các ngăn kéo với giấy tờ bị lật tung và vứt vung vãi khắp phòng. Đặc biệt bà nhờ chúng tôi cố tìm một chiếc bút máy màu đen. Chúng tôi tìm khá lâu mà không thấy nên có ý bỏ cuộc. Không phải chỉ có giấy tờ, mà còn nhiều cuốn sách, rồi quần áo, chăn gối và đủ thứ đồ đạc lật vạt khác ngổ ngang trong phòng. Bà Khái Hưng tiếp tục tìm kiếm và nói cho chúng tôi biết sở dĩ bà muốn tìm chiếc bút đó vì đó là tặng vật ngày cưới của ông bà. Khi biết điều này, không bảo nhau Việt và tôi lại cặm cụi tìm kiếm. Một lúc sau ông Khái Hưng từ phòng bên bước qua cũng tham gia cuộc tìm kiếm.

Nhưng liền đó Việt đã tìm thấy chiếc bút nằm nép sát sau một chồng sách. Việt vừa giơ chiếc bút lên là bà Khái Hưng nhận ra ngay bảo vật. Mừng rỡ hiện rõ trên nét mặt, bà nhận chiếc bút từ tay Việt với lời cảm ơn vồn vã. Rồi cầm chiếc bút trong lòng bàn tay một cách nâng niu triu mến bà đưa qua ông Khái Hưng. Hai vợ chồng nhìn nhau tỏ vẻ âu yếm, và tôi thấy ông Khái Hưng đã nắm bàn tay trong đó có chiếc bút.

Chợt có nhiều tiếng chân người đi lên cầu thang. Nhìn ra chúng tôi thấy một số khuôn mặt quen thuộc thường lui tới nhà báo. Đó là những nhân vật trong hàng ngũ lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Họ mừng rỡ gặp lại ông bà Khái Hưng. Vài phút sau nữa ông chú của Việt và ông cậu của tôi cũng tìm đến đón chúng tôi về. Tất cả những người ày đã được thông báo qua đường dây liên lạc của đảng.

Trên đường về ông cậu tôi cho biết chính phủ Việt Minh phải trả tự do cho ông bà Khái Hưng vì có sự can thiệp mạnh mẽ của các lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng và cũng vì ông Khái Hưng là nhà văn nhà báo được rất đông đồng bào yêu mến nên “bọn Vem không dám bỏ tù ông”. Vào thời gian đó danh từ Vem rất thông dụng, được dùng để chỉ Việt Minh. Ông cậu tôi cũng nói cụ Phan Khôi bị giam một đêm và được tha trước chúng tôi một ngày.

Sau này tôi được biết thêm cụ Phan Khôi từ Trung Bộ ra Hà Nội lần đó là do lời mời của Hoàng Hữu Nam², Thứ Trưởng Bộ Nội Vụ trong chính phủ Việt Minh và cụ đã kẹt lại miền Bắc từ đó. Đến năm 1956 cụ viết Ông Năm Chuột trong Nhân Văn Giai Phẩm đả kích mạnh mẽ chính phủ và chế độ cộng sản. Nhưng từ sau vụ công an Việt Minh đột nhập phá hủy báo quán Việt Nam, tờ báo này đã đóng cửa hẳn. Trụ sở của Quốc Gia Thanh Niên Đoàn bên đường Phó Đức Chính cũng ngưng hoạt động sau đó ít ngày. Rồi vài tháng sau, vào tháng Chạp năm 1946, chiến tranh chống Pháp bùng nổ trên toàn quốc. Tôi theo gia đình tản cư lên mạn Việt Trì, Hưng Hoá. Tới đầu năm 1948 mới trở lên Hà Nội. Ông cậu tôi không tản cư nhưng biết nhiều tin tức của hậu phương. Khi gặp lại ông cho tôi hay “bọn chúng nó đã thủ tiêu ông Khái Hưng rồi”. Ông Khái Hưng bị sát hại trên đường tản cư vào đầu năm 1947.

Người Ngọc Nói Hoa Cười

Trong thời gian sống tại Hà Nội từ 1948 đến giữa năm 1954, tôi đã có nhiều dịp đi ngang qua căn nhà 80 đường Quan Thánh. Mỗi lần như vậy tôi không khỏi nhớ lại ít nhiều hình ảnh cũ. Tôi nhớ nhất cái dáng dấp mảnh khảnh đầy hào sảng của ông. Sau này tôi có dịp đọc thêm và đọc lại những tác phẩm của ông, và tôi càng nhận thấy văn phong của ông phản ánh thật rõ rệt con người của ông, con người với một tâm hồn vui tươi, dí dỏm, hóm hỉnh, nhưng khúc triết và sâu sắc. Tôi thấy hình ảnh con người đó hiện lên qua nhiều đoạn văn, nhiều mẫu đối thoại, nhiều tình tiết trong các tác phẩm của ông. Tôi còn nhớ cả cái phong cách tự tin, điềm đạm khi ông bị công an Việt Minh bắt đứng giơ tay trong nhà chữ và lời yêu cầu của ông cho mọi người được buông tay xuống. Tôi thấy ở đó cái bản lĩnh của người lãnh đạo.

Tôi cũng không quên được hình ảnh bà Khái Hưng trong căn nhà đó. Hình ảnh một thiếu phụ với dáng dấp thanh lịch, đi đứng nhẹ nhàng và gương mặt dù đã mang vết nhăn của thời gian nhưng vẫn ẩn hiện vẻ thanh tú của thời xuân sắc. Có lúc nhớ lại hình ảnh của bà tôi vẫn không khỏi liên tưởng đến một thiếu phụ nhân vật trong truyện ngắn Tình Tuyệt Vọng mà ông Khái Hưng là tác giả. Thiếu phụ được mô tả qua mấy vần thơ do ông dịch từ thơ của thi sĩ Arvers như “người ngọc nói hoa cười”, và “tiết liệt đoan trinh”. Khi đọc truyện này lần đầu thuở còn nhỏ, tôi nghĩ Arvers và Khái Hưng hẳn đã từng sống với một mối tình tuyệt vọng thật sự mới có thể viết và dịch những vần thơ trác tuyệt như vậy. Tôi thấy họ phảng phất qua nhân vật thi sĩ Văn Chu, người mang mối tình tuyệt vọng trong truyện. Nhưng mỗi khi nhớ lại hình ảnh ông Khái Hưng nắm tay vợ trong có chiếc bút tặng vật ngày cưới thì tôi nghĩ khác. Tôi thấy ông bà

Khái Hưng là một cặp vợ chồng lý tưởng, có một quan niệm hôn nhân cấp tiến trong các điều kiện văn hoá xã hội đương thời vào giữa thập kỷ 40 tại Việt Nam. Chẳng những ứng dụng trong cuộc sống, ông Khái Hưng còn nói lên quan niệm này trong nhiều tác phẩm văn chương của ông. Ông chỉ trích thói lễ hủ lậu tác hợp hôn nhân trong cưỡng ép. Ông biện hộ cho những mối tình trong sáng, chung thủy cho dù có vượt ngoài khuôn khổ nghi thức phong kiến lỗi thời. Ông cũng biện hộ cho nhiều đổi mới nhằm xây dựng một xã hội tiến bộ. Mặc dù không còn và ở gần tuổi 50, ông bà vẫn sống bên nhau đầm ấm, vẫn có dịp biểu lộ cho nhau tình thương yêu trong lãng mạn. Tôi thích cái hình ảnh bà Khái Hưng tìm kiếm chiếc bút máy kỹ vật ngày cưới trong khung cảnh căn phòng đầy chứng tích của đổ vỡ hoang tàn, tưởng như đó là báu vật mà không còn gì khác có thể thay thế. Tôi tin rằng ông bà đã có một cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Từ đó tôi nghĩ ông không thể là nhân vật Văn Chu. Người trong mơ ước, người ngọc nói hoa cười và tiết liệt đoạn trinh đã ở bên ông, còn gì mà tuyệt vọng! Nếu truyện Tình Tuyệt Vọng có phần ảnh phần nào cuộc sống thật của tác giả thì ông Khái Hưng phải là nhân vật Tùng Thiện trong truyện. Nhân vật này có một cuộc sống vui tươi với bạn bè, và hạnh phúc bên người vợ nhan sắc lại hiền thực đoan trang. Trong cuộc sống bà Khái Hưng có cái phong cách của mẫu người vợ đó.

Trong nhiều năm qua tôi đã được nghe nhiều tin tức khác nhau về vụ sát hại nhà văn Khái Hưng. Có tin nói ông bị trói rọ thả trôi sông. Có tin ông bị hành hình như một tử tội. Có tin ông bị ám sát. Không rõ tin nào xác thật nhưng tin nào cũng xác nhận ông đã bị sát hại tại khu vực Nam Định vào thời gian cuối 1946 hoặc đầu 1947, khi cuộc chiến vừa bùng nổ, khi tin tức liên quan đến những hành động tàn bạo như vậy dễ bị nhận chìm.

Một điều đáng được ghi nhận qua các tin này là bà Khái Hưng vẫn ở bên chồng cho đến giờ phút trước khi xảy ra vụ sát hại. Có tin còn nói bà đã nhận thi thể của chồng để lo mai táng. Nhưng không có tin nào về cuộc sống của chính bà sau vụ sát hại. Không hiểu người thiếu phụ một thuở ngọc nói hoa cười đã chịu đựng cầm cự trước nỗi đau thương mất mát trong tàn bạo ấy như thế nào. Tôi tin chắc trong hành trang của ông bà mang theo trên đường tản cư thể nào cũng có chiếc bút kỹ vật ngày cưới.

Hẳn bà đã giữ kỹ vật đó mãi, trong suốt phần đời còn lại.

Seattle, tháng 10, 1997

Khái Hưng trong tù Mai Chi

Để bạn đọc hiểu qua đời sống trong tù của Khái Hưng, chúng tôi trích đăng dưới đây một phần bài *Đợi Tết trong tù* của Mai Chi, đăng trên nhật báo Dân Chủ số 925 ra ngày 9-2-1964, thuật lại những ngày Khái Hưng bị giam tại trại giam Lạc-quần (huyện Xuân-trường, Nam-định). Theo chỗ hiểu biết của chúng tôi, ông Mai Chi là một chiến hữu cách mạng của Khái Hưng. Bài báo của ông, thuật theo trí nhớ của những bạn đồng ngục của Khái Hưng, có thể coi là đáng tin.

Hội ấy Lạc-quần là một chiến khu quan trọng của miền nam Trung-châu Bắc Việt (thuộc Liên-khu 3). Trại lính khổ xanh cũ lúc đó đã biến thành Bộ Tư-lệnh của đại tá Việt-minh Hà Kế Tấn. Công-an tỉnh Nam-định đặt trại giam gần sát đó để có thể nhờ bộ đội can thiệp tức khắc nếu xảy ra những trường hợp bất ngờ (các chính trị phạm nổi loạn hoặc các nhóm quốc gia đánh úp để giải phóng đảng viên). Anh em chúng tôi thuộc nhiều đoàn thể khác nhau: Việt-quốc,

Việt-cách, Duy-dân, Dân-tộc, Công-giáo v.v... không thiếu một đảng phái chống Cộng nào. Đến trung tuần tháng chạp âm lịch tổng số lên tời gần 50 người.

Đời sống tại đây tương đối dễ chịu vì lúc đó Việt-minh còn bận tổ chức kháng chiến chống Pháp, chưa nghĩ tới việc hành hạ chúng tôi. Ngoài điểm ăn ngủ kham khổ, chúng tôi không hề bị gông cùm xiềng xích, và cũng không phải làm việc gì cực nhọc, chỉ một lần chúng tôi được đi vác gạch cho bộ đội xây đồn, nhưng vì anh Khái Hưng yếu đuối nên bị chúng loại ra, không cho hưởng cái ân huệ đó. Tuy nhiên không phải không có những cuộc tra tấn. Đêm nào chúng cũng gọi vài ba người lên phòng đồn trưởng để hội cung đứng vào lúc ba tiếng đồng "ngủ" đóng lên. Đánh đập, kim kẹp, quay điện, tra tấn đủ kiểu cho tới khuya mới thả cho về. Và mỗi buổi sáng chúng tôi lại thay phiên đấm bóp và săn sóc những nạn nhân đêm trước.

Bởi vậy, ngay buổi sáng ngày thứ nhì, anh Khái Hưng đã nhìn thấy rõ "nếp sống và thủ tục" trại giam. Và cũng từ buổi đó, chẳng bao giờ chúng tôi được nghe anh nói một mảy may gì liên quan tới chính trị hay là tình thế. Mặc dầu trông đợi phiên minh, nhưng trong suốt thời gian (vào khoảng 15-20 ngày) chung sống với chúng tôi, anh chẳng hề bị bọn chúng gọi lên "chịu trận" một lần nào cả. Trái lại, có một số công an viên kể cả đồn trưởng Thịnh tỏ ra rất hâm mộ và kính nể anh.

Có lẽ không gì khổ tâm hơn cho một nhà văn khi phải sống trong cảnh hoàn toàn không giấy bút và không sách vở. Lúc ra đi, bọn công an không cho anh mang theo một chút gì để đọc và viết. Tới đây, anh đành bó tay, và luôn ngỏ ý thèm đọc, bất cứ sách gì. Một hôm nhìn thấy một tập sách cũ trong phòng một công an viên, anh nhờ Lụy tìm cách mượn dùm, nhưng đây là một quyển sách đạo mà chủ nhân là một tên khét tiếng hách dịch, bởi vậy hai người đành bỏ rơi việc đó. Rồi bỗng nhiên hai ngày sau một công an viên khác -anh Thân- vì cảm mến Khái Hưng đã mang tặng anh một tập giấy trắng với một cây bút chì trong lúc chúng tôi đang ngồi quây lại để anh xem tướng cho từng người. Anh Khái Hưng xem tướng rất giỏi -cả tướng tay lẫn tướng mặt. Coi tay anh Lụy, anh bảo Lụy là người dễ tính và rộng rãi; anh Thành sẽ vất vả một đời vì bộ tóc rẽ tre; anh Văn khó lòng sống tới năm chục tuổi... Đến nay chúng tôi thấy những lời anh tiên đoán về số mệnh đều rất đúng.

Từ lúc có giấy bút chiều nào Khái Hưng cũng ra bờ sông ngồi viết nhật ký. Công an viên Thân thường lui tới để nhờ anh sửa văn. Và bọn anh em chúng tôi cũng bắt đầu gác bỏ đề tài Tết để nhảy sang địa hạt văn nghệ. Cũng từ bữa đó, anh Khái Hưng đã nói khá nhiều với chúng tôi về các vấn đề văn chương, thi ca, tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết vì đây là sở trường của anh. Lâu ngày quá rồi, chúng tôi không còn nhớ được nhiều. Riêng anh Lụy vẫn còn nhớ được một điểm khi hỏi anh về vai trò của Vội trong cuốn *Trống mái*: "*Trong tác phẩm này, khung cảnh Sầm-sơn là chính, còn vai trò của Vội chỉ là phụ, tức là để tả cảnh Sầm-sơn và người Sầm-sơn.*"

Lúc nào Khái Hưng cũng tỏ ra bình thản và vui tính. Ngoài những cuộc đàm luận văn chương anh cũng còn thích đánh cờ và rất ham nói chuyện và trong bất cứ chuyện gì anh cũng cài xen vào những câu khôi hài rất dí dỏm và đầy lý thú.

Buổi tối, sau bữa ăn, anh thường kể chuyện cho chúng tôi nghe. Tài kể chuyện của anh rất ít người sánh kịp: dù chỉ là những việc rất thường anh cũng có thể biến thành một câu chuyện đầy hứng thú, vì óc sáng tạo tuyệt diệu và giọng nói quyền rũ của anh.

Tối nào anh cũng kể cho nghe một chuyện, hoặc Liêu-trai, hoặc những kỷ niệm làm báo, viết văn và ở tù. Mẩu chuyện của anh mà cả hai chúng tôi (Lụy và Thành) nói mãi tới nay là chuyện anh tập hút thuốc lào trên trại giam Vụ-bản (Hòa-bình): "*Tuy không biết hút thuốc nhưng tôi đã gắng tập hút để có thể nhập bọn và gây tình thân thiết với các chú lính Mường. Sau đó, đêm nào tôi cũng tụ họp với họ chung quanh một chiếc điếu cây "gộc" luân phiên liên hồi hút thuốc lào và kể chuyện. Tôi đã được nghe nhiều truyện đường rừng rất ly kỳ, tôi cũng kể nhiều*

chuyện lịch sử và thần tiên. Chỉ một tuần sau tất cả đám lính Mường canh giữ trại đều trở nên "ghiền" chuyện, mỗi khi hơi rảnh rỗi là họ đi tìm tôi và đòi kể chuyện như đời nọ."

Ngoài ra anh Khái Hưng còn là một người rất giàu tình cảm. Mỗi lần nói chuyện hoặc kể chuyện, không bao giờ anh quên nhắc tới một vài bạn cũ, và gặp ai anh cũng tùy trường hợp hỏi thăm tin tức về những người anh đã từng quen biết. Trong thời gian với chúng tôi, một hôm cậu con nuôi muốn tới thăm anh. Và đêm hôm đó anh lại có dịp cho chúng tôi nghe những mẩu chuyện tình bạn giữa anh và văn sĩ Nhất Linh, nhưng không hề đã động gì tới cuộc đời cách mạng của hai người.

Rồi một buổi chiều... Hôm đó quá rằm -có lẽ 16, 17 hay 18 tháng chạp âm lịch, một ngày cận Tết- vào khoảng 4 - 5 giờ trong khi chúng tôi sắp ăn cơm tối, tên Thoại (công an xung phong) tới bảo cho Khái Hưng biết rằng có lệnh mời anh lên "Trung ương" vì cấp Tỉnh không có quyền thẩm vấn và xét xử anh. Hấn dục anh thu xếp đồ đạc để cùng đi ngay với hắn -đi lúc chiều tối để tránh máy bay địch.

Mười phút sau, anh đã sẵn sàng trong bộ âu-phục với áo choàng, mũ "phớt" và chiếc cặp da cũ trong tay như khi anh vừa mới bước chân tới trại Lạc-quần. Bùn ngùi cảm động... anh đi bắt tay từ biệt từng anh em phạm nhân. Anh Văn rơi lệ... Mọi người buồn xiú...

"Chào anh em ở lại", đó là lời nói cuối cùng của Khái Hưng. Câu đó từ hôm nay vẫn còn in sâu trong tâm khảm hai chúng tôi. Dù anh không nói thêm lời nào nữa, nhưng chúng tôi đều nhìn thấy trên vẻ mặt Khái Hưng một nỗi ưu tư vô hạn... Có lẽ vì đã cảm thấy rằng chuyến đi này sẽ kết liễu đời anh...

Văn, số 22, ngày 15-11-1964, trang 40-43

Trách nhiệm của tôi về cái chết của Khái Hưng Hồ Hữu Tường

Mõ Làng Văn có đến nhà tôi, trong lúc tôi vắng, nhắn tôi viết bài về Khái Hưng, mà theo lời Mõ "tôi quen nhiều lắm". Quả có như vậy. Chúng tôi quen nhau, và trong mấy ngày chót, sát cánh nhau. Đáng lẽ tôi phải viết bài để tưởng niệm nhà văn, trước kia là cây cột đồng của Tự-lực văn-đoàn, trong tháng chót lại hăng hái rủ tôi lập một nhóm mới đề cao cái "văn chương sáng giá". Song tôi xin phép Mõ mà từ khước. Vì trong bài tôi viết, tôi không làm sao tránh nổi việc nhắc đến vai trò của tôi trong việc thay đổi tư tưởng của Khái Hưng. Thà nhịn là hơn. Không khéo, anh Vũ Hạnh lại gán thêm cho tôi một cái mặc cảm thứ năm nữa...

Không viết, thế mà phải viết. Viết để thú tội với lịch sử rằng tôi gánh trách nhiệm rất lớn đối với cái chết của Khái Hưng, làm cho dân tộc mất một cây bút thiên tài. Bởi tôi đã xúi Khái Hưng "móc giò" Hồ Chí Minh một cái khá đau.

Số là cuối năm 1946, ít ngày trước cuộc binh lửa Hà-nội, Khái Hưng đến nhà tôi, với giọng lo âu sâu bi nói:

- Chết tôi rồi anh ơi. Tôi không phải là đảng viên của Việt nam quốc dân đảng mà chỉ vì cảm tình với anh em, nhứt là với anh Tam, ra gánh gánh nặng là chủ trương tờ Chính Nghĩa và nhật báo Việt Nam. Nay mấy anh đi đâu mất hết, không để lại một đồng bạc. Tôi phải lo viết cho đầy tờ báo, coi in, coi phát hành. Mà nhứt là chạy tiền. Vì chúng nó khủng bố độc giả nên mỗi ngày chỉ bán được có chín chục số. Việt Nam là cái thùng thủng đáy to, phải gánh nước mà chêm vào hoài... Tôi ở vào tình trạng là chỉ còn tiền ra một số nữa thôi. Rồi phải đình bản. Nhưng như

vậy còn gì là danh tiếng của anh Tam, của bao nhiêu bè bạn trong Việt nam quốc dân đảng?
Anh bảo tôi nên xử trí làm sao?

Tôi an ủi Khái Hưng:

- Đủ tiền ra số chót là được rồi. Tôi có kế cứu thể diện của anh Tam, của Việt nam quốc dân đảng và rút anh ra khỏi guồng máy. Anh về viết bài tuyên bố như thế này đây... Rồi đình bản.

Để bắt chước lối kể chuyện Tàu, tôi nói với Khái Hưng như vậy... như vậy... Khái Hưng nghe xong mừng quá, nhảy lại ôm tôi khen: "Diệu kế! Diệu kế". Rồi thoát đi ngay.

Hai ngày sau, vào lối mười giờ, Khái Hưng lại nhà tôi, với vẻ hân hoan, nói:

- Tôi vừa gặp cụ Hồ, rồi đi ngay lại đây cho anh hay. Tôi đã viết bài y theo như anh đã vạch. Đại khái tôi nói: "Số dĩ bấy lâu nay chúng tôi kịch liệt công kích chánh phủ và đảng là vì chánh phủ và đảng đi đường lối thân Pháp, bắt tay với Pháp mà làm mất quyền lợi của nhân dân. Nay, sau việc xung đột ở Hải-phòng, việc chuẩn bị đánh nhau ở Hà-nội, chúng tôi thấy rằng bây giờ chính phủ đi với dân tộc mà chống Pháp. Như vậy, sự đối lập của chúng tôi là thừa. Chúng tôi tuyên bố chấm dứt sự đối lập, đình bản báo chí, đem toàn lực đứng sau chánh phủ để ủng hộ chánh phủ chống Pháp.

Tôi hỏi Khái Hưng:

- Rồi sao nữa?

- Cụ Hồ đòi tôi đến hỏi tại sao tôi viết bài như vậy? Tôi đáp: "Bởi chúng tôi hết tiền để cho ra tờ Việt Nam." Cụ Hồ nói: "Bài tuyên bố ấy rất phượng hại cho đường lối của chánh phủ. Chánh phủ đi cái chánh sách dùng thẳng với Pháp để điều đình mà mình được nhiều quyền lợi. Lại tuyên bố như vậy là gài chánh phủ vào đường chiến tranh với Pháp. Tôi yêu cầu Việt nam quốc dân đảng tiếp tục đường lối đối lập, chống chánh phủ Pháp để cho Pháp thấy rằng ý của chánh phủ là muốn bắt tay với Pháp. Nếu hết tiền ra báo, chánh phủ sẽ cấp đủ cho."

Tôi hỏi:

- Anh trả lời làm sao?

- Tôi đáp rằng: "Viết báo mà bán không được, thì không còn hứng. Các cán bộ Việt-minh ngăn cản phát hành mỗi số ra chỉ bán được có chín chục tờ^[1]. Tôi không thấy có chút hứng thú. Cụ Hồ nói: "Không sao! Tôi sẽ hạ lệnh cho các cán bộ Việt-minh sẽ bán tờ Việt Nam cho."

Tôi lại hỏi:

- Bây giờ anh quyết định thế nào?

- Tôi nhứt định đình bản tờ Việt Nam để trở về văn nghệ. Tôi tìm được một bạn trẻ bỏ vốn ra cho chúng ta làm tờ Thời Phong mà chúng ta đã mộng. "Văn chương sáng giá" sẽ nói được tiếng nói của nó...

Bài tuyên bố của Khái Hưng viết đã gài cho Việt-minh đánh nhau với Pháp một phần nào. Họ đã trả thù bằng cách giết Khái Hưng. Và mười mấy năm nay "văn chương sáng giá" không bập bẹ được tiếng nào.

Bây giờ tôi nói sơ về một điểm của lịch sử. Trong bài của Vũ Đình Lưu, nói về Malraux^[2] tiếng Pháp Jeune Annam bị ghi chú là Việt Nam Thanh Niên Đồng Chí Hội, thì thật là xa sự thật.

Jeune Annam (không có tên tương đương bằng tiếng Việt) là một tổ chức chỉ có hoạt động ở Nam. Những người sáng lập, noi gương của đảng Young India của Ấn Độ, đi một đường lối hoàn toàn quốc gia, không có pha màu xã hội. Còn sót lại Sài-gòn, bây giờ có ông Trịnh Hưng Ngẫu. Các bạn nào muốn có tài liệu lịch sử về đảng này, có thể đến hỏi ông. Sau này, có nhiều đảng viên cũ của đảng Jeune Annam sang qua Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội của Nguyễn Ái Quốc. Song đó là một chuyện khác, không thể xóa được một sự thật lịch sử.

Lúc tôi còn nhỏ xíu, tôi đã được đọc báo Indochine do trạng sư Monin chủ trương và xuất bản tại Sài-gòn. Trong báo này có André Malraux làm biên tập viên. Tôi cho cái đề tài này cho các sinh viên văn khoa muốn viết đề án về A. Malraux đã nhập vào làng văn bút tại Việt Nam, lúc mà Nguyễn An Ninh sắp sửa ra tờ Cloche Fêlée.

Những người Pháp, trong thời thực dân, lại có tư tưởng binh vực cho dân bị trị, như Monin, Malraux, Ganofsky, cũng có chút công đối với phong trào dân tộc của ta. "Hãy trả cho César cái gì của César, trả cho Chúa cái gì của Chúa." Tôi cảm thấy cần nhắc lại tiểu tiết này khi tờ Văn cho ra số đặc biệt về Malraux.

Riêng đối với tôi, André Malraux có cái ơn. Lúc tôi ở Côn-đảo, bị bệnh nặng, chính André Malraux có viết một cái thư tay, giao cho Pinay cầm đưa tận cho Ngô Đình Diệm để can thiệp cho tôi được phóng thích. Thư này không đạt được mục đích của nó. Song cử chỉ của nhà văn André Malraux đối với một người cầm bút như tôi đáng nêu lên vậy.

Văn, số 22, ngày 15-11-1964, trang 47-50

^[1] Theo nhiều nhân chứng hỏi bây giờ tờ Việt Nam được in thường từ 2 nghìn đến 3 nghìn tờ (2 trang, khổ nhỏ hơn các nhật báo hiện nay) và có khi tới 6 hay 7 nghìn. Một văn hữu hiện nay còn đang hoạt động, và hỏi bây giờ có liên lạc hàng ngày với nhà in Ngày Nay để thuê in tờ báo của đảng anh, cho biết những con số vừa nói do người phụ trách "xếp" thợ nhà in cho biết. Theo lời Khái Hưng nói trên đây thì tờ Việt Nam đã mất khá nhiều độc giả từ cuối năm 1945 đến cuối năm 1946. Hiện tượng này có thể có nhiều nguyên nhân, như tòa soạn còn có một mình Khái Hưng, nên bài vở chắc phải kém đi, như vào cuối năm 1946, cuộc đảng tranh như đã gần chấm dứt rồi, và toàn dân đã hợp nhất lại, trước sự đe dọa tấn công của quân Pháp.
^[2] nhưn đọc Văn số 21.

Những tác phẩm cuối cùng của Khái Hưng Trọng Đạt

Lời tác giả: Theo Nguyễn Phượng Thúy và Phạm Ngọc Lũy trong cuốn sách viết về Khái Hưng "Bóng Giai Nhân", nhà văn cách mạng này đã bị Việt Minh thủ tiêu vào đêm Giao thừa Tết nguyên đán năm Đinh Hợi 21-1-1947.

Bài khảo luận dưới đây để tưởng niệm lần thứ 64 nhà văn Khái Hưng bị Việt Minh giết và ném xuống sông tại bến đò Cựa Gà, Nam Định.

Khái Hưng tên thật là Trần Khánh Dư, sinh năm 1896 tại Cổ Am, Vĩnh Bảo Hải Dương, thuộc thành phần gia đình quan lại, con cụ Tuần phủ Phú Thọ, bố vợ là Tổng đốc Bắc Ninh, anh ruột nhà văn Trần Tiêu. Khái Hưng theo học trường Tây Albert Sarraut, đậu tú tài ban cổ điển, ông

cũng uyên thâm Hán học, ông tham gia hoạt động cách mạng giành độc lập 1940. Năm sau 1941, các đảng viên Đại Việt Dân Chính như Khái Hưng, Hoàng Đạo bị Pháp bắt giam tại nhà lao Vụ Bản thuộc tỉnh Hòa Bình, đó là một vùng nước độc. Năm 1943 ông được tha, bị quản thúc tại Hà Nội. Nhật đầu hàng đồng minh tháng 8 năm 1945. Các nhà cách mạng lưu vong bên Tàu kéo về nước, Khái Hưng và Nguyễn Tường Bách giữ nhiệm vụ tuyên truyền cho Việt Nam Quốc Dân Đảng. Việt Minh cướp chính quyền ngày 19 tháng 8 năm 1945, sau khi thành lập chính phủ liên hiệp, họ bắt ngờ tấn công các trụ sở Quốc Dân Đảng, tiêu diệt các thành phần Quốc Gia.

Pháp tấn công Hà Nội, Khái Hưng tản cư về làng Lịch Diệp quê vợ, bị Việt Minh bắt đưa đi thủ tiêu ngày 21-1-1947, tức giao thừa Tết Nguyên đán Đinh Hợi. Trong hai năm 1945, 1946 ông sáng tác một số truyện ngắn và kịch đăng trên tuần báo Chính Nghĩa. Năm 1966 ông Nguyễn Thạch Kiên đã cho xuất bản các tác phẩm ấy tại Sài Gòn và năm 1997 tại California, Hoa Kỳ nhân dịp kỷ niệm năm mươi năm Khái Hưng bị Việt Minh thủ tiêu, Nguyễn Thạch Kiên đã cho in lại trong một bộ sách hai tập lấy tên Kỷ Vật Đầu Tay Và Cuối Cùng, nhà xuất bản Phượng Hoàng.

Đây là những truyện ngắn và những vở kịch cuối cùng của Khái Hưng, của Tự Lực Văn Đoàn. Bốn cây viết chính của văn đoàn gồm Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam, Hoàng Đạo. Nhưng lúc này chỉ còn một mình Khái Hưng, Thạch Lam chết bệnh năm 1943, Nhất Linh, Hoàng Đạo lưu vong sang Tàu, Khái Hưng sáng tác một mình.

Những tác phẩm cuối cùng của ông cũng là những áng văn tuyệt tác của một cây bút già dặn, những tâm tư của một nhà cách mạng chân chính trước cảnh cốt nhục tương tàn của cuộc chiến Quốc Cộng đang diễn ra. Các truyện ngắn gồm: Bóng Giai Nhân, Lời Nguyễn, Hồ, Tây Xông Nhà, Quan Công Xứ, Nhung, Khói Hương, Người Anh Hùng, Tiếng Người Xưa và ba vở kịch: Câu Chuyện Văn Chương, Khúc Tiêu Ai Oán, Dưới Ánh Trăng. Vì phạm vi giới hạn chúng tôi xin được đề cập một số truyện chọn lọc.

Bóng giai nhân

Xin sơ lược:

“Trên một chiếc ô tô chở chính trị phạm lên Vụ Bản, Khanh một tù nhân nhớ lại những chuyện cũ tại trại giam sở Liêm Phóng: Phòng giam hôi hám, tối tăm, chàng đi bộ cùng các bạn tù tới nhà ga, những lời kêu khóc của thân nhân đi tiễn. Nhưng một kỷ niệm mà hẳn khó quên lóe lên trong ký ức: Bóng giai nhân, một bạn gái bị giam ở xà lim bên cạnh trong thời gian hai mươi bốn tiếng đồng hồ “Sà lim 18”, tên của giai nhân, cả trại đều ghi nhớ nàng bị giải đi đâu không biết.

Thế rồi một buổi sáng người ta dẫn vào một lô tù mới, trong đó có một thiếu nữ ăn mặc què mùa rách rưới. Khanh và mọi người hỏi lính gác được biết cô gái bị giam ở đây nay là lần thứ ba. Lần thứ nhất cô là nữ học sinh tân thời, lần thứ hai cô giả trai, và lần này cô giả nhà quê. Tội của cô là “làm cách mạng”, từ lúc ấy thiếu nữ chiếm hết lòng sùng kính của trại giam. “Xà lim 18” là một cô bé nhỏ nhắn xinh xắn, cặp mắt sáng, môi tươi, mặt trái soan, nước da nhỏ mịn. Anh em tới tấp chạy lại để ngó qua lỗ cửa hỏi thăm tin tức, thiếu nữ tươi cười yên lặng. Lần trước nàng đã trốn trại sau bị bắt lại, các anh em cách mệnh cho quà bánh, nàng đã ôn tồn nói chuyện với mọi người. Khanh hay đến thăm nàng, chàng tưởng mình được nàng lưu ý nhất. Bóng giai nhân chỉ chỉ thoáng hiện nơi trại giam như tia nắng hé ra giữa khoảng trời mây đen. Khanh thờ dài nghĩ thầm ước gì ta gặp nàng lần nữa rồi bị tù chung thân cũng cam! . Đó chỉ là chuyện hồi tưởng, xe đã tới Vụ bản, tại đây chiều chiều nhìn dãy Hoàng Sơn chàng ta mơ mộng tới hình ảnh bất diệt của giai nhân không bao giờ trở lại. Trại giam cho phép một cô gái gánh hàng tạp hóa vào sân trại bán, Khanh nhìn cô bán hàng mơ tưởng tới bóng giai nhân “

Bằng lối hành văn bay bướm, điêu luyện, Khái Hưng đã tạo lên một bầu không khí thật lãng mạn trong một đề tài chính trị, cách mệnh. Một giai nhân xinh đẹp, người nhỏ bé, đôi mắt sáng, cặp môi tươi, mặt trái soan mà các anh em tù thường gọi là ‘Sà Lim 18’, nhưng nàng còn đẹp tuyệt vời hơn nữa vì nàng làm cách mạng cứu quốc vào tù ra khám ba lần, đã được sự sùng kính của toàn thể trại giam.

Khái Hưng tạo nên một chàng cách mạng dạt dào tình cảm, ông cũng tạo nên một không khí lãng mạn cách mạng bay bướm. Chàng cách mạng chăm chỉ đến thăm giai nhân, tặng quà bánh và tưởng là được nàng lưu ý nhất! giữa cánh núi đồi trùng điệp chàng cứ ngồi thần thơ mỗi chiều để gửi lòng yêu tới tận phương xa, mơ màng nghĩ tới người gặp gỡ trong những ngày ngắn ngủi và không bao giờ quên được nàng, đó là hình ảnh bất diệt của giai nhân không bao giờ trở lại, Khái Hưng kết luận.

“Rồi đây, những lúc cách mệnh tha thiết gất gao lên tiếng gọi, y sẽ cảm thấy lòng tự tin, lên đường xông pha trong gian khổ với bóng giai nhân huyền ảo gặp gỡ giữa cảnh lao tù”.

Lời nguyên

Xin sơ lược:

“Đồn Vụ Bản chót vót trên ngọn đồi cao. Khanh , tù nhân chính trị, một hôm ra suối lấy nước, gặp người lính kèn, hắn ta bảo ‘Phải, một lời nguyên!’ !

Trong đám dân kinh bên phố, lính bên đồn, anh em tù chính trị trong trại thỉnh thoảng lại có người già từ cõi nhân gian về miền cực lạc. Khanh cảm thấy sự việc như có liên quan đến lời nguyên ghê gớm của người xưa. Một hôm người lính kể lại cho chàng chuyện ấy.

Đồn Vụ Bản là một trong những đồn binh kiên cố theo chương trình thống trị, nó án ngữ đường Nho Quan – Ninh Bình, nó cũng có thể kiểm soát hành động của những ông quan lang có oai quyền. Vì vậy viên quản mà người Pháp cho về coi đồn là người thật hách. Trước đây có một ông quản tên Tăng, được giữ chức trưởng đồn, ông hách dịch bề vệ, nằm giường Hồng Kông, ăn cơm tây. Mỗi lần sang phố ông đeo huy chương đầy ngực. Tay cầm roi da, dắt chó tây to kék sù. Tụi trẻ thường bảo: – Quan Quản!

Quan là chúa tể vùng này: Nào thu thuế chợ, thuế đò, thuế thân. Dần dần thành ‘quan đồn’ và thành ‘cụ lớn’. Bao nhiêu người lễ lạc quà cáp cho cụ. Nhậm chức mới hai tháng, Cụ Lớn lấy cô nàng hầu người Kinh, con thương gia và hai nàng hầu người Mường nữa.

Quan thường ‘nở’ với mọi người là Quan và Bà Lớn đều là con nhà thế gia đại tộc, cụ thân sinh ra Quan và Bà Lớn toàn là Tổng đốc, Tuần Phủ cả! Có lần ông Quản bịa ra một lô truyện tả cái gia thế nhà mình: Cụ Cố, quan lớn về hưu thích chè tàu, tổ tôm, còn Bà Lớn trông coi mấy trăm mẫu ruộng!

Thế rồi một buổi sáng, một ông già tóc hoa râm và người đàn bà trạc ngoài ba mươi. Cả hai đều quê mùa cục mịch: ông lão quần nâu sắn đến đầu gối, người đàn bà mặc áo tứ thân màu nâu, váy chồi đen. Họ hỏi đường sang đồn, qua phà, sang sông, leo dốc, lên đồi. Khi tới nơi cuối dốc, người lính canh quát:

- Hai người nhà quê hỏi ai?
- Chúng tôi vào thăm ông Quản!
- Vào hầu quan có việc gì?
- Bẩm chúng tôi là người nhà!

Người lính cho người vào trình quan rồi hỏi.

- Có họ hàng thế nào với quan?
- Ông cụ sinh ra quan và vợ quan!

Lúc ấy ông Quản đứng trong sân bảo:

- Đuổi cổ chúng nó ra!

Nhân lúc cổng đồn mở, ông cụ và người đàn bà xông vào sân kêu:

- Tăng, Anh Tăng!

Ông Quản quát mắng:

- Đồ nhà quê! bay đâu tổng cổ chúng nó ra!

Bọn lính tổng cổ hai người ra. Ông lão và con dâu lẳng lẳng ra về, đến bờ sông bên giòng nước chảy ào ào, ông lão thốt lời thề nguyện độc địa:

“Từ nay đũa nào còn lên đây thăm chồng con thì chết như thế này”. Rồi ông nhảy xuống sông tự tử. Từ đó lời nguyện vẫn thiêng lắm, những ai lên đây thăm chồng, thăm con về ốm đau nặng rồi chết”

Một ông quản lờ lờ ‘nở zăng miêng’ với mọi người về gia thế nhà mình, chấy nhà ra mặt chuột, khi ông cụ và mẹ đi lên thăm thì xấu hổ sai lính đuổi không nhận là bà con.

Theo ông Trần Ngọc, trong cuốn Kỷ Vật Đầu Tay Và Cuối Cùng, Khái Hưng viết truyện này để diễn tả cái chủ trương ‘vô gia đình’ của những người độc quyền yêu nước, từ chối bà con ruột thịt, và như vậy tác giả đã nguyện không bao giờ còn liên hệ với các ‘đồng chước’ vô gia đình vô tổ quốc ấy.

Một truyện ngắn gọn đơn sơ mang màu sắc huyền bí ghê rợn, ý nghĩa thật là sâu sắc, nó thể hiện cái phi nhân bản của những người tự cho là vị tha yêu nước. Độc giả như thấy hiện ra một vùng rừng thiêng nước độc với một lời nguyện ghê gớm.

HỒ

Xin sơ lược:

“Bảy Hai, người lính gác trên chòi cao một trại tù. Hắn đã hai lần đánh mõ tre đáp lại tiếng khánh sắt cầm canh bên đồn. Hắn buồn ngủ muốn riu mắt mà không dám ngủ vì sợ đội Giới phạt. Đội Giới thù ghét Bảy hai vì một truyện nhỏ tại sông bài tối qua.

Tối nay, dưới ánh trăng mờ, Bảy Hai ngấm cảnh để quên đi giấc ngủ, hắn chớp mắt được vài phút rồi choàng tỉnh, linh tính báo cho biết có chuyện gì ghê gớm. Hắn trông thấy một vật gì như con bò đang tiến về phía mình, tới lưng chừng đổi nó dừng lại rẽ sang phía nam, một lúc sau nó tiến về phía Bảy Hai, hắn nhận rõ đó là con hổ lực lưỡng, to béo đang từ từ tiến lại. Bảy Hai hồn vía lên mây xanh không dám động tịnh. Con hổ lực lưỡng tới chân thang chòi dừng lại rồi nằm xuống, Bảy Hai không dám cựa quậy, hắn chỉ sợ nó vùng dậy chồm lên đập đổ cột chân chòi gác làm thịt mình, hắn định bắn mà không dám, chỉ sợ trật hay bắn bị thương nó thì vô cùng nguy hiểm, hắn biết rằng nó chỉ chống lại người, tấn công người khi có ý định giết nó. Tiếng khánh bên đồn và tiếng mõ tre các chòi canh vang lên, Bảy Hai không dám đánh, hắn nghĩ nếu mai có bị phạt cũng ráng chịu vì nếu gây tiếng động bây giờ là toi mạng. Không nghe thấy tiếng mõ của Bảy Hai, Đội Giới bèn lại chòi canh của hắn để rình bắt quả tang Bảy Hai ngủ gục trong canh gác để phạt trả thù. Bảy Hai bắt đầu lo cho tính mạng của Đội Giới, hắn vụt quên mối thù để nghĩ tới tai họa do một loài khác tàn ác gây ra. Lòng nhân đạo tự nhiên sống dậy, hắn nghĩ tới cách cứu mạng một người, tiếng chân người nghe lạo xạo, con hổ vẫn nằm im lìm. Bảy Hai hoảng hốt thét lớn.

- Đứng lại, có hổ đấy! có hổ! con hổ chạy biến mất, người cũng chạy biến đi”

Khái Hưng lấy truyện người gác tù (lính Tây) có tình thương đồng bào để ám chỉ tình thương của người quốc gia đối với kẻ thù khi tai họa xảy ra. Dù là người mình thù ghét, ta vẫn có thể quên đi mối hận để cứu họ vì tình đồng loại, cái mà ông gọi là lòng trắc ẩn, tình nhân đạo.

“Mối thù y vụt quên để chỉ nghĩ tới tai nạn xảy đến cho kẻ đồng loại do một loài khác, một loài tàn ác gây lên. Lòng trắc ẩn, tình nhân đạo đến với y một cách tự nhiên, một cách ngẫu nhiên. Y không lý luận nữa, không cân nhắc nữa, chỉ tìm cách cứu sống một con người thoát khỏi nanh vuốt một con vật”.

Thánh Ghandi đã nói chúng ta có thể chiến thắng bằng tình thương.

Nhung

Xin sơ lược:

Sinh là con trai của bà Đồ, một thanh niên hư hỏng, rượu chè, cờ bạc. Là con một ông Cử, chị em bà đều lấy chồng con nhà nho, nhưng chị bà lấy ông Thượng Nguyễn đỗ đạt làm quan, còn chồng bà chỉ là ông đồ nghèo kiết. Chị bà có giúp bà nhiều phen, nhận nuôi Sinh cho cùng đi học với con mình, rồi chồng bà chết, chị bà chết, ông Thượng Nguyễn (anh rể) lấy vợ khác, bà vợ này có con gái tên Nhung. Ông Thượng bạc đãi Sinh nên anh bỏ về với mẹ, đã hai mươi tuổi, anh học không hay, nghề không có, cờ bạc phá của, khiến gia đình ngày càng thiếu hụt. Sinh oán thù ông Thượng và gia đình ông. Hồi chị của mẹ hắn (bà Cả Thượng) còn sống, bà coi hắn như con, mua sắm đủ thứ, và nay bị đối xử bạc bẽo, hắn cho là hai mẹ con Nhung gây lên rồi oán ghét gia đình ông Thượng, hắn oán ghét tất cả xã hội quan lại, hào phú, trường giả, hắn tìm ra đủ tội lỗi đê tiện, xấu xa. Sinh có quan niệm về xã hội loài người: Loài người chia làm hai giai cấp: Giai cấp nhiều quyền lợi và giai cấp không có quyền lợi. Hắn nghĩ tới cách giải quyết vấn đề cho những người ở giai cấp thua thiệt; hắn lười biếng, hư hỏng nhưng chỉ muốn cải tạo xã hội, hắn cương quyết phá hoại phe địch, hắn đi nói xấu bọn nhà giàu như ông Thượng, người đã nuôi hắn, cho hắn nếm mùi phú quý rồi ném hắn xuống đất đen cho thắm thía chệnh lệch bất công, hắn tuyên truyền bôi nhọ bọn phú hào rằng chúng đã xây đắp hạnh phúc trên xương máu quần chúng.

Khi ấy xảy ra vụ cướp nhà ông Thượng Nguyễn, người ta đoán chắc Sinh có dính líu vụ này vì dinh cơ kiên cố rộng rãi ấy nếu không có người thuộc đường như Sinh chỉ lối thì cướp không thể vào được. Sinh bị bắt, người làng vui cười, họ cho là hắn đáng tội vì hắn căm thù gia đình ông Thượng ghê gớm. Hôm cướp vào nhà, ông bà Thượng đi vắng, người nhà chạy trốn thoát, duy chỉ có Nhung bị bắt. Về sau bọn cướp bị quan nha bắt, người ta kêu Nhung đến nhận diện chúng. Nàng nhận diện hết mọi tên trừ Sinh, có người nghĩ Sinh vô tội, có người cho là Nhung thương hại hắn vì chính bọn cướp cũng khai Sinh là đồng lõa.

Vụ cướp băng đi một thời gian, người ta lại bàn tán đến chuyện mới xảy ra: Sinh tự tử trong buồng để lại bức thư tuyệt mệnh gửi Nhung.

B.... ngày 1940.

Em Nhung.

Đây là một bức thư dài dòng văn tự, Sinh cho biết mẹ hắn là em bà Thượng cả (mẹ Nhung là bà hai) không phải là dì Nhung, hắn và nàng không có họ hàng với nhau, ví thử có lấy Nhung làm vợ cũng không sao. Từ ngày được thả về, trí óc hắn rối ren, nay quyết định chết nên rất bình tĩnh, khi Nhung nhận thư này Sinh đã là cái xác không hồn.

Lúc thì hắn xưng anh, lúc thì hắn xưng em, . . .hắn gửi lời vĩnh biệt, lời tạ lỗi vì đã xúc phạm Nhung trong cái đêm lịch sử ấy, Sinh thú tội với Nhung ví như một tín đồ Thiên Chúa xưng tội để trút gánh nặng trong lòng, hắn nói tội dốt cướp vào nhà bác và làm nhục một thiếu nữ chưa đáng kể, hắn thú một tội tày trời: thuở nhỏ được hai bác dạy dỗ nuôi nấng, sống trong cảnh giàu sang không bao giờ Sinh thương người nghèo, có một điều mà Nhung không ngờ là hắn yêu Nhung thắm lén bao lâu nay, Nhung thì lãnh đạm, mẹ Nhung khinh rẻ hắn (bà này là bà hai, không bà con với Sinh) bởi thế hắn bỏ về ở với bà cụ, từ chỗ tư thù cá nhân biến thành thù chung của cả xã hội bị bóc lột, Sinh chỉ ao ước được trả thù cho giai cấp bị hất hủi như hắn. Chủ ý của Sinh là giết hai bác, làm ô nhục Nhung, tình yêu trong lòng hắn vẫn còn, khi bị bắt giam Sinh đã hối hận trước khi Nhung nhận diện, hắn nghĩ tại sao Nhung không để cho hắn chịu hình phạt lại cứu vớt hắn ra khỏi ngục thất làm chi, đối với Nhung hắn đời đời là tên khốn nạn và tự khép mình vào án tử hình”

Bằng một truyện tình bi thảm, lãng mạn tuyệt vời, Khải Hưng đã diễn tả cái thô bạo bất nhân của đấu tranh giai cấp và hận thù giai cấp. Đấu tranh giai cấp không phải là một lối thoát để giải quyết bất công xã hội mà chỉ là biểu hiện của thú tính con người để trả thù đời bằng bạo lực đê hèn. Sinh một tên vô lại, cặn bã của xã hội, từ hận thù cá nhân đưa tới hận thù xã hội, hắn đã dùng thủ đoạn tàn bạo để giải quyết hận thù xã hội. Đó chỉ là phá hoại xã hội chứ không phải

xây dựng cho xã hội tốt đẹp hơn lên, nhưng Sinh còn biết xấu hổ về cái hành động đê hèn của mình.

Đề tài của Khái Hưng trong các tác phẩm cuối cùng của ông thường xoay quanh trại tù Vụ Bản, đó là những áng văn tuyệt tác cuối cùng của một nhà cách mạng đáng kính, một chiến sĩ quốc gia yêu nước, những áng văn đã đóng góp rất nhiều cho nền văn học mới nước nhà.

© *Đàn Chim Việt*